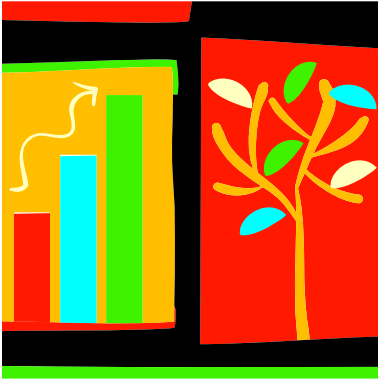


Gabriel Garcia Márquez



Cái chết vĩnh hằng bên kia tình yêu

Sáu tháng mười một ngày trước khi chết, ngài nghị sĩ Onésime Sanchez quen được người phụ nữ của đời mình. Ông gặp cô ở làng Cây Hồng Cửa Phó Vương, một ngôi làng hẻo lánh; ban đêm, đó là chỗ những chiếc thuyền buôn lậu lén lút ẩn mình nhưng dưới ánh nắng mặt trời chói chang nó chỉ phơi ra bộ mặt của một cái hốc lạch lổng và vô vị giữa sa mạc, đối mặt với biển cả khô khan và vô tận, cách biệt với mọi thứ đến độ người ta khó mà tin được rằng có ai đó có thể làm thay đổi số phận của một người khác. Cái tên làng cũng như một trò giễu chơi bởi vì bông hồng duy nhất thấy được trong làng đã bị ngài nghị sĩ Onésime Sanchez xoáy khéo ngay trong đêm ông quen được Laura Farina.

Đó là một chặng dừng chẳng đáng dừng trong chiến dịch vận động tranh cử diễn ra mỗi bốn năm. Những chiếc xe chở hàng của đoàn đã đến từ sáng, tiếp theo sau là những chiếc xe tải chở đầy người da đỏ từ các làng bên đã được trả vài đồng peso để đến cho buổi lễ chính thức thêm phần đông đúc. Khoảng gần mười một giờ, trong tiếng nhạc xập xình, tiếng pháo ì ùng và đoàn xe jeep hộ tống, chiếc xe hơi nội các màu mật dâu xuất hiện. Ngài nghị sĩ Onésime

Sanchez trông điềm tĩnh và không có tuổi trong chiếc xe hơi máy lạnh, nhưng khi cửa sổ xe mở ra một luồng hơi nóng ập vào làm ông rung mình và chiếc áo sơ mi lụa của ông mau chóng ướt đẫm chuyển thành màu cháo trắng nhòe. Ông đột nhiên cảm thấy mình già yếu hơn và đơn độc hơn bao giờ hết. Ông vừa mừng bốn mươi hai tuổi, đã từng vinh dự lãnh bằng kỹ sư luyện kim ở Göttingen¹ và hoài công miệt mài đọc những bản dịch dở hơi các tác phẩm cổ điển Latin. Ông đã cưới một cô vợ người Đức thanh lịch sinh cho ông năm đứa con sống cả nhà vui vầy hạnh phúc và chính ông từng là người hạnh phúc nhất đời cho đến cách đây ba tháng, người ta thông báo rằng ông sẽ chết và chắc chắn chết vào kỳ Giáng sinh tới. Trong khi người ta sửa soạn chuẩn bị cho buổi lễ chính thức, ngài nghị sĩ đã lánh mặt được hẳn một giờ trong ngôi nhà dành riêng cho ông để nghỉ ngơi. Trước khi ngã lưng, ông đặt vào một ly nước bông hồng mà ông đã giữ tươi nguyên xuyên suốt sa mạc, lấy một ít ngũ cốc ăn kiêng mà ông mang theo dùng thay bữa trưa để bớt ngán ngẩm món phá lấu dê dậy vung đang chờ vào buổi tối và uống một loạt thuốc giảm đau trước giờ quy định, mong được khuây khoả trước cơn đau dày vò. Sau đó ông cắm điện cái quạt máy gần chiếc võng và nằm trần như thế khoảng mười lăm phút dưới bóng bông hồng, luôn cố gắng hết sức giữ tinh thần thư giãn để không phải nghĩ đến cái chết khi chìm vào mộng mị. Ngoài các bác sĩ, không ai biết ông sắp về trời vì ông đã quyết định giữ bí mật cho riêng mình, không thay đổi gì cuộc sống của ông, không phải vì kiêu hãnh mà là vì e ngại.

- Chúng ta ở đây để chinh phục Tự nhiên, - ông lên tiếng với tất cả niềm tin của mình. - Chúng ta sẽ không còn là những đứa con rơi

của tổ quốc, những kẻ mồ côi của Thượng đế nơi miền đói khát và mưa nắng thất thường, cũng không là kẻ lưu vong trên chính quê hương của mình. Chúng ta sẽ khác, thưa quý bà quý ông, chúng ta sẽ lớn mạnh và hạnh phúc.

Khoảng ba giờ chiều, ông cảm thấy hoàn toàn làm chủ được mình khi ra lại trước công chúng, vẻ đầy sẵn khoái, mặc quần tây vải thô và áo sơmi in hoa, trong lòng khoan khoái sau khi thuốc có hiệu lực. Song le, bớt lo sợ chết chỉ là sự giả tạo trong suy nghĩ của ông vì khi bước lên sân khấu, ông nhận thấy một sự khinh miệt lạ kỳ trước những người đang tranh giành nhau cơ hội được bắt tay ông và không còn thương xót đám người da đỏ đi chân trần chịu đựng cái nóng rát bỏng trên nền đất khô cằn này nữa. Bằng một cái khoát tay, gần như là giận dữ, ông ra hiệu ngưng tiếng vỗ tay và bắt đầu nói không một cử động, mắt dán vào mặt biển đang bốc hơi nóng nghi ngút. Giọng ông chậm và trầm sâu nhờ nước uống lúc giải lao nhưng bài diễn thuyết học thuộc lòng và nhai đi nhai lại nhiều lần không phải dùng để nói lên sự thật; nó chỉ chống lại một phán quyết theo thuyết định mệnh trong quyển IV hồi ức của Marcus Aurelius².

Đó là những công thức trong trò xiếc của ông. Trong khi ông nói, những người phụ tá ném lên trời những nắm gà mái bằng giấy, và những con vật giả đó như sống dậy, bay bay khắp trên sân khấu và nối nhau bay về phía biển. Cùng lúc đó, những người khác lôi từ xe tải ra những chậu cây giả dùng trong rạp hát có lá vẽ bằng bút phốt và đem trồng trên nền đất khô cằn phía sau đám đông lố nhố. Sau cùng, họ kéo màn trình diễn một khung cảnh làm giả bằng carton bột đúc với những ngôi nhà tường gạch đỏ au và cửa sổ lắp kính, che giấu đi bộ mặt tồi tàn trong cuộc sống thực.

Ngài nghị sĩ say sưa với bài diễn thuyết, trích dẫn hai câu nói tiếng Latin, để cho màn hài kịch thêm hoàn chỉnh. Ông hứa hẹn về những chiếc máy tạo mưa, về những chiếc máy chăn nuôi xách tay cho vật nuôi lấy thịt, về các loại dầu hạnh phúc giúp rau cải mọc được trên nền đất cằn khô và về những chùm bông giấy trên cửa sổ. Khi thấy không còn quên thứ gì trong thế giới tưởng tượng của mình, ông đưa tay chỉ:

- Chúng ta sẽ là như thế, thưa quý bà quý ông! - Ông hô vang. -

Chúng ta sẽ là như thế! Hãy nhìn kỹ đi!

Công chúng quay lưng lại. Một chiếc tàu vượt biển bằng giấy vẽ lộ ra phía sau các ngôi nhà, một chiếc tàu vượt biển cao hơn cả những ngôi nhà cao nhất thành phố vẽ. Ngài nghị sĩ là người duy nhất thấy lặp đi lặp lại cái cảnh kéo lên kéo xuống, kéo tới kéo lui này, cái ngôi làng carton được nâng cao này cũng bị nhuộm màu mưa nắng, và cũng nghèo nàn, cũng bụi bặm và buồn tẻ như làng Cây Hồng Của Phó Vương.

Lần đầu tiên trong mười hai năm qua, Nelson Farina không đến chào ngài nghị sĩ. Ông nghe bài diễn thuyết, nằm yên trên võng, giữa các quãng giải lao buổi trưa, dưới bóng mát ngôi nhà gỗ thô mà ông đã dựng lên bằng đôi tay được sĩ của mình, chính đôi bàn tay ấy đã phân thân người vợ đầu của ông. Ông đã trốn khỏi nhà tù Cayenne³ để trở về Cây Hồng Của Phó Vương trên một chiếc tàu chở đầy những kẻ ba hoa vô tội, dẫn kèm theo một cô nàng da đen xinh đẹp đá cá lặn dưa gập nhau từ hồi ở Paramaribo⁴ và đã sinh cho ông một cô con gái. Không lâu sau đó người vợ đã mất vì bệnh, nhưng không có may mắn như người vợ trước với phần xác còn lại được đem bón cho hàng suplor trong vườn rau nhà. Bà được chôn cất

nguyên vẹn trong nghĩa trang của làng, với tên gọi Hà Lan của mình. Cô con gái thừa hưởng làn da và vóc dáng của mẹ, và do đó người cha đôi mắt vàng vọt ngỗ ngược cứ nghĩ rằng mình đang nuôi nấng người phụ nữ đẹp nhất trần đời.

Khi làm quen với ngài nghị sĩ Onésime Sanchez, hồi kỳ vận động tranh cử đầu tiên, Nelson Farina đã đề nghị ông ta giúp làm một thẻ căn cước giả hòng lẩn tránh pháp luật. Ngài nghị sĩ, dễ chịu nhưng kín kẽ, đã từ chối giúp. Nelson Farina nhất quyết không chịu thua; suốt nhiều năm liền, mỗi khi có dịp là ông ta nhắc lại lời đề nghị của mình, bằng cách này hay cách khác. Nhưng ông ta luôn nhận được cùng một câu trả lời. Vì vậy lần này ông ta nằm yên trên võng, chịu chết dí trong cái nóng hầm hập như lửa thiêu. Khi nghe tiếng vỗ tay hoan hô kết cục, ông ta vươn cổ nhìn, và qua những cọc rào, ông thấy được hậu trường của vở hài kịch: nền của những công trình giả, khung cốt của những chậu cây giả, những người phụ trợ ẩn mình phía sau đẩy chiếc thuyền vượt biển. Ông ta nhỏ toẹt oán giận.

- Mẹ kiếp, - ông văng tục. - Đúng là trò hề chính trị*.

Khi diễn thuyết xong, theo thói quen ngài nghị sĩ đi một vòng quanh các con đường trong làng, với nhạc trống xập xình và pháo nổ bùm bụp, phụ họa thêm cảnh nhiều người ở góc đường bám lấy kẻ lẻ khó khăn cơ cực. Ngài nghị sĩ chân tình lắng nghe họ và luôn tìm được cách an ủi người này người kia mà không phải ban cho họ những ân huệ rắc rối. Một bà trèo hẳn lên mái nhà, dẫn kèm theo sáu đứa con, nói oang oang bất kể đám đông âm ỉ và tiếng pháo ì ùng:

- Tôi không cần gì nhiều hết, thưa ngài nghị sĩ. Chỉ một con lừa để chở nước từ Giếng Người Chết Treo.

Ngài nghị sĩ trông thấy sáu đứa con đầy cáu bẳn, hỏi lại:

- Vậy chồng của bà để làm gì?

- Ông ấy đã đi tìm vận may ở đảo Aruba⁵, - bà ta trả lời vui vẻ. - Và thứ duy nhất ông ấy tìm được là một trong những con mụ chuyên nhét kim cương vào trong răng ở cái xứ đó.

Câu trả lời làm cho cả đám đông ồ cười.

- Sẽ ổn thôi, - ngài nghị sĩ trả lời. - Bà sẽ có con lừa.

Một lát sau, một người giúp việc của ông dẫn đến nhà bà ta một con vật mang vác, trên mạng sườn vẽ vĩnh viễn biểu tượng của cuộc vận động bầu cử, để cho không ai quên được có sự hiện diện của ngài nghị sĩ.

Trong chuyến diễn thuyết ngắn ngủi này, có vài chỗ làm cho ông để ý tới. Ông dứt cả cháo cho một người bệnh đòi được dìu khỏi giường đưa ra tận cửa để nhìn ông đi qua. Ở góc đường, ông thấy Nelson Farina đang nằm trên võng, mắc giữa hàng cột trước sân; ông ta có mái tóc đang ngả màu hoa râm và khuôn mặt ủ dột. Ông lạnh nhạt chào ông ta.

- Ông khoẻ chứ?

Nelson Farina quay lại và chăm chăm nhìn ông với ánh mắt vàng vọt u buồn.

- Tôi, ngài biết rồi đó*, - ông ta trả lời.

Cô con gái ông ta vừa bước ra sân khi nghe hai người chào nhau.

Cô mặc một chiếc váy vùng Guajira⁶ bình thường cũ kỹ, đầu quấn những dải ruban sặc sỡ và khuôn mặt lem nhem kem chống nắng.

Bất kể dáng vẻ luộm thuộm này, cô gái vẫn khiến cho người ta tin rằng không có người phụ nữ nào đẹp hơn nữa trên mặt đất này. Ngài nghị sĩ nghe mình thở gấp.

- Khỉ gió thật! - ông thở dài, không khỏi ngạc nhiên. - Rõ là ông trời

khéo sắp đặt!

Tối hôm đó, Nelson Farina cho con gái ăn vận những thứ đẹp nhất và cho đi đến gặp ngài nghị sĩ. Hai người lính gác mang súng ngắn đầu gậy gù dưới cái nóng bức của ngôi nhà ra lệnh cho cô ngồi chờ trên cái ghế duy nhất ngoài tiền sảnh.

Ngài nghị sĩ đang ở phòng kế bên, trong cuộc họp với các vị thân hào làng Cây Hồng Cửa Phó Vương được mời đến để tiết lộ những sự thật ẩn giấu đằng sau những bài diễn thuyết của ông. Họ cũng giống như tất cả những người khác ông đã gặp trong các ngôi làng vùng sa mạc, cái xứ mà Onésime Sanchez đã ngán tận cổ những buổi họp tối như thế này. Chiếc áo sơ mi ướt đầm mồ hôi và ông định hong khô luôn cả thân mình bằng luồng hơi nóng của cái quạt điện đang kêu vo vo như một con muỗi khổng lồ trong căn phòng họp mạnh ai nấy ngủ gà ngủ gật.

- Chúng ta thì khác, chắc chắn rồi, chúng ta không mù quáng theo những con gà mái giấy, - ông nói.

- Các ngài và tôi chúng ta đều biết rằng cái ngày mà cây cối hoa cỏ mọc lên trên mảnh đất chó ăn đá gà ăn sỏi này, cái ngày mà cá lội trong mương trong giếng thay cho bầy loăng quăng, thì cũng là ngày mà cả các ngài lẫn tôi chẳng còn chuyện gì làm ở cái xứ này nữa.

Các ngài vẫn nghe tôi đấy chứ?

Không ai trả lời. Trong khi nói, ngài nghị sĩ đã gỡ một tờ lịch và xếp hình một con bướm. Ông thấy nó ra trước luồng gió cánh quạt, không vì một lý do nào. Con bướm bay vòng quanh trong phòng rồi lao thẳng ra phía cánh cửa hé mở. Ngài nghị sĩ tiếp tục nói với một sự tự tin được củng cố bằng sự đồng loã của cái chết.

- Vì vậy, - ông ta nói, - tôi không cần phải lặp lại với các ngài điều mà

các ngài vẫn biết rõ: tôi tái đắc cử là cách tốt nhất cho các ngài cũng như bản thân tôi, bởi vì cho tới bây giờ tôi vẫn điều khiển được cuộc sống nhóp nhép và sức lao động của người da đỏ, trong khi các ngài, các ngài sống nhờ vào điều đó.

Laura Farina trông thấy con bướm giấy bay ra ngoài. Cô là người duy nhất thấy nó bởi vì những người lính gác ngoài tiền sảnh đã ngủ gục trên băng ghế, súng vẫn bồng trên tay. Sau vài vòng, con bướm giấy lịch to đùng ấy duỗi thẳng ra ép bẹp dí lên tường rồi dính luôn ở đó. Laura Farina cố gỡ nó ra bằng con dao nhíp. Một người lính vừa tỉnh dậy bởi tiếng vỗ tay hoan hô ở phòng bên, nhận thấy cô đang cố làm một việc thật vô ích.

- Không có gỡ nó ra được đâu, - anh ta ngái ngủ nói. - Người ta vẽ lên tường mà.

Laura Farina quay trở lại ghế ngồi khi các quý ông rời cuộc họp bước ra. Ngài nghị sĩ đứng ở cửa phòng, vịn nắm tay cầm, và chỉ nhìn thấy Laura Farina khi ngoài tiền sảnh không còn một ai.

- Cô làm gì ở đây?

- Là để thay mặt cho cha tôi*, - cô nói.

Ngài nghị sĩ hiểu ra. Ông liếc nhìn những người lính gác đang ngủ gục, sau đó liếc nhìn Laura Farina trong vẻ đẹp không tưởng tượng nổi đang thúc giục ông còn gấp gáp hơn cả nỗi đau dày vò và cho ông thấy rõ cái chết đã định sẵn.

- Vào đây, - ông ra hiệu cho cô.

Laura Farina đứng trầm trồ trước cửa phòng: hàng ngàn tờ bạc ngân hàng bay tung trong gió, chập chờn như những cánh bướm. Nhưng ngài nghị sĩ tắt quạt đi, và khi không còn gió, các đồng tiền lả tả rơi xuống khắp các đồ vật trong phòng.

- Cô thấy không, - ông cười mỉm nói, - ngay cả rác rưởi cũng bay được.

Laura Farina ngồi xuống, như ngồi trên băng ghế nhà trường. Cô có làn da mịn màng và êm ái, có màu và độ bóng sánh cùng với dầu thô. Mái tóc cô tựa như mái bờm một nàng ngựa cái tơ nồn nà nhất và đôi mắt menh mông thì sáng rực như lửa. Ngài nghị sĩ nhìn theo ánh mắt cô đang dừng lại trên cánh hồng bị vấy bẩn.

- Đó là một bông hồng, - ông nói.

- Vâng, - cô nói có vẻ bối rối. - Tôi đã thấy nó ở Riohacha7.

Ngài nghị sĩ ngồi lên chiếc giường đã chiến, vừa kể về bông hồng vừa cởi nút áo sơ mi. Trên một bên ngực, ở nơi ông cho là trái tim đang trú ngụ, có một hình xăm hải tặc: một trái tim bị cung tên xuyên thủng. Ông ném chiếc áo ướt đẫm xuống đất và bảo Laura Farina đến cởi giày bớt cho ông.

Cô quỳ gối bên cạnh giường. Ngài nghị sĩ tiếp tục dò xét cô, mặt đắm chiêu, trong khi cô tháo dây giày. Ông tự hỏi ai trong hai người là kẻ bất hạnh hơn trong cuộc phiêu lưu này.

- Cô hãy còn là một cô bé, - ông nói.

- Đừng nghĩ vậy, - cô nói. - Tháng tư này tôi sẽ tròn mười chín tuổi.

Ngài nghị sĩ thấy hứng thú hơn.

- Ngày mấy?

- Ngày mười một, - cô trả lời.

Ngài nghị sĩ thở ra nhẹ nhõm.

- Chúng ta cùng có mạng Cừu, - ông nói, và mỉm cười nói thêm: - Đó là dấu hiệu của sự cô đơn.

Laura Farina không để ý đến ông vì mãi mê nghĩ không hiểu giày bớt dùng để làm gì. Phần ngài nghị sĩ, không biết Laura Farina đang làm

gì, lại không quen có những tình cảm yêu đương bất chợt. Hơn nữa, trong mắt ông chuyện này có nguồn gốc không đàng hoàng. Chỉ có cách cướp lấy thời gian và khỏi bận tâm, ông kéo Laura Farina vào giữa hai đầu gối, ôm vòng lấy cô và đặt nằm ngửa trên giường. Đến lúc này ông mới nhận ra cô không mặc gì dưới chiếc váy; thân thể cô bốc ra mùi nhờn nhợ hoang dã nhưng trái tim cô đập loạn xạ và làn da lạnh tái đi vì khiếp sợ.

- Chẳng ai yêu thương chúng ta cả, - ông thờ dài.

Laura Farina muốn nói điều gì đó, nhưng cô thấy ngộp thở. Cô chỉ đủ sức hít thở cầm chừng. Ông đặt cô nằm qua cạnh bên để giúp cô, với tay tắt đèn và căn phòng chìm vào dưới bóng tối lờ mờ của bóng hồng. Cô tự nhủ thương cảm cho số phận của mình. Ngài nghị sĩ nhẹ nhàng vuốt ve cô, bàn tay chỉ chạm khẽ lên da, và đến chỗ ông mong tìm thấy, ông chạm phải một vật bằng kim loại.

- Cô có cái gì ở đây vậy?

- Một cái ổ khoá, - cô trả lời.

- Chuyện quái quỷ gì đây! - ngài nghị sĩ nổi xung lên. Và ông hỏi cô thứ ông biết rất rõ: - Chìa khoá đâu?

Laura Farina thở ra nhẹ nhõm.

- Chỉ cha tôi mới có nó, - cô trả lời. - Cha tôi sai tôi tới nói là ông có thể cho người đi lấy nó với một tờ giấy ghi lời hứa sẽ giải quyết chuyện của ông ấy.

Ngài nghị sĩ trong bụng ức giận, nghiêng răng rửa thâm: “Trò cầm sừng rác rưởi!” Rồi ông nhắm mắt thả lỏng người và suy ngẫm trong bóng tối. Hãy nhớ lấy rằng, - ông nhớ lại, - dù người hay là ai khác, các người sớm muộn gì rồi cũng sẽ chết và chẳng mấy lâu sau, người ta sẽ quên bẵng đi ngay cả tên họ của các người*. Một cơn

rùng mình thoáng qua người ông.

- Hãy nói cho ta biết, - ông cất tiếng hỏi. - Cô nghe người ta nói gì về ta?

- Ngài có muốn nghe sự thật, sự thật thực sự?

- Ta muốn nghe sự thật, sự thật thực sự.

- Vậy thì, - Laura Farina mạnh dạn thì thầm, - người ta nói là ông ghê gớm hơn người khác bởi vì ông khác họ.

Ngài nghị sĩ không có vẻ gì lúng túng. Ông im lặng thật lâu, mắt nhắm nghiền, và khi mở mắt ra lại, có thể tin rằng ông đã quay về với những bản năng được che đậy kín kẽ nhất.

- Thật là đồ rác rưởi! - Ông kết luận. - Cô về nói với cha cô là tôi sẽ dàn xếp việc của ông ấy.

- Nếu ngài muốn, tôi có thể tự mình đi tìm chìa khoá, - Laura Farina nói.

Ngài nghị sĩ giữ cô lại.

- Quên cái chìa khoá đi, - ông nói, - và ngủ với ta một lát. Có được ai đó bên cạnh thật là hay trong những lúc cô độc.

Cô áp ông vào vai mình, mắt đăm đăm nhìn bông hồng. Ngài nghị sĩ ôm vòng lấy cô, dụi đầu vào dưới đôi cánh tay hoang dã của cô và gục ngã trước nỗi khiếp sợ. Sáu tháng mười một ngày sau đó, ông đã chết ở cùng một tư thế, để lại những lời đồn thổi về vụ tai tiếng vì Laura Farina. Nhưng ông đã khóc giận nếu không được chết trong vòng tay cô.

(Theo bản dịch tiếng Pháp của Claude Couffon, in trong: Raconter des histoires, Nouvelles recueillies par Nadine Gordimer, Édition Grasset & Fasquelle, Paris, 2005)

Nguồn: Người đại biểu nhân dân (số 07-08 tháng 12/2005)

Ghi chú:

1 Göttingen: thành phố ở Đức, có trường đại học nổi tiếng về cơ khí xây dựng.

2 Marcus Aurelius Antoninus: hoàng đế La Mã (161-180).

3 Cayenne: thủ phủ vùng Guyane, thuộc địa Pháp ở Nam Mỹ.

4 Paramaribo: thủ đô Surinam.

5 Aruba: một đảo thuộc quần đảo Antilles thuộc địa Hà Lan.

6 Guajira: bán đảo ở Nam Mỹ (Colombia và Venezuela).

7 Riohacha: thành phố ở Colombia, thủ phủ vùng Guajira.

8 Theo cung hoàng đạo phương Tây, những người sinh từ ngày 21 tháng 3 đến 20 tháng 4 có mạng Cừu.

** Nguyên văn nhân vật nói bằng tiếng Pháp.*

Gabriel Garcia Márquez

Cụ già có đôi cánh khổng lồ

Trời mưa đến ngày thứ ba. Cua bị chết ở trong nhà rất nhiều đến nỗi Pê-la-đô phải lội qua sân nhà mình ngập nước để ra biển ném chúng đi, bởi vì đứa trẻ mới sinh cả đêm qua sốt cao quá và người ta liền nghĩ ngay rằng nó ốm là do nhiễm phải cái mùi khắm của xác những con vật chết. Ngay từ ngày thứ ba, khung cảnh làng thật buồn bã. Bầu trời và mặt biển đều xám màu tro. Các bãi biển mọi ngày cứ vàng rộm chói chang dưới ánh mặt trời nay biến thành những vũng nước nổi váng bùn và rác rưởi. Ngay lúc đang trưa ánh sáng cũng lơ mờ yếu ớt đến mức Pê-la-đô từ ngoài biển trở về phải lấy hết sức bình sinh mới nhìn ra ở cuối sân có một vật gì đó đang cựa quậy và rên rỉ. Anh ta buộc phải đến rất gần mới nhận ra được có một ông già ngã sấp trên mặt đất bùn và dù cố sức vùng vẫy đến đâu ông già cũng không đứng dậy nổi bởi hai cánh to, rất to cứ ghim cổ lại. Pê-la-đô rất kinh hoàng, vội chạy đi tìm Ê-li-xen-đa, vợ anh đang pha thuốc cho đứa trẻ ốm và lôi chị đến tận nơi có ông già. Hai người vừa lo sợ vừa chăm chú quan sát ông già. Quần áo của ông rách như tổ đĩa. Trên cái đầu hói bóng lờ thơ sót lại mấy sợi tóc bạc kéo từ thái dương ra sau gáy và hai hàm răng cũng chỉ còn lại mấy chiếc

khấp khểnh. Trông ông già trong tình trạng ấy thật là thiếu não. Đôi cánh của ông già giống như cánh gà, bê bết bùn trụi gần hết lông, cứ dính chặt xuống đất bùn. Do ngắm nhìn ông già quá lâu và quá quan tâm lo lắng cho ông già, cả hai người không cảm thấy sợ nữa và bắt đầu cảm thấy ông già gần gũi với mình hơn. Thế là họ bạo dạn đến nói chuyện với ông già và ông già đã trả lời họ bằng thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu nhưng giọng nói của ông sang sảng như giọng nói của thủy thủ. Thế là, không kể đôi cánh kia gây cho họ cảm giác khó chịu, ông già đem lại cho họ một ý nghĩ đúng đắn. Họ nghĩ, đó là một hành khách đi trên một chiếc tàu ngoại quốc bị cơn bão đánh đắm và ông già đã dạt vào đây. Tuy nhiên, bọn họ đã gọi bà hàng xóm thông hiểu nhiều chuyện đời và chuyện bí ẩn của thần chết cùng đến xem ông già. Chỉ cần nhìn thoáng một cái, bà ta đã nói để an ủi hai người:

- Đó là một vị thần. Ta tin chắc rằng ngài đến để chúc mừng đức trẻ mới đẻ nhưng vì quá già nên đã bị mưa bão đánh ngã.

Đến ngày hôm sau, cả bàn dân thiên hạ đều biết rằng trong nhà Pê-la-đô có một vị thần bằng xương bằng thịt. Theo quan điểm của bà hàng xóm thông hiểu mọi nhẽ thì trong thời kì ấy các vị thần đều là những kẻ sống sót và phải chạy trốn cuộc nổi loạn trên thiên đường, cho nên dân làng không đang tâm dùng gậy mà đập chết ông già. Suốt buổi chiều hôm ấy, từ nhà bếp, Pê-la-đô dùng chiếc dùi cui ngồi canh chừng ông già. Trước khi đi ngủ, anh ta lôi ông già trên đất bùn đến chuồng gà và nhốt ông già vào với bầy gà trong chuồng bưng lưới sắt. Đến nửa đêm, khi trời mưa tạnh, Pê-la-đô và Ê-li-xen-đa vẫn tiếp tục giết lũ cua bò trong nhà. Sau đó ít lâu, đứa trẻ thức giấc, hết sốt, đòi ăn. Thế là vợ chồng họ cảm thấy sung sướng và họ liền

trở thành hào phóng, đã quyết định để ông già lên một chiếc máng cùng với nước uống và thức ăn trong ba ngày sẽ thả cុ ra ngoài biển phó mặc cho vận may rủi. Nhưng khi trời vừa hửng sáng hai vợ chồng ra sân thì thấy hàng xóm láng giềng kéo đến đông nghịt đứng trước chuồng gà mà trêu chọc vị thần già, mà ném cho ngài các thức ăn làm như thể vị thần già là một con người không bình thường mà chỉ là một con vật làm xiếc mà thôi.

Cha xứ Gông-xa-ra đến đây lúc bảy giờ. Cha được tin này, không chỉ có những người nhẹ dạ cả tin mà còn có những người chín chắn hơn cũng tò mò kéo đến nhà Pê-la-đô và họ thi nhau bình luận về tương lai của kẻ bị nhốt trong chuồng gà. Những người đàn độn hơn cả thì nghĩ rằng có lẽ ông già sẽ được bổ nhiệm làm quan thị trưởng của cả thế giới. Những người khác, những người có tinh thần bi quan lại nghĩ rằng ông già sẽ được phong tước năm sao để chiến thắng tất cả các cuộc chiến tranh. Những kẻ hay mơ mộng hão lại nghĩ rằng ông già sẽ được bảo quản và giữ gìn cẩn thận như con vật giống để gieo rắc trên trái đất này một loại người có cánh và thông minh để lãnh đạo cả thế giới. Nhưng cha xứ Gông-xa-ra, trước khi là thầy tu đã là tay tiêu phu lực lưỡng, dù đang chăm chú nhìn qua lưới sắt vẫn ôn lại cuốn sách giáo lí vấn đáp của mình và vẫn tiếp tục đề nghị mở rộng cánh cửa hơn để đến gần ông già đáng thương mang dáng dấp giống một con gà cộc già nua khổng lồ đang đứng ở giữa bầy gà ngây ngô. Ông già đang nằm ở xó chuồng, giữa đám vỏ hoa quả và thức ăn mà người ta ném cho từ lúc sáng sớm, để phơi đôi cánh khổng lồ giăng ra dưới nắng. Khi cha xứ Gông-xa-ra bước vào chuồng gà và dùng tiếng La-tinh chào vị thần thì ông già vẫn giữ vẻ thờ ơ mặc cho đám đông tò mò đang đứng trước cửa chuồng gà và

hầu như ông già cũng chỉ ngược mắt lên và lẩm bẩm điều gì bằng thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu. Khi cha xứ biết rằng ông già này không biết ngôn ngữ La-tinh, ngôn ngữ của Thượng đế là cũng không biết chào hỏi những đại diện của mình ở hạ giới thì cha sinh nghi. Sau đó, càng quan sát kĩ, cha càng thấy ông già giống người nhiều hơn giống thần, cũng có mùi hôi ẩm trong trận bão, có râu xanh lè trong hai cánh, và những chiếc lông lớn cũng bị bão làm cho xơ xác và như vậy là không một biểu hiện bề ngoài nào của ông già này phù hợp với các thánh được vẽ trong tranh. Thế là đức cha ra khỏi chuồng gà rồi đức cha đọc một bài thuyết giảng vắn tắt nhắc nhở những kẻ tò mò hãy cảnh giác trước những ý nghĩ nông cạn và chớ nên vội tin vào những điều mà mình nhìn thấy. Cha nhắc họ rằng quỷ dữ cũng thường ranh ma trá hình các thánh, trà trộn trong các vũ hội các-na-van để đánh lừa những kẻ nhẹ dạ cả tin. Cha còn lập lí rằng nếu đôi cánh kia không phải là yếu tố cơ bản để phân biệt con điều hâu với một chiếc máy bay thì lại càng không phải là điều kiện để thừa nhận ông già là một vị thần. Tuy nhiên, cha xứ hứa sẽ viết ngay một bức thư gửi lên đức giám mục báo cho ngài biết tin này để ngài viết thư lên đáng bề trên để đáng bề trên của ngài lại viết thư lên đáng bề trên nữa cho đến khi nào tới tay Đức Giáo hoàng và nhờ thế mọi người ở đây sẽ được đọc lời phán xét cuối cùng của tòa thượng thẩm.

Sự cẩn trọng của cha xứ là vô ích. Tin tức về vị thần bị nhốt trong nhà Pê-la-đô được lan truyền đi rất nhanh đến mức chỉ sau ít đó mấy giờ, sân nhà Pê-la-đô đông (...) kéo họ làm đổ mất nhà. Ê-li-xen-đa, lưng còng hẳn đi vì phải cúi suốt ngày để quét rác chợ, lúc ấy liền nảy ra ý định rất đẹp: che sân nhà lại và bán vé với giá năm xu cho

những ai muốn xem vị thần già có đôi cánh khổng lồ. Những kẻ tò mò thích chuyện lạ từ đảo Mác-ti-ních cũng đến đây. Một gánh xiếc lưu động mang cả một gã làm trò nhào lộn cũng đến đây. Gã nhiều lần bay vù vù trên đầu đám dân chúng nhưng cũng không một ai thèm để ý vì đôi cánh của gã không phải là đôi cánh thiên thần mà chỉ là cánh của con dơi khổng lồ. Những người bất hạnh nhất của cả vùng biển Ca-ri-bê đến đến đây để mong được chữa bệnh: một người đàn bà bị bệnh tim ngay từ thời ấu thơ lúc nào cũng đếm nhịp tim mình và bà ta đã đếm được rất nhiều, tới mức không còn đủ con số cho bà ta đếm; một bác nông dân Ha-mai-ca không tài nào ngủ được vì tiếng động của các vì sao cứ làm bác khó chịu; một kẻ mộng du ban đêm cứ đi lại ồn ào không cho ai ngủ và rất nhiều những người bị bệnh khác. Trong hoàn cảnh ồn ào chen lấn đến ngộp thở kia, Pê-la-đô và Ê-li-xen-đa cực kì sung sướng vì chưa đầy một tuần, họ đã thu được rất nhiều tiền và nhét chặt vào các phòng ngủ và hàng người chờ xếp hàng đến lượt vào xem văn dài lê thê đến tận chân trời.

Chỉ có cụ già kia là không tham dự vào chính sự kiện do mình gây ra. Trong lúc thời gian qua đi, vị thần già tìm cách nằm thoải mái trong cái ổ người ta làm cho mình mà chịu đựng cái nóng khủng khiếp nơi hỏa ngục do những ngọn đèn dầu và nến thấp sáng ngay bên cạnh gây nên. Thoạt đầu mọi người tưởng rằng vị thần già sẽ ăn lá long não, mà theo như lời bà hàng xóm thông thái nọ đó là món ăn đặc biệt của các vị thần. Nhưng ngài không thèm ăn, cũng như ngài không đụng đến các thức ăn trưa của Giáo hoàng do các tín đồ dâng lên mà chỉ ăn lá nỏn cây bê-rê-nê-na. Kiên nhẫn đó là đức tính nổi bật của ngài, nhất là trong những ngày đầu, ngài rất nhẫn nại, cứ

mặc nhiên thấy kẻ bọn gà thi nhau rửa sâu bọt sinh sản trong đôi cánh ngài, thấy kẻ bọn ồm đầu nhỏ lông ngài để phết lên những chỗ đau, thấy kẻ những kẻ ném đá vào ngài để buộc ngài phải đứng dậy cho họ có dịp được nhìn ngắm toàn bộ thân hình ngài. Chỉ có một lần duy nhất họ khiến ngài phải đứng dậy ấy là khi bọn họ dùng một con đầu sắt nung đỏ ấn vào mạn sườn ngài, vì họ nghĩ rằng ngài đã chết rồi. Thế là ngài thức dậy đầy hoảng hốt, miệng vẫn lẩm nhẩm một thứ ngôn ngữ rất khó hiểu, nước mắt lưng tròng, rồi ngài vỗ cánh liền hai cái khiến cho bụi và phân gà trong chuồng bay lên tựa như một cơn lốc.

Nhiều người tin rằng sự phản ứng của ngài không phải do ngài giận dữ mà là do ngài đau đớn. Thế là từ đó trở đi, người ta chăm lo cho ngài cẩn thận hơn, vì phần lớn đều cho rằng sự nhẫn nại chịu đựng được mọi phiên toái của ngài không phải sự nhẫn nại của người anh hùng mà là trạng thái nghỉ ngơi sau bao gian truân trong bão táp.

Cha Gông-xa-ra dùng những lời lẽ ngọt ngào để thuyết phục đám dân chúng đừng đến đây nữa mà hãy chăm lo công việc gia đình trong lúc đợi sự phán quyết dứt khoát của đáng bề trên về bản thể của kẻ bị giam giữ. Nhưng đường thư Rô-ma có lẽ không còn ý thức trách nhiệm trước tính chất khẩn cấp của lá thư. Trong lúc thời gian trôi đi thì mọi người bận tâm tìm hiểu xem cái vị thần già giam giữ kia có trốn không, tiếng địa phương của ông già có phải là tiếng A-ra-mê-rô hay chỉ đơn giản ông già là một người Nê-ru-ê-gô có cánh mà thôi. Những bức thư chậm trễ ấy cứ việc đi rồi về cho đến tận cuối các thế kỉ nếu như không có một sự kiện hiển nhiên xảy ra kịp thời chấm dứt những tham vọng của đức vua.

Quả nhiên, trong những ngày ấy có một sự kiện độc đáo xảy ra.

Giữa những gánh xiếc lưu động đến làng có một gánh xiếc trình diễn tiết mục về một người con gái vì không nghe lời cha mẹ bị biến thành con nhện. Vé vào cửa chẳng những rẻ tiền hơn so với vé xem vị thần già mà còn trong khi xem người ta có thể hỏi rất nhiều điều về hoàn cảnh câu chuyện xảy ra. Người ta có thể phân tích kĩ càng câu chuyện cho đến khi nào không còn nghi ngờ gì về sự thật của nó. Đó là một con nhện khổng lồ to như con cừu và nó có bộ mặt trông như bộ mặt cô trinh nữ buồn tủi. Nhưng điều đáng thương tâm hơn cả là không phải cái hình thù xấu xí, nực cười của cô ả mà chính là thái độ ngây thơ chân thành trong khi cô ả kể lại chuyện đời mình với đầy đủ các chi tiết nhỏ nhặt nhất ngay từ khi còn là trẻ ranh, cô ả đã trốn cha mẹ để đi khiêu vũ. Sau một đêm khiêu vũ không được phép của cha mẹ, trên đường về cô ta bị một tiếng sấm nổ rạch đôi bầu trời và một tia chớp xanh lè bổ xuống biến cô ta thành con nhện. Thức ăn duy nhất của cô ả là những viên thịt băm người ta vui vẻ ném vào mồm ả. Một tích truyện như thế tự nó mang một sự thật nhân bản và một bài học đáng sợ, nó đã đánh bại một cách không thương tiếc cái trò đi xem vị thần già nua không làm được trò trống gì ngoài việc đủ can đảm nhìn vào cái chết. Ngoài ra, những phép màu hiếm hoi mà người ta cố gán cho vị thần già chẳng có sức thuyết phục, tỉ như phép màu mà ngài chữa bệnh cho một ông mù thì ông mù không lành mắt lại mọc thêm được ba răng, như phép màu ngài dùng để trị bệnh cho kẻ bị bại liệt thì kẻ này không khỏi bệnh mà lại suýt nữa trúng số độc đắc hoặc phép màu ngài dùng để trị bệnh cho một người hủi không lành bệnh mà lại thấy cây hướng dương mọc lên quanh những vết lở loét. Đúng ra những phép màu này giống như những lời đùa tếu bông lơn đã đánh tan thanh danh của vị thần già

khi gánh xiếc có người con gái bị biến thành nhện đến làng. Đó là nguyên nhân khiến đức cha khỏi bệnh lâm cẩm, giúp cho sân nhà Pê-la-đô trở lại khung cảnh vắng vẻ như cái hồi mưa ba ngày liền khiến cua thi nhau bò lồm cồm khắp các phòng trong ngôi nhà. Chủ nhà chẳng có lí do gì để mà phải ca thán. Với số vốn lớn thu được họ làm một ngôi nhà hai tầng, có ban công và vườn hoa, chân nhà ốp gạch men để cho cua không thể bò được vào phòng trong những ngày mưa to gió lớn và tại các cửa sổ lưới thép được chằng lên để không một vị thần nào có thể chui vào trong nhà. Pê-la-đô còn cho lập một trại nuôi thỏ ngay cạnh làng và xin thôi không làm trượng tuần nữa. Ê-li-xen-đa mua những đôi giày cao gót và khá nhiều váy lụa y hết y phục các bà mệnh phụ thường dùng trong các ngày lễ tết. Chỉ riêng chuồng gà là nơi họ không thêm quan tâm. Nếu như có vài lần họ cọ rửa và xông lá thơm bên trong chuồng thì không phải là để thờ phụng vị thần già mà chính là để tẩy uế cái mùi hôi thối lờn vờn khắp ngôi nhà như một hồn ma và nó làm cho ngôi nhà ngày một cũ đi. Lúc đầu, khi đứa trẻ mới lững chững biết đi, họ chú ý chăm nom nó, không cho nó đến gần chuồng gà. Nhưng rồi họ cũng quên đi nỗi sợ hãi và bắt đầu làm quen với cái mùi hôi khó chịu kia và trước khi đứa trẻ thay răng sữa, nó đã vào chơi ngay trong chuồng gà làm cho sắt gỉ rơi lả tả từng mảng một. Vị thần khó chịu trước thằng bé hiếu động nhưng nhưng đã cố sức chịu đựng nó với tinh thần nhẫn nhục của một con chó đã rũ sạch mọi ảo tưởng. Cùng một lúc đứa trẻ và vị thần già đều bị bệnh thủy đậu. Viên bác sĩ lo điều trị cho đứa trẻ không thể kìm được lòng thương hại đã lấy ống nghe khám bệnh cho vị thần già và ông cũng cảm thấy rằng tim vị thần già đập nhanh quá và trong thận ông già có nhiều tiếng sôi khiến ông ta cảm thấy rằng vị

thần già khó mà sống nổi. Tuy nhiên điều khiến ông ta ngạc nhiên hơn cả là tính chất logic của đôi cánh. Chúng rất tự nhiên trong cái bộ phận hoàn toàn người của vị thần già khiến bác sĩ không hiểu vì sao ở những người đàn ông khác lại không có cánh.

Khi đưa trẻ đi học, nắng mưa đã phá sập chuồng gà từ lâu. Vị thần già lê đôi cánh đi lại đây đó như một kẻ mộng du. Vợ chồng Pê-la-đô vừa đuổi vị thần già ra khỏi phòng ngủ thì ngay sau đó lại thấy ngài có mặt trong nhà bếp. Dường như cùng một lúc vị thần già có mặt ở khắp mọi nơi trong ngôi nhà địa ngục đầy ma quái. Vị thần già hầu như không ăn và đôi mắt trong của ngài lại ngầu đục và thế là ngài đi mà cứ va vấp hoài vào cột nhà, đôi cánh ngài trụi hết lông. Pê-la-đô lấy chăn đắp lên lưng cho vị thần già và cho ngài nằm trong nhà và chỉ đến khi ấy anh ta mới nhận ra rằng ngài lên cơn sốt suốt đêm và trong lúc lên cơn sốt ngài lẩm bẩm nói tiếng khó hiểu của người Nê-ru-ê-gô cổ xưa. Đó là một trong những lần hiếm có họ phải ngạc nhiên bởi ý nghĩ vị thần già sẽ chết và ngay cả bà hàng xóm thông thái cũng không thể bảo họ cần phải làm gì trước khi vị thần chết. Tuy nhiên, vị thần già không những không chết trong ngày đông tháng giá mà còn tươi tỉnh khi mặt trời thức dậy. Nhiều ngày, ngài nằm im trong góc sân biệt lập, không mấy ai nhìn thấy ngài và vào những ngày tháng chạp bỗng trên đôi cánh ngài nở ra một ít lông to và cứng, đó là những chiếc lông của con chim già nua, chúng là biểu hiện của tuổi già lão. Nhưng có lẽ chính vị thần hiểu mình hơn ai hết về những lí do thay đổi ấy bởi vì ngài tự chăm lo mình cẩn thận hơn, để không một ai nhận ra ngài, để không một ai nghe thấy tiếng hát của những người đi biển mà đôi lúc họ như đang ca hát bên dưới các vì sao.

Một buổi sáng nọ trong lúc Ê-li-xen-đa đang ngồi thái hành chuẩn bị cho bữa cơm trưa thì nghe thấy một cơn gió hình như từ ngoài khơi lọt vào nhà bếp. Thế là Ê-li-xen-đa liền thò đầu qua cái cửa sổ và cô ngạc nhiên thấy vị thần già đang chuẩn bị cất cánh bay. Lúc đầu là những cú vỗ cánh hấy còn ngượng nghịu cuốn bụi bay theo và suýt làm đổ cả mái hiên. Nhưng rồi cuối cùng, vị thần già đã bay được và ngày càng bay cao. Ê-li-xen-đa thở phào một cánh nhẹ nhõm khi chị ta nhìn thấy ngài hiên ngang vẫy đôi cánh vĩ đại của con đại bàng. Chị ta tiếp tục nhìn theo cho đến khi hình bóng vị thần già mất hút ở đường chân trời, ấy là khi chị thái hành xong, bởi vì lúc ấy không phải là lúc vất vả của đời chị mà đúng hơn lúc ấy là một điểm tưởng tượng trong đường chân trời ngoài biên cả mệnh mệnh.

1968(Trích trong Ga-bri-en Gác-xi-e Mác-két – 36 chuyện đặc sắc, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

Gabriel Garcia Márquez

Đêm Nguyệt Thực

Phan Quang dịch

Phan Quang dịch

Lời người dịch: Mấy năm nay, Gabriel Marquez, Giải thưởng Nobel văn chương, đóng cửa viết hồi ký. Tập 1, Sống để thuật lại đã xuất bản và dịch ra tiếng nước ngoài. Tranh thủ những lúc nghỉ xả hơi, ông hoàn chỉnh tập truyện ngắn có đề chung Tháng tám, chúng mình sẽ lại gặp nhau. Tập truyện ngắn này gồm 6 truyện đọc riêng biệt, hoặc nhập lại có đầu có cuối giống tiểu thuyết. Dưới đây là truyện thứ ba trong tập.

Nhiều bí ẩn khác trong cái khách sạn lập dị này chẳng đơn giản chút nào với Ana Magdalena Bach. Vừa đánh một que diêm, căn phòng đã vang lên tiếng chuông reo và đèn bật sáng, rồi một giọng đầy quyền uy báo cho biết đây là phòng cấm hút thuốc lá - mà nó lại là căn phòng duy nhất nàng có để thuê được trong đêm hội này. Nàng phải gọi người hướng dẫn cho mới hiểu, có thể dùng luôn tấm thẻ chìa khóa phòng để bật đèn, mở tivi, điều chỉnh máy lạnh, khởi động

dàn nhạc.

Người ta bày cho nàng cách sử dụng bàn phím điện tử gắn ở bờ cái bồn tắm hình tròn để chỉnh lý các vòi nước, vòi nào thư giãn vòi nào gọi tình... Tò mò đến cực độ, nàng cởi vội chiếc áo đầm mồ hôi nắng nóng nghĩa trang, chụp lên đầu cái túi bịt tóc rồi gieo mình xuống bể nước đang cuộn sóng bọt bông bênh. Hưng phấn quá, nàng bấm số điện thoại đường dài gọi về nhà, gào lên sự thật với đức ông chồng: “Anh hãy tưởng tượng lúc này em cần anh tới mức nào”. Giọng nàng phấn khích đến nỗi qua dây nói anh chồng nhận rõ sự bốc lửa thật sự của nàng trong bồn tắm.

- Đồ quỷ cái, rồi tôi sẽ cho cô một trận!

Nàng đã tính chuyện gọi thức gì nhấm nháp ngay trong cái tổ ấm tò vò này để đỡ phải mặc áo quần, song bảng giá phục vụ buộc nàng thân hành xuống quầy cà phê dùng bữa tối giống như một kẻ túi càn sạch tiền. Chiếc áo lụa đen bó sát người, hơi dài một chút so với thời trang nhưng lại ăn với mái tóc. Áo hở cổ quá, gây cho nàng cảm giác như đang ở trần, nhưng chiếc vòng cổ, đôi hoa tai và chiếc nhẫn ngọc bích giả cũng giúp nàng giữ được tinh thần và làm ánh mắt nàng thêm long lanh.

Lúc nàng xuống dùng bữa, đã tám giờ tối. Nàng ăn vội vàng. Khó chịu vì tiếng gào khóc của trẻ con và âm nhạc chói chang, nàng quyết định trở về phòng xem nốt cuốn tiểu thuyết khởi đọc từ ba tháng trước. Sự yên tĩnh ở sảnh khách sạn làm nàng bình tâm dần. Đi ngang qua quầy rượu, nàng để ý một cặp nhảy chuyên nghiệp đang trình diễn bản Vũ khúc Hoàng đế với kỹ thuật cực kỳ điêu luyện. Bị cuốn hút, nàng dừng lại trước quầy rượu cho đến khi cặp nhảy rời khỏi sàn, nhường cho khách. Một giọng nói trai trẻ và dịu

dàng thì thảo sau lưng, kéo nàng ra khỏi cơn mơ:

- Chúng ta cùng nhảy chứ?

Hai người đứng sát nhau đến nỗi nàng cảm nhận một thoáng rụt rè ở chàng trai qua mùi nước xức sau cạo râu. Thế là nàng quay lại nhìn và tưởng mình ngọt thờ: “Xin lỗi, - nàng bối rối - tôi đang không dùng trang phục khiêu vũ”. Chàng trai đáp ngay tức khắc:

- Thì chính bà tự chọn trang phục cho mình, thưa bà.

Câu sáo ngữ gây ấn tượng. Một cách vô thức, nàng đưa tay lên đôi vú còn gọn gàng, vuốt hai cánh tay trần, lướt qua phần dưới eo vẫn săn gòn, để chắc chắn đấy đúng là hình thể của mình. Rồi nàng quay lại, lần này không để nhận ra ai vừa nói mà nhằm sẫm soi chàng trai có đôi mắt đẹp, nàng chưa bao giờ thấy ai có mắt đẹp đến thế.

- Ông thật lịch sự - nàng duyên dáng bảo. Ngày nay chẳng người đàn ông nào dùng những lời như ông vừa nói.

Chàng tiến sát nàng hơn và lặng im đưa tay lặp lại lời mời. Thế là Ana Magdalena Bach, đơn chiếc và tự do trên cô đảo, bám lấy bàn tay chìa ra với tất cả sức mạnh cuồng nhiệt, như thể nàng vừa từ trên bờ vực thảm lao xuống đấy.

Họ nhảy ba bài valse theo lối cũ. Qua mấy bước đầu tiên, nhìn tài nghệ khéo léo gần như ma mãnh của chàng trai, nàng cho đây là một vũ công chuyên nghiệp các khách sạn vẫn thuê để nhảy thêm rôm rả, và thế là để mặc cho chàng kéo vào những vòng quay vô độ, trong khi vẫn giữ khoảng cách bằng đôi tay. Chàng nhìn thẳng vào mắt nàng, nói: “Bà nhảy đẹp như tiên”. Nàng biết chàng nói đúng sự thật, nhưng nàng cũng thừa biết cậu chàng bày tỏ lời khen ấy với bất cứ người đàn bà nào cậu có ý định gạ gẫm.

Bài nhảy thứ hai, chàng trai cố ý riết sát thân nàng, nhưng Ana vẫn kiềm được, buộc anh chàng giữ đúng khoảng cách. Thế là chàng chăm chú nhảy khéo tựa thiên thần, chỉ đỡ nhẹ người nàng bằng đầu các ngón tay, như thể nâng niu một bông hoa. Đến bài nhảy thứ ba, nàng có cảm giác như đã quen chàng tự thuở nào.

Nàng không thể hình dung một người đàn ông khiêu vũ lối cũ mà có vóc dáng đẹp đến vậy. Nước da chàng hơi tái, đôi mắt chàng bốc lửa dưới lông mày rậm, mái tóc huyền nhoáng keo dính của chàng rẽ đường ngôi hoàn hảo. Chiếc áo lễ phục may bằng hàng tropical lụa bó sát thân, càng tôn dáng công tử hào hoa. Cử chỉ điệu đà cũng như mọi thứ ở người đàn ông này toát ra sự giả tạo, tuy nhiên đôi mắt lại đắm say như đang khao khát thiết tha.

Sau mấy bài valse, chàng thản nhiên dẫn nàng đến một cái bàn đặt nơi riêng biệt mà chẳng buồn ngỏ lời mời. Thật ra cũng chẳng cần: nàng đã biết điều gì khác xảy ra, và hài lòng thấy chàng gọi sâm banh. Ánh sáng mờ ảo trong phòng trà thật dễ chịu, mỗi bàn lại có đủ khoảng cách riêng tư.

Ana nhắm tính anh chàng hẳn chưa quá tuổi ba mươi, bởi anh chẳng hề biết gì về điệu boléro. Nàng hướng dẫn chàng nhảy theo vũ điệu ấy cho đến khi chân chàng bắt đúng nhịp. Tuy nhiên nàng vẫn giữ khoảng cách để chàng không nhận ra máu trong huyết quản nàng đang sôi lên bởi hơi rượu sâm banh. Nhưng chàng ép, thoát đầu dịu dàng, sau đó với tất cả sức mạnh đôi tay ghi chặt thân nàng. Nàng chợt cảm thấy đùi mình chạm cái vật mà chàng trai cố ý cho nó chạm đúng vùng nhạy cảm nhất; và nàng tự nguyện rửa sao mặt mình đập nhanh đến vậy và hơi thở mình thì mỗi lúc mỗi gấp gáp. Dù vậy, nàng vẫn khước từ được chai sâm banh thứ hai. Chàng liền ngỏ ý

mời nàng dạo chơi một vòng trên bãi biển. Nàng cố che giấu sự bối rối dưới một câu hỏi băng quơ ra vẻ thương hại:

- Ông có biết tôi bao nhiêu tuổi rồi không?
- Tôi không sao tưởng tượng ra tuổi bà.
- Xấp xỉ cái tuổi mà ông đoán định.

Chưa nói hết câu, nàng đã thấy chán ngấy bấy nhiêu điều dối trá, và quyết định đặt thể xác mình trước một lựa chọn tuyệt đỉnh: hoặc lúc này hoặc chẳng bao giờ. “Tôi lấy làm tiếc”, nàng nói và đứng lên.

Chàng giãy nảy:

- Có việc gì vậy?
- Tôi phải về. Tôi không quen uống sâm banh.

Anh chàng cố đề nghị một vài chương trình khác vô thưởng vô phạt, có lẽ bởi chưa biết khi một phụ nữ đã quyết định ra về, không quyền uy nào của con người hay của thần linh có thể giữ chân. Cuối cùng, chàng nhượng bộ:

- Vậy cho phép tôi tiễn bà chứ?
- Không dám phiền. Và rất thật lòng, cảm ơn ông về buổi tối chẳng thể nào quên này.

Vừa bước vào thang máy, nàng đã hối tiếc. Nàng tự giận mình ghê gớm, nhưng lại được an ủi bởi cảm thấy mình vừa xử sự đúng mực. Vào phòng, nàng tháo giày, nằm ngửa lên giường và châm điếu thuốc lá. Vừa lúc ấy có tiếng chuông réo. Nàng thềm rửa cái khách sạn này, đã bày đặt ra đủ thứ luật lệ hành hạ khách đến cả những chuyện thầm kín thiêng liêng của người ta. Nhưng không phải luật lệ réo gọi, đấy là chàng.

Trong ánh đèn nửa tối nửa sáng ở hành lang, chàng trai trông giống hệt người nặn bằng sáp bày trong viện bảo tàng. Nàng tay vẫn giữ

quả đấm cửa, mắt nhìn thẳng vào anh chàng không chút thương hại, song cuối cùng vẫn để cho chàng vào. Chàng trai bước vào như chính đây là phòng mình.

- Cho tôi uống một thứ gì đi.

- Ông hãy tự phục vụ. Tôi hoàn toàn chẳng hiểu mô tê con tàu vũ trụ này nó vận hành thế nào.

Ngược lại, chàng ta biết tất. Chàng nhanh nhẹn hạ bớt ánh sáng, điều chỉnh nhạc nhỏ hơn, rồi lột hai ly sâm banh lấy ở minibar, cử chỉ thành thạo hết một nhạc trưởng. Nàng sẵn sàng tham gia cuộc chơi, như thể không phải chính nàng vào cuộc mà đang sắm vai nàng. Hai người vừa nâng ly thì chuông điện thoại réo vang; nàng hoảng hốt nhấc máy. Một viên chức phụ trách an ninh của khách sạn, rất nhã nhặn, báo cho biết khách đến chơi không được phép ở lại trong phòng quá nửa đêm, nếu chưa đăng ký ở lễ tân.

- Không cần giải thích - nàng bối rối trả lời. Tôi xin lỗi.

Nàng đặt máy, mặt đỏ như gấc. Anh chàng như thể đã nghe rõ lời cảnh báo, nói: “Vớ vẩn”, rồi chẳng chút chờ đợi, mời nàng cùng xuống bãi biển ngắm cảnh nguyệt thực toàn phần. Tin này hoàn toàn mới mẻ đối với nàng. Từ tuổi thơ, nàng đã mê say xem nguyệt thực; mà sau cả một tối giằng co giữa nền nếp và cảm dổ, lần này chẳng thể viện ra lý do đáng giá nào để khước từ.

- Đi đâu cho thoát. Số mệnh mà. - chàng nói.

Đã viện dẫn tới siêu nhiên thì còn gì nữa mà ngại ngùng. Vậy là họ lên chiếc xe tải nhỏ của chàng đi xem nguyệt thực, bên bờ một cái vịnh kín đáo, chung quanh có rừng cọ bao phủ, tịnh không dấu vết khách du lịch. Nhìn về phía chân trời, thấy hoi quang xa xăm của thành phố; trên bầu trời trong, lơ lửng nàng nguyệt buồn bã cô đơn.

Chàng đỗ xe khuất trong bóng cọ, tháo giày, nới thắt lưng và hạ lưng ghế ngồi cho thoải mái. Lúc này nàng mới để ý chiếc xe tải nhỏ có độ hai ghế ngồi đằng trước; chỉ cần ấn một cái nút có thể biến thành giường nằm. Chỗ trống còn lại trong xe dành cho một cái minibar, một dàn nhạc hi-fi Fausto Papetti đang chơi kèn saxo, và một góc vệ sinh đặt cái chậu rửa di động sau tấm rèm đỏ sẫm. Nàng hiểu ra mọi thứ:

- Chẳng có nguyệt thực đâu. Nguyệt thực chỉ xảy ra hôm trăng tròn, mà hôm nay trăng khuyết.

Chàng vẫn tỉnh bơ:

- Thì chờ nhật thực vậy. Chúng ta còn chán thời gian.

Chẳng phải rào đón thêm. Cả hai cùng biết sẽ làm gì; nàng hiểu đấy chính là cái điều khác duy nhất mà chàng ngỏ ý hiến dâng nàng ngay sau bài valse thứ nhất. Nàng ngạc nhiên trước cung cách khéo léo hệt nhà làm ảo thuật khi chàng từ từ cởi bỏ trang phục của nàng bằng đầu các ngón tay, cởi từng chiếc một, nhấc từng mảnh một, kéo từng khóa rút một, nhẹ nhàng như bóc một củ hành tây. Sau loạt đạn đầu của con bò tót, nàng gần như ngất xỉu vì đau đớn. Nàng cảm thấy vừa đón đau vừa nhục nhã y như con gà mái đang bị xả thịt từng mảnh. Nàng ngạt thở, mồ hôi lạnh vã ra thái dương, nhưng nàng cố sức vận dụng mọi bản năng sơ đẳng để khỏi cảm thấy mình quá kém cỏi, quá không ngang tầm; và thế là hai con người buông mình đắm đuối trong hoan lạc ái ân với sức mạnh những con thú. Ana Magdalena không quan tâm chàng là ai; nàng chẳng hề thử hỏi cho biết. Chỉ khoảng ba năm sau cái đêm không thể nào quên ấy, nàng mới nhận ra anh chàng qua bức chân dung cảnh sát phác họa con quỷ dâm loạn đang bị truy nã suốt cả vùng Caraibes về tội lừa

đảo và làm ma cô, chuyên bám váy các bà nạ dòng cô đơn mà vui vẻ trẻ trung. Và cũng có thể chính y là thủ phạm đã sát hại một vài trong số các bà.

Gabriel Garcia Márquez

Gặp Gỡ Tháng Tám

Nàng trở lại đảo hôm thứ Sáu, 16 tháng Tám trên chuyến phà hai giờ trưa. Nàng mặc áo ca-rô, quần jeans, đi giày gót thấp, cầm dù sa-teng, và chỉ mang theo một hành lý duy nhất là cái túi đi biển. Một dãy xe taxi nằm chờ ở bến phà. Nàng đi thẳng đến một cái xe kiểu xưa mà thân xe đã bị muối biển gậm nhấm lỗ chỗ. Người tài xế chào đón nàng như một người bạn cố tri rồi lái xe chở nàng qua những con đường gập ghềnh của một ngôi làng nghèo với những căn nhà tranh vách đất và những con đường cát trắng dẫn đến một cái biển nóng ngùn ngụt. Người tài xế phải nghiêng bên này tránh bên kia để khỏi đụng phải những con heo đi đủng đỉnh giữa đường và những đứa trẻ trần truồng nghịch ngợm vẹo người tránh xe theo kiểu những người đầu bò rừng. Chiếc taxi bỏ ngôi làng lại đằng sau rồi chạy dọc theo một đại lộ có những cây dừa lớn đứng dọc hai bên, nơi mà những bãi tắm và khách sạn dành cho du khách nằm giữa một bên là biển và bên kia là một hồ nước đầy những con diệp màu xanh. Cuối cùng người tài xế dừng xe trước một khách sạn cũ kỹ và đồ nát nhất. Người gác cửa đứng chờ nàng với chùm chìa khóa của căn phòng

duy nhất trên lầu hai quay mặt ra hồ nước. Nàng đi sải bước qua mấy bậc cầu thang tiến vào căn phòng ọp ẹp sặc mùi thuốc sát trùng trong đó kê một cái giường lớn choáng gần hết phòng. Nàng lấy túi đựng đồ trang sức ra khỏi cái túi đi biển và một quyển sách chưa đọc trang để lên trên bàn đầu giường ngủ, bên cạnh con dao dọc giấy bằng ngà. Nàng lấy ra cái áo ngủ lụa hồng để dưới gối. Rồi lấy ra một cái khăn lụa in hình những con chim vùng nhiệt đới, một cái áo cộc tay màu trắng, và một đôi giày tennis cũ, và mang tất cả những thứ đó cùng túi đồ trang sức vào phòng tắm.

Trước khi trang điểm nàng cởi cái áo ca-rô, chiếc nhẫn cưới, và cái đồng hồ đàn ông đeo bên tay phải, rồi phả nước lên mặt để rửa sạch bụi bám bám vào trong lúc đi đường và xua đuổi sự mệt mỏi ban trưa. Sau khi đã lau khô mình, nàng nhìn vào gương và lấy tay nâng đôi vú vẫn còn cao và tròn trĩnh dù nàng đã hai lần sinh nở và sắp đi vào tuổi già. Nàng dùng ngón tay vuốt má ra đằng sau để thử xem khuôn mặt mình hồi còn trẻ trông như thế nào. Nàng cho tay chạy qua những nếp nhăn đầu tiên trên cổ ồ nàng chẳng có cách gì chữa được những vết nhăn đó và nhe ra xem hàm răng đều đặn mà nàng đã đánh kỹ sau bữa cơm trưa trên phà. Nàng súc nước hoa vào nách và khoác lên người cái áo chemise vải có hàng chữ AMB thêu trên túi. Nàng chải suôi những lọn tóc chấm ngang vai rồi dùng cái khăn có in hình chim buộc túm tóc lại thành một cái đuôi gà. Cuối cùng nàng thoa pommade lên môi, liếm ngón tay trở miết vào đôi lông mày, xoa một chút nước hoa sau tai rồi nhìn vào thẳng vào gương đối diện với khuôn mặt của một người đàn bà đứng tuổi. Da dẻ của nàng, tuy không trang điểm, vẫn giữ được màu sắc ngày xưa, và đôi mắt trong vàng của nàng trông vẫn trẻ mãi dưới đôi mí mắt

màu nâu đậm. Nàng nhìn lại dung nhan của mình thật kỹ lưỡng, phán xét một cách không khoan nhượng mà vẫn thấy mình trông còn tươi tốt. Chỉ đến khi đeo nhẫn vào tay nàng mới nhận thấy rằng nàng đã quá trễ: đã năm giờ kém sáu phút rồi. Tuy nhiên, nàng vẫn tự cho phép mình một giây phút hoài cảm ngắm nhìn những con diệc xanh lướt êm trên mặt hồ láng bóng và nóng hừng hực. Những tầng mây đen nặng nề báo cho nàng biết rằng trời sắp mưa và tốt hơn hết nàng nên mang theo một cái dù.

Chiếc xe taxi vẫn chờ nàng dưới hàng cây trước cửa khách sạn. Người tài xế lái xe đi dọc theo đại lộ hai bên có hai hàng dừa râm mát cho đến khi tới một khoảng sáng giữa các khách sạn nơi có một cái chợ trời, và dừng lại trước một sạp hàng hoa. Một người đàn bà da đen mập ú đang ngủ trưa giật mình tỉnh dậy, nhận ra người quen ngồi trên ghế sau xe taxi, vừa cười nói vừa tiến đến trao cho nàng một bó hoa lay-ơn mà bà ta giữ sẵn cho nàng từ buổi sáng. Đi thêm một quãng đường nữa thì chiếc taxi quẹo vào một con đường hẹp khó đi chạy sát bờ vực tạo ra bởi những tảng đá nhọn hoắt. Qua bầu không khí bị loãng vì hơi nóng nàng có thể trông thấy những dãy du thuyền đậu trong cái bến dành cho du khách, những chiếc phà rời bến, cái hình dáng phía xa của thành phố nhô lên từ đám sương mù cuối chân trời, cả một vùng biển Ca-ri-bê rộng mở.

Nằm trên đỉnh đồi là cái nghĩa trang buồn thảm của người nghèo. Nàng đẩy cái cửa sắt rỉ sét dẫn vào nghĩa trang một cách dễ dàng. Tay cầm bó hoa, nàng bắt đầu bước dọc theo con đường mòn qua những nấm mồ phủ đầy cỏ dại, qua những mảnh ván quan tài gãy và những mẫu xương bị mặt trời làm cháy xém. Những mộ bia cái nào trông cũng giống nhau trong cái nghĩa trang bị bỏ rơi ở giữa có một

cây bông lớn cành lá xum xuê. Những hòn đá nhọn đâm nhói vào chân nàng mặc dù nàng đã đi đôi giày gót cao su, và mặt trời nóng bỏng chiếu xuyên qua lớp vải mỏng của chiếc dù. Một con kỳ nhông từ trong bụi rậm chạy ra, ngừng lại trước chân nàng, nhìn thẳng vào nàng một lúc rồi hốt hoảng bỏ chạy. Nàng đã phát quang được ba nắm mộ, đến khi mệt rũ rời và ướt đẫm mồ hôi thì nàng tìm ra cái mộ bia đã ngả màu vàng trên đó ghi tên mẹ nàng cùng ngày chết của bà hai mươi chín năm về trước. Bao giờ đi thăm mộ nàng cũng cho mẹ biết mọi chuyện xảy ra trong nhà. Nàng từng kể chuyện riêng tư với bà để nhờ bà giúp ý kiến xem có nên lấy chồng hay không, và chỉ vài ngày sau nàng tin rằng nàng đã nhận được lời khuyên rõ rệt và khôn ngoan của mẹ trong một giấc mơ. Chuyện tương tự như vậy cũng xảy ra khi đứa con trai của nàng phải vật lộn giữa cái sống và cái chết trong suốt hai tuần sau khi nó bị đụng xe, chỉ khác là lần này câu trả lời không đến với nàng trong giấc mơ mà qua câu chuyện với một người đàn bà gặp tình cờ trong chợ. Nàng không mê tín nhưng tin rằng nàng vẫn tiếp tục giao cảm được với mẹ sau khi bà đã chết. Vì thế, nàng hỏi mẹ những câu hỏi cho năm nay, đặt hoa trên mộ, rồi ra về, tin tưởng rằng nàng sẽ nhận được những câu trả lời của mẹ trong những lúc bất ngờ nhất.

Công tác đã làm xong. Nàng đã thực hiện chuyến đi như thế này trong suốt hai mươi tám năm liên cứ mỗi năm đúng ngày 16 tháng Tám, cùng vào một thời khắc, cùng ở cái phòng ấy trong cái khách sạn ấy, với cái taxi và người bán hoa ấy, dưới mặt trời nóng bỏng trong cái nghĩa trang nghèo nàn ấy, để đặt một bó hoa lay-ơn tươi trên mộ mẹ. Và bây giờ thì nàng không có việc gì phải làm cho đến chín giờ sáng ngày hôm sau khi chuyến phà sẽ đưa nàng trở về nhà.

Tên nàng là Ana Magdalena Bach, nàng mới ăn mừng ngày sinh nhật thứ 52 và ngày kỷ niệm năm thứ hai mươi ba của một cuộc hôn nhân hòa thuận với một người đàn ông yêu nàng, một người mà lúc lấy làm chồng nàng chưa học hết chương trình cử nhân văn chương, khi nàng còn trinh trắng và chưa hề đính hôn với ai cả. Cha nàng là một giáo sư âm nhạc và, ở tuổi 82, ông vẫn tiếp tục điều khiển trường dạy âm nhạc của tỉnh. Mẹ nàng là một bà giáo có tiếng tại một trường tiểu học của dòng tu Montessori, nhưng dù bà đã tạo được những thành tích đáng kể trong việc dạy học, bà chẳng bao giờ muốn làm cái gì khác hơn là việc bà đang làm cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.

Ana Magdalena thừa hưởng của bà mẹ đôi mắt đẹp màu vàng, đức tính ít nói, và sự thông minh không để lộ cho người ta thấy cái cá tính mạnh mẽ của mình. Ba ngày trước khi nhắm mắt, mẹ nàng nói rằng bà muốn được chôn ở trên đảo. Ana Magdalena muốn đi theo quan tài mẹ ra đảo ngay từ lần đầu, nhưng mọi người cản lại bởi vì chính nàng cũng không nghĩ rằng nàng có thể sống qua khỏi được nỗi phiền muộn của mình. Ngày giỗ đầu của mẹ, cha nàng đưa nàng ra đảo để dựng cái bia đá vẫn còn thiếu trên mộ. Chuyến đi biển dài bốn tiếng đồng hồ bằng một cái thuyền nhỏ chạy bằng máy trên một mặt biển luôn luôn dậy sóng làm nàng khiếp sợ. Nhưng khi đến nơi thì nàng cảm thấy ngất ngây trước những bãi cát vàng mịn bên ven cái rừng hoang, trước tiếng ào ào của bầy chim vỗ cánh, trước cảnh bay lượn chập chờn của những con diệc xanh trên mặt hồ phẳng lặng. Nàng buồn rầu trước cảnh nghèo của cái làng nơi mà người dân phải ngủ ngoài trời trên những cái võng căng giữa hai cây dừa, và trước quá nhiều người đánh cá da đen bị cụt tay vì những quả lựu

đạn dùng để giết cá nỏ quá sớm. Nhưng khi thấy vẻ đẹp lộng lẫy của cảnh vật từ trên đỉnh nghĩa trang nhìn xuống, nàng mới hiểu ước nguyện của mẹ. Đó là giây phút nàng tự cho mình có bổn phận mỗi năm phải đem cho mẹ một bó hoa cho đến ngày nàng chết.

Tháng Tám là tháng nóng nhất trong năm và cũng là mùa hay có mưa lớn, nhưng đây là một bổn phận riêng mà nàng phải giữ, phải làm một mình. Đó là điều kiện duy nhất mà nàng đặt cho người chồng trước khi cưới, và ông chồng cũng hiểu rằng đó là điều vượt ngoài tầm kiểm soát của ông.

Cứ như thế, năm này qua năm khác, Ana Magdalena chứng kiến sự phát triển của các khách sạn cho du khách, đã thay đổi phương tiện ra đảo từ con thuyền gỗ chèo tay đến thuyền chạy bằng máy rồi đến đi phà, và nàng cho rằng nàng có lý do để tự cho mình là người dân làng lâu đời nhất.

Buổi trưa hôm ấy, khi trở lại khách sạn, nàng nàng chỉ mặc quần lót ngả người nằm lên giường đọc tiếp quyển sách mà nàng đang đọc dở trong chuyến đi. Đó là cuốn "Ma Cà Rồng" nguyên tác của Bram Stoker. Nàng là người thích đọc sách. Nàng đọc rất kỹ những cuốn sách mà nàng thích nhất, thường thường là truyện ngắn bất cứ loại gì, như "Lazarillo de Tormes," "Ông Già và Biển Cả," "Người Khách Lạ." Những năm gần đây, khi nàng gần kề cái tuổi năm mươi, nàng lại say mê đọc truyện thần kỳ.

Truyện "Ma Cà Rồng" hấp dẫn nàng ngay từ đầu, nhưng buổi trưa hôm ấy, nàng chịu thua trước tiếng động ào ào như sấm của cái quạt trần và ngủ thiếp đi với quyển truyện nằm trên ngực. Hai giờ sau, nàng tỉnh dậy trong bóng tối, người ướt đẫm mồ hôi, tâm hồn bực dọc, và bụng đói lả.

Điều này chẳng phải là một biệt lệ đối với thói quen của nàng trong nhiều năm qua. Quán rượu trong khách sạn mở cửa cho đến mười giờ tối, và thỉnh thoảng nàng đã xuống đó ăn trước khi đi ngủ. Nàng thấy trong quán có nhiều khách hơn thường lệ vào giờ đó, và người bồi bàn lần này không phải là người bồi bàn đã hầu nàng lần trước. Nàng gọi một cái bánh mì kẹp thịt giảm bông, phó mát, và một ly cà phê sữa. Trong khi chờ thức ăn nàng nhận thấy chung quanh nàng là những người khách lớn tuổi, giống như nàng họ đã lai vãng nơi này từ khi nó còn là một khách sạn duy nhất, hay họ là những người có ít tiền. Một người con gái lai da đen đang ca những bản nhạc boleros thịnh hành, và chính nhạc sĩ Augustin Romero, nay đã già nua và mù lòa, nhẹ nhàng đệm nhạc theo trên cái dương cầm đã có ở đó từ ngày khách sạn mới được khai trương.

Nàng ăn vội vã, hổ thẹn vì phải ăn một mình, nhưng nàng thấy nhạc chơi thật hay mà người con gái lai đen hát cũng khá. Khi nàng nhìn quanh mình một lần nữa thì thấy chỉ còn lại ba cặp ngồi rải rác các bàn khác nhau, và một người đàn ông không khác lạ - nàng không nhìn thấy ông ta đi vào - ngồi đối diện với bàn của nàng. Ông mặc bộ đồ nỉ trắng, như thời của cha nàng, có mái tóc màu bạch kim và một bộ râu mép vểnh lên ở hai đầu. Trước một chai rượu mạnh và một cái ly với một nửa đặt trên bàn, ông ta trông như một người cô đơn nhất trên đời.

Tiếng đàn dương cầm bắt đầu chơi bài " Claire de Lune" của Debussy theo điệu bolero, và người con gái lai đen cất lên tiếng hát thật tình tứ. Ana Magdalena cảm thấy xúc động. Nàng gọi một ly rượu gin pha với soda và nước đá, thứ rượu mà thỉnh thoảng nàng

tự cho phép mình uống và nó rất hợp với khẩu vị của nàng. Nàng học được cách thưởng thức loại rượu này khi nàng đi chơi riêng với chồng, một người đàn ông chỉ uống rượu khi vui bạn và đối xử với nàng một cách lịch sự và chiều chuộng như một người yêu thầm lén. Thế giới thay đổi hẳn khi nàng nhấp ngụm rượu đầu tiên. Nàng cảm thấy vui vẻ, yêu đời và có thể làm bất cứ điều gì; nàng là một người đàn bà được một hợp chất kỳ bí của nhạc và rượu làm cho đẹp hẳn ra. Nàng tưởng rằng người đàn ông ngồi bàn đối diện không để ý đến nàng, nhưng khi nàng nhìn ông ta lần thứ hai sau ngụm rượu đầu tiên thì nàng bất gặp ông ta nhìn nàng. Ông then đỏ mặt. Nhưng mắt nàng không rời người đàn ông khi ông lấy trong túi ra cái đồng hồ, rồi lại cất nó đi một cách vội vã, nhìn ra cửa, rót cho mình thêm một ly rượu, và lúng túng vì biết nàng đang nhìn ông trân trân. Cuối cùng, ông nhìn thẳng vào mặt nàng. Nàng cười tự nhiên, và ông ta gật nhẹ đầu đáp lại. Nàng đứng dậy, tiến đến bàn của ông và tấn công với vũ khí của người đàn ông:

" Tôi có thể mời ông một ly rượu được không?"

Người đàn ông mềm nhũn.

" Đó là một điều hân hạnh cho tôi," ông trả lời.

" Nếu ông chỉ thấy thích thú thôi cũng làm cho tôi bằng lòng rồi," nàng bảo.

Chưa nói dứt lời nàng đã ngồi xuống bàn, rót một ly cho ông và một ly cho nàng. Nàng rót rượu khéo léo và điệu nghệ khiến cho ông không thể quờ tay lấy chai rượu mà phải rót rượu cho nàng. " Xin mừng ông," nàng nói. Người đàn ông làm theo nàng và hai người đều uống cạn ly một lượt. Ông bị nghẹn, cơn ho làm toàn thân ông rung động, nước mắt chảy dàn dụa. Ạng lấy ra một cái khăn mù xoa

tuyệt đẹp đượm chút nước hoa oải hương và nhìn nàng với con mắt ướt đầm. Họ yên lặng một hồi lâu cho đến khi ông dùng khăn lau khô mắt và lấy lại được giọng nói bình thường.

Nàng bạo dạn tiến vào trận địa với câu hỏi: " Ông có chắc là sẽ không có ai đến đây gặp ông không?"

" Không," ông trả lời không theo một lô-dích nào cả. " Đó chỉ là một cái hẹn về chuyện làm ăn buôn bán, nhưng bây giờ thì không có ai đến nữa."

Làm ra bộ không tin, nàng hỏi " Chuyện làm ăn buôn bán à?"

" Đó là điều duy nhất mà tôi có thể làm được trong thời buổi này."

Ông trả lời tỉnh bơ để nàng khỏi tin. Và nàng, với một thái độ phũ phàng cố ý vốn không phải là bản tính của nàng, cắt đứt ông: " Chắc là buôn bán ở nhà."

Nàng tiếp tục tán tỉnh ông một cách nhẹ nhàng. Nàng chơi trò đoán tuổi ông và chỉ đoán sai một năm: ông ở tuổi bốn mươi sáu. Nàng chơi trò đoán sinh quán của ông căn cứ vào cách phát âm nhưng nói sai ba lần. Nàng thử đoán nghề nghiệp của ông, ông vội vã cho biết ông là kỹ sư cầu cống, và nàng nghi rằng đó là một cái mẹo để nàng khỏi tìm ra sự thật.

Họ nói về sự liễu lĩnh của ban nhạc dám đổi một bản nhạc thần thánh của Debussy ra điệu bolero, nhưng thật ra ông không nhận ra điều đó. Ạng thấy nàng rất am tường âm nhạc trong khi kiến thức âm nhạc của ông thì không vượt quá bài " Giòng Sông Xanh." Nàng bảo rằng nàng đang đọc truyện " Ma Cà Rồng." Ông nói rằng khi còn nhỏ đã đọc chuyện đó, nhưng chỉ đọc bản viết cho trẻ con mà thôi, và bây giờ vẫn còn ngạc nhiên với chuyện ông Quận Công xuống tàu ở Anh rồi biến thành con chó sói. Uống đến ly thứ hai, nàng cảm thấy như

chất rượu mạnh của ông đụng mạnh với rượu gin của nàng ở một nơi nào đó trong trái tim nàng, và nàng cố tập trung tư tưởng để giữ cho đầu óc được minh mẫn. Buổi tấu nhạc chấm dứt lúc 11 giờ đêm, và trong quán rượu, người ta đang chờ cho hai người đi về để đóng cửa.

Tới lúc đó nàng đã hiểu người đàn ông như thể đã từng sống suốt đời với ông. Nàng biết ông là người kén chọn, ăn diện, và có đôi bàn tay vốn đã chẳng có gì đặc biệt mà còn bị những móng tay được tô lên một loại sơn móng tay không màu sắc làm cho xấu xí hơn. Nàng biết ông bị chế ngự bởi đôi mắt vàng to mà nàng nhìn chăm chú vào ông, và nàng biết rằng ông là một người tốt nhưng cũng là một người hèn nhát. Nàng cảm thấy nàng đã làm chủ được tình thế để có thể làm một điều mà suốt đời nàng chẳng bao giờ dám mơ tưởng đến. Nàng hỏi thẳng "Mình lên phòng chứ?"

Ông trả lời nhũn nhặn, "Tôi không ở khách sạn này."

Nhưng nàng không đợi cho ông dứt lời. Nàng đứng lên, lắc nhẹ đầu để chế ngự ảnh hưởng của rượu, đôi mắt nàng sáng lên.

"Ông trả tiền đi. Tôi lên phòng trước," nàng nói "Tôi ở lầu hai, phòng số 203, phía bên mặt cầu thang. Cứ vào, khỏi phải gõ cửa."

Nàng đi về phòng tràn ngập bởi một mối lo âu dịu ngọt mà nàng chưa thấy lại kể từ đêm cuối cùng khi nàng còn là một trinh nữ. Nàng mở quạt trần, nhưng không bật đèn; nàng cởi quần áo trong bóng tối, không ngừng nghỉ, và để một đồng quần áo trên sàn suốt từ ngoài cửa vào đến phòng tắm. Khi nàng bật đèn phòng tắm nàng phải nhắm mắt lại và hít mạnh để bớt hồi hộp và giữ cho bàn tay bớt run rẩy. Nàng tắm rửa vội vàng, từ bộ phận sinh dục, nách, đến những ngón chân bị bẹp bởi đôi giày đế cao su, vì mặc dầu buổi trưa bị đổ

mồ hôi nhễ nhại, nàng vẫn không định tắm cho đến trước giờ đi ngủ. Không đủ thì giờ đánh răng, nàng bôi một chút kem đánh răng lên lưỡi rồi trở ra phòng ngủ trong ánh sáng mờ hắt ra từ phòng tắm. Nàng không đợi cho ông khách đẩy cửa vào mà mở cửa từ bên trong khi nàng nghe thấy tiếng chân ông lại gần. Người đàn ông sửng sốt thốt lên " Trời ơi!" Nhưng nàng không để cho ông bỏ phí một chút thời giờ nào trong bóng tối. Nàng mạnh tay cởi áo tây của ông ra, nàng cởi cravate, áo chemise, và vất tất cả quần áo của ông xuống đất. Trong khi nàng làm như vậy thì mùi ảo hương phát ra từ người đàn ông tràn ngập không gian. Thoạt đầu ông định giúp nàng, nhưng nàng chặn ông lại bằng cử chỉ bạo dạn và thành thạo của nàng. Khi nàng đã lột trần ông ra từ trên tới ngang lưng, nàng để ông ngồi lên giường rồi quỳ xuống cởi giày và vớ cho ông. Cùng lúc đó, người đàn ông cởi thắt lưng ra để nàng chỉ việc kéo một cái là quần của ông tuột ra, mặc kệ cho những cái chìa khóa và tiền bạc rơi ào ào xuống sàn nhà. Sau đó, nàng giúp ông kéo cái quần đùi xuống chân, và nàng thấy rằng cái của ông không to bằng của chồng nàng, người đàn ông duy nhất mà nàng biết, nhưng ông không có vấn đề gì hết và dương vật của ông cứng lên.

Nàng không để cho người đàn ông chủ động. Nàng cười lên người ông và làm tình một cách say sưa, ngẫu nhiên hưởng trọn khoái cảm cho riêng mình, mà chẳng nghĩ gì đến ông, cho tới khi cả hai mệt nhoài, mồ hôi chảy ra như tắm. Nàng vẫn nằm trên, một mình phấn đấu với sự dẫn dắt của lương tâm dưới luồng gió nóng và tiếng động ồn ào của cái quạt trần, cánh tay của ông giang ra dưới sức nặng của thân thể nàng. Nàng bò xuống và nằm ngửa bên cạnh ông.

Người đàn ông nằm yên cho đến khi thở được bình thường rồi hỏi "Tại sao cô chọn tôi?"

" Ông trông giống như một người đàn ông theo đúng nghĩa của nó," nàng nói.

" Được một người đàn bà như cô nói như thế, thì đó là một vinh dự."

" A," nàng đùa, " đó là một sự thích thú chứ?"

Ông không trả lời và cả hai nằm yên nghe tiếng động của ban đêm. Căn phòng trở nên êm dịu trong ánh sáng mờ ảo của cái hồ. Họ nghe tiếng chim vỗ cánh ở gần đó. Ông hỏi, " Cái gì đó?" Nàng nói cho ông nghe về thói quen ban đêm của những con diệc. Sau một giờ thăm thì những chuyện vu vơ nàng bắt đầu lấy tay mân mê ngực ông từ từ rồi kéo xuống phía dưới bụng người đàn ông. Nàng lấy chân cọ vào chân ông và thấy người ông có nhiều lông quăn và mềm làm nàng nhớ đến cỏ tháng Tư. Rồi nàng bắt đầu kích thích ông bằng những cái hôn vào tai, vào cổ, và lần đầu tiên họ hôn vào miệng nhau.. Đó là lúc mà ông tỏ cho nàng thấy rằng ông là người tình lý tưởng, từ tốn một cách điệu nghệ, đưa nàng lên tuyệt đỉnh của khoái lạc. Nàng ngạc nhiên không ngờ đôi bàn tay thiếu điển cảm của ông lại có thể dịu dàng đến như thế. Nhưng đến khi ông lật ngửa nàng ra thì nàng cứng lại, sợ làm hư đi cái cảm giác kỳ diệu của lần đầu.. Nhưng ông cương quyết áp đặt ý mình, ông xoay vờn nàng theo ý ông và, với cách riêng của ông, ông làm nàng mê mên sung sướng.

Khoảng hơn hai giờ sáng thì nàng tỉnh giấc vì tiếng sấm làm rung chuyển khách sạn và gió mạnh làm tung cửa sổ. Nàng vội vàng đóng cửa sổ lại, và qua ánh sáng của một lần chớp nàng thấy nước hồ nổi sóng và những con diệc xanh vỗ cánh yếu ớt trong cơn gió táp.

Khi trở lại giường chân nàng bị vướng vào đồng quần áo. Nàng để yên đồng quần áo của nàng dưới đất định là sẽ nhặt lên sau, và treo cái Yếm tây của ông lên ghế, rồi để áo chemise và cravate lên trên. Nàng cẩn thận gấp quần của ông cho khỏi bị nhăn rồi để lên trên chùm chìa khóa, con dao nhỏ, và đồng tiền rơi ra từ túi ông. Không khí trong phòng mát dịu trong cơn giông, và nàng khoác vào người cái áo ngủ màu hồng dệt bằng một thứ lụa mềm đến nỗi làm nàng nổi da gà. Người đàn ông nằm nghiêng, chân co lên trông như một đứa trẻ mồ côi khổng lồ, khiến trong lòng nàng nổi lên một nỗi thương cảm. Nàng nằm xuống bên cạnh, ôm ngang bụng ông, và cái mùi ngai ngái của thân thể ấm mồ hôi của người đàn ông làm tâm hồn nàng rung động. Người đàn ông thở mạnh và bắt đầu ngáy. Nàng ngủ thiếp đi và tỉnh giấc trong sự vắng lặng của quạt trần đứng yên vì điện tắt, và căn phòng tràn ngập ánh sáng xanh mờ ảo của cái hồ. Người đàn ông đang nằm ngáy o o. Nàng nghịch ngợm gõ tay lên lưng ông. Ông giật mình ngừng ngáy, và cái dương vật mềm xù của ông bắt đầu cứng lên. Nàng để yên ông nằm đó, cởi áo ngủ của mình ra. Nhưng đến khi nàng quay lại với ông thì mọi cố gắng của nàng đều trở nên vô ích, và nàng biết rằng ông giả vờ ngủ để khỏi phải làm tình lần thứ ba. Nàng lăn sang phía giường bên kia, mặc áo ngủ vào, rồi lăn ra ngủ mê mết chẳng biết trời trăng gì cả.

Nàng tự nhiên thức giấc lúc trời vừa sáng. Nàng nhắm mắt nằm mơ màng một lúc, không dám nhận rằng nàng đang bị đau nhói hai bên thái dương hay thấy đáng miêng vì cảm giác phiền muộn là có điều gì bất trắc đang chờ đợi nàng trong cuộc sống thật ngoài kia. Từ tiếng động của cái quạt trần nàng biết rằng đã có điện trở lại và căn

phòng hiện ra rõ rệt trong ánh sáng ban mai chiếu trên hồ.

Đột nhiên, như bị sét đánh, nàng phải đương đầu với nhận thức phũ phàng rằng, lần đầu tiên trong đời, nàng đã phạm tội thông dâm và ngủ với một người đàn ông không phải là chồng mình. Bàng hoàng, nàng quay lại nhìn người đàn ông thì không thấy ông ở đó. Ông cũng không ở trong buồng tắm. Nàng bật đèn lên, quần áo của ông không còn ở đó, chỉ còn quần áo của nàng mà đêm hôm trước nàng vắt dưới sàn thì nay đã được gấp lại và để một cách triu mến lên trên ghế.. Cho đến lúc ấy nàng chưa nhận thức được rằng nàng không hề biết gì về người đàn ông, không biết cả tên ông, và tất cả những gì còn lại trong cái đêm điên cuồng đó là mùi nước hoa oải hương phảng phất trong bầu không khí đã được thanh lọc vì trận bão. Mãi tới khi nàng cầm quyển sách trên bàn cạnh giường ngủ để vào túi đi biển nàng mới thấy trong những trang sách đầy những chuyện khủng khiếp, người đàn ông đã để lại một tờ giấy hai-mươi Mỹ kim.

* Gabriel García Marquez là nhà văn gốc Columbia nhưng sinh sống ở Mỹ Tây Cơ. Ông có nhiều tác phẩm được dịch ra tiếng Anh, trong đó có Mùa Thu của Người Tộc Trưởng (The Autumn of the Patriarch), Tình Yêu Thời Thở Tả (Love in the Time of Cholera), và Ghi Chép về một Cái Chết được Báo Trước (Chronicle of a Death Foretold). Tác phẩm mới nhất của ông là Tin về một cuộc Bắt Cóc (News of a Kidnapping). Cuốn truyện nổi tiếng nhất của ông, Một Trăm Năm Cô Đơn (One Hundred Years of Solitude) được coi là một

" tác phẩm bất hủ của kho tàng văn học nhân loại." Ông được trao giải Nobel văn chương năm 1982. Truyện ngắn " Gặp Gỡ Tháng Tám" (Meeting in August) được đăng trong báo New Yorker, số ngày 6 tháng Mười Hai, 1999. Bản dịch Anh ngữ từ nguyên tác tiếng Tây Ban Nha của Edith Grossman.

gabriel garcía marquez
nguyễn mạnh hùng dịch

Giấc Ngủ Ngày Thứ Ba

Chiếc xe lửa chun ra khỏi hầm ngoằn ngoèo của cửa một vùng đá sa thạch, bắt đầu băng xuyên ngang qua giữa đồn điền chuối. Không khí từ đây trở nên ẩm ướt, họ không còn cảm nhận được những làn gió hây hây từ biển thổi tới nữa. Một đám khói ngộp ngụa hùn hút chui qua cửa sổ ủa vào trong toa. Trên con đường song song với đường xe lửa, mấy chiếc xe bò chở đầy chuối xanh đang di chuyển chậm chạp. Bên kia đường, nơi không trồng chuối, rải rác những văn phòng có trang bị quạt điện, những căn lầu ngói đỏ, nhà dân chúng có đặt mấy cái ghế mấy cái bàn nhỏ sơn trắng trước sân giữa những khóm hồng và vài cây dừa vương đầy bụi bặm. Bây giờ là mười một giờ trưa, nắng vẫn chưa lên.

-" Hãy kéo cửa sổ lên," người đàn bà nói : " Tóc dính đầy bụi khói kia "

Đưa con gái cố gắng đóng mạnh cửa sổ lại, nhưng tấm màn màn không nhúc nhích vì rỉ sét. Họ là hai người hành khách đơn độc trong toa hạng ba duy nhất của chuyến xe lửa. Khói tiếp tục ủa vào toa, đưa con gái rời chỗ ngồi, bỏ những vật dụng ít ỏi họ mang theo xuống: một cái gói bằng nylon trong chứa chút ít thức ăn, một bó hoa bọc bằng giấy nhứt trình. Nó ngồi sang bên ghế đối diện, trước mặt mẹ, xa cửa sổ. Cả hai đều mặc áo tang rẻ tiền, màu ảm đạm. Đưa con gái chừng mười hai tuổi, lần đầu tiên đi xe lửa. Người đàn bà

có vẻ như quá già để là mẹ nó. Những đường gân xanh trên mí mắt, thân hình nhỏ nhít, mảnh khảnh, trong bộ quần áo cắt may quá dài giống như áo chùng. Bà ngồi mà xương sống dán chặt vô chỗ dựa lưng của cái ghế, hai tay nắm cái sắc tay bằng da đang để trên đùi. Bà mang dáng vẻ điềm tĩnh cam chịu của một người quen sống đời nghèo khổ.

Lúc mười hai giờ trưa thì cái nóng bắt đầu lên. Xe lửa ngừng mười phút để lấy nước ở một trạm nghỉ chờ vơ trên đường. Bên ngoài, trong cái tĩnh mịch bí mật của đồn điền, bóng nắng như sạch sẽ. Nhưng không khí đứng lạng trong toa tỏa ra mùi như mùi da chưa thuộc. Xe lửa chạy không gia tăng tốc độ, ngừng ở hai thành phố giống hệt nhau, với những căn nhà bằng cây sơn màu loè loẹt. Đầu người đàn bà gục xuống, bà đi vào giấc ngủ. Đứa con gái lột giày ra, đi vào phòng rửa mặt, nhúng nước bó hoa. Khi đứa bé trở về chỗ ngồi thì mẹ nó đang đợi để cùng ăn. Bà mẹ đưa cho đứa con một miếng bơ, nửa cái bánh bột bắp, rồi lấy trong túi nylon ra một phần tương tự như vậy cho mình. Xe lửa lúc này chạy chậm chậm qua một cái cầu sắt, lướt ngang một thành phố giống như những thành phố đã đi qua, chỉ khác là ở đây có một đám đông đang tụ họp trên quảng trường. Dân nhạc đang chơi một điệu nhạc sinh động dưới ánh mặt trời gay gắt. Phía đối diện với thành phố, đồn điền chấm dứt bằng vùng đất rộng, nứt nẻ do trời nắng nóng bức. Người đàn bà ngừng ăn.

-" Mang giày vô đi," bà nói.

Đứa con gái nhìn ra ngoài. Không gì hơn là đồng hoang. Xe lửa đang tăng tốc độ. Nó bỏ miếng bánh còn lại vô giỏ rồi lẹ làng mang giày. Người đàn bà đưa cho con cây lược.

-" Chải đầu đi"

Còi xe huýt vang khi đứa nhỏ chải đầu. Người đàn bà lau mồ hôi cổ, chùi chát nhờn trên mặt bằng mấy ngón tay. Đứa nhỏ chải đầu xong thì xe lửa đã qua mấy dãy nhà ngoài viển thành phố. Thành phố rộng lớn nhưng buồn bã hơn những thành phố đã chạy qua trước đó.

-" Nếu cần làm gì thì làm bây giờ đi, " bà nói " Lát nữa không được uống nước ở đâu hết nha, chết khát cũng phải chịu. Nhứt là không được khóc lóc."

Đứa nhỏ gật đầu. Một cơn gió khô khốc, khét nắng lùa qua cửa sổ cùng với tiếng hú của đầu máy và tiếng các toa xe nghiêng kót kót. Người đàn bà xếp cái túi nylon chứa thức ăn còn lại, bỏ vào trong túi xách. Trong một lúc, hình ảnh đầy đủ của thành phố, vào ngày Thứ Ba tháng Tám trời trong, chiếu lên cửa sổ. Đứa con gái gói bó

hoa vào mớ giấy nhựt trình đã tắm nước, nhích ra xa cửa sổ hơn chút nữa và đưa mắt nhìn mẹ. Cô bé nhận được một cái nhìn triu mến. Xe lửa bắt đầu huýt còi và giảm dần tốc lực. Một lúc ngắn sau đó xe ngừng hẳn. Không có ai ở sân trạm. Bên kia đường, cạnh lề dành cho khách bộ hành, dưới bóng mấy cây hạnh, chỉ có tiệm chơi bida là mở cửa. Thành phố đang đông đưa trong hơi nằng. Người đàn bà và đứa con gái bước xuống toa, băng ngang nhà trạm hoang phế-- đá lát nền bị nứt bể vì cỏ mọc lên ở giữa-- về phía có bóng mát của con đường. Đã gần hai giờ rồi. Giờ này, bị cơn buồn ngủ đè nặng, cả thành phố đang đi vào giấc ngủ trưa. Ở đây tiệm tùng, công sở, trường học đều đóng cửa lúc mười một giờ và chỉ mở lại lúc gần bốn giờ thôi, lúc xe lửa rời trạm. Chỉ có cái khách điếm, có quầy rượu và bàn bida, đối diện với nhà ga, và văn phòng điện tín, nằm ở một cạnh của quảng trường, là mở cửa thôi.

Nhà cửa, phần lớn cất theo kiểu mẫu của công ty đồn điền chuối, đóng kín, màn cửa hạ xuống. Trong nhà nóng quá, vài người ăn trưa ngoài hàng ba. Có người đem ghế ra dựa gốc cây hạnh, ngủ trưa ngay ngoài đường phố. Theo bóng mát của hàng cây, họ đi vào thành phố, không khuấy động giấc ngủ một ai. Họ đi thẳng vô nhà chung.

Người đàn bà lấy móng tay cào cào chấn song kim loại trên cửa, đợi một lát sau bà cào cào lần nữa. Có tiếng quạt máy chạy bên trong. Họ không nghe bước chân đi. Họ cũng khó nghe tiếng kéo kẹt thật mơ hồ của cánh cửa. Thành linh có tiếng hỏi giọng chăm chú, kể bên chấn song.

"Ai đó?"

Người đàn bà cố gắng nhìn qua chấn song.

"Tôi cần gặp vị linh mục," bà nói.

"Ngài đang ngủ."

"Đây là trường hợp khẩn cấp." người đàn bà nhấn mạnh. Giọng bà trầm tĩnh mà quyết liệt. Cánh cửa mở hé không một tiếng động. Một bà già béo ụt, da mặt trắng xanh, tóc màu sắt, hiện ra. Cặp mắt dường như quá nhỏ sau cặp kiếng dày cộm.

"Mời vào," bà nói rồi mở rộng cửa.

Họ vào trong một căn phòng vuông phẳng phát mùi hoa úa. Người đàn bà dẫn họ tới một cái ghế dài bằng cây, ra dấu biểu họ ngồi xuống. Đứa con gái ngồi xuống nhưng người mẹ vẫn đứng, trí mông lung, hai tay nắm chặt cái xách tay. Không một tiếng động nào ngoài tiếng quạt máy chạy. Người đàn bà kia hiện ra ở khung cửa đầu kia căn phòng.

- " Ngài nói sau ba giờ bà hãy trở lại," bà ta nói thiệt nhỏ.

- " Ngài ngả lưng mới được có năm phút."

- " Xe lửa sẽ chạy lúc ba giờ rưỡi," người đàn bà nói. Câu trả lời chắc nịch và ngắn gọn, nhưng giọng vẫn giữ vẻ vui, thấp, trầm. Bà kia lần thứ nhứt mỉm cười .

- " Được rồi, "

Khi cánh cửa đằng đầu kia đóng lại lần nữa, người đàn bà ngồi xuống kế bên con gái. Phòng khách hẹp nhưng gọn gàng và sạch sẽ. Ở bên kia cái lan can thấp bằng cây chia hai gian phòng, có một cái bàn làm việc, bàn trống trơn phủ vải dầu, trên bàn để một cái máy đánh chữ cổ lỗ sĩ, kế bên là một bình bông. Sở khách viếng để ở đó. Ta có thể thấy ngay rằng đây là một văn phòng do một người đàn bà lỡ thời nào đó giữ cho ngăn nắp.

Cánh cửa đằng xa kia lại mở, lần này thì ông linh mục hiện ra, ông đang chùi kiếng bằng khăn mu-xoa. Khi đeo kiếng lên thì rõ ràng ông và người đàn bà nọ là anh em.

- " Ta có thể giúp gì cho con?" ông hỏi.

- " Chìa khóa nghĩa trang," người đàn bà nói. Đứa con gái vẫn còn ngồi, bó hoa đặt lên đùi, hai chân tréo nhau dưới gầm băng ghế. Vị linh mục ngó đứa trẻ rồi ngó người đàn bà, rồi ông nhìn qua lưới mắt cáo của cửa sổ. Bầu trời trong sáng, không một vẩn mây .

- " Trong cái nắng này," ông nói " Con có thể đợi cho tới khi mặt trời xuống đã."

Người đàn bà lắc đầu, lặng thinh. Vị linh mục băng qua bên kia lan can, lấy trong tủ hồ sơ ra cuốn sổ bọc vải dầu, cây viết mực, bình mực rồi ngồi xuống bàn. Tay ông nhiều lông, nếu phải bù lại phần tóc trên đầu đã rụng, vẫn còn dư nhiều.

- " Con muốn viếng mộ nào?" ông hỏi

- " Mộ của Carlos Centeno"

- " Ai? "

- " Carlos Centeno," người đàn bà lặp lại.

Vị linh mục vẫn chưa hiểu.

- " Nó là thằng ăn trộm bị giết chết tại đây tuần rồi," người đàn bà nói cùng một giọng và cùng âm điệu dùng nãy giờ. " Con là mẹ nó."

Vị linh mục ngó bà chằm bằm. Bà nhìn thẳng vào ông, lặng yên nhưng đầy tự chế. Vị cha xứ đỏ mặt. Ông cúi gầm xuống, bắt đầu viết. Khi điền mẫu giấy, ông kêu người đàn bà xác định về mình, bà ta trả lời lưu loát, với nhiều chi tiết tỉ mỉ như là đang đọc những điều viết sẵn trên giấy. Vị cha xứ đỏ mồ hôi hột.

Đứa con gái cởi khoen chiếc giày bên trái rồi rút gót ra để lên thành

gát chân của băng ghế. Nó cũng làm như vậy với chân mặt. Chuyện xảy ra Thứ Hai tuần trước, vào lúc ba giờ sáng, cách đây chỉ mấy khu nhà thôi. Bà Rebecca, một bà góa, sống đơn độc trong căn nhà chứa đầy đồ lục cục lòn hòn của mình, nghe lẫn trong tiếng mưa bụi trên nóc còn có tiếng ai đó bên ngoài đang cố mở cửa vào nhà. Bà ngồi dậy, lục lọi cùng khắp tủ áo kiếm cây súng sáu cũ từ thời Đại Tá Rureliano Buendia tới giờ chưa được bắn lần nào. Bà đi thềm trở ra phòng khách, không vặn đèn. Tiếng động từ khóa cửa không ảnh hưởng trong vụ này bằng nỗi kinh hoàng sinh ra trong hai mươi tám năm sống lẻ loi. Bà tưởng tượng trong trí không phải chỉ vị trí cái cửa mà thôi, còn cả cái chiều cao chính xác của ổ khóa. Hai tay nắm chặt súng, nhắm mắt nhắm mũi bà bóp cò. Trong đời bà, đây là lần đầu tiên bà bắn súng. Ngay sau tiếng nổ bà không nghe gì hết ngoài tiếng mưa thì thềm trên mái nhà. Rồi bà nghe tiếng kim loại rớt trên thềm mái hiên trắng xi-măng, và một giọng thì thào vui nhưng vô cùng yếu ớt, như là phều phào:

- "Ồi, mẹ ời."

Sáng ra người ta thấy một thanh niên nằm chết trên hàng ba, mặt mũi nát bầy. Gã mặc chiếc áo nỉ mỏng có những lần sọc màu, cái quần đã cũ, thắt lưng bằng một sợi dây lượt, đi chân trần. Không ai trong thành phố này biết gã.

- "Vậy thì tên nó là Carlos Centeno," vị Cha Xứ nói nhỏ khi ông viết xong tờ giấy.

- "Centeno Ayala," người đàn bà nói "Nó là con trai độc nhất của tôi."

Vị linh mục đi về phía tủ hồ sơ. Sau cánh cửa tủ có treo hai cái chìa khóa thiết bị đã rỉ sét; đứa con gái, cũng như mẹ nó ngày còn nhỏ-- và đôi khi vị linh mục nữa--từng tưởng tượng đây là chìa khóa của thánh Peter dùng mở cửa thiên đàng.

Ông đem xuống, đặt lên quyển sổ đang mở ra, nằm trên lan can, chỉ vào chỗ vừa mới viết trong khi ngó thẳng người đàn bà.

- "Ký vào đây nè."

Người đàn bà viết ngoằn ngoèo tên mình, cái túi xách được cặp vô nách. Đứa con gái cầm bó hoa lên, đi đến gần mẹ, chân kéo lê trên mặt đất, nó nhìn mẹ nó chăm chú. Vị linh mục thở dài. "Con có bao giờ khuyên nó đi vào đường ngay nẻo chánh không?"

- "Nó là một người tốt."

Người đàn bà trả lời khi ký tên xong. Vị linh mục nhìn bà ta rồi nhìn đứa con gái, rất kinh ngạc khi thấy họ không có vẻ gì muốn bật khóc. Người đàn bà tiếp theo bằng giọng nói như khi nãy:

- " Con biểu nó đừng bao giờ ăn cắp những gì người ta cần để ăn, nó nghe lời. Mặt khác, trước đây, khi nó đã chôm thành thạo rồi, nó thường nằm liệt giường ba bốn ngày liền, bị đánh nhừ tử ấy mà!"

Đưa con gái xen vô:

- " Răng cở ảnh rụng hết trơn."

- " Vậy đó," Người đàn bà xác nhận. " Những lúc đó, mỗi miếng ăn tôi đều nghe mùi vị con mình bị đánh đập trong những đêm Thứ Bảy."

- " Ý muốn của Thượng Đế thật khó hiểu," vị cha xứ nói.

Nhưng ông nói câu đó không với lòng xác tín bao nhiêu, một phần vì kinh nghiệm cho ông đôi chút hoài nghi, một phần vì trời oi bức quá. Ông khuyên họ che đầu để tránh ngã nắng. Ngáp dài, và bây giờ buồn ngủ tột độ, ông chỉ cho họ cách tìm tới chỗ nằm mờ của Carlos Centeno. Ông dặn họ khi trở lại, không cần gõ cửa, cứ việc để chìa khóa dưới cửa, và nếu có thể, hãy cúng cho Nhà Thờ chút ít. Người đàn bà chăm chú nghe ông chỉ dẫn, nhưng cảm ơn mà thiếu vắng nụ cười. Vị Cha Xứ thấy có người đang nhìn vào, mũi hần áp sát vào chấn song, ngay cả trước khi ông mở cửa ra đường. Bên ngoài là một nhóm trẻ con. Khi cửa mở rộng thì chúng chạy tán loạn. Thường ngày vào giờ này, đường phố không một bóng người. Bây giờ thì không phải chỉ trẻ con thôi. Có cả người lớn tùm tùm năm tùm ba dưới mấy gốc hạnh. Vị Cha Xứ đảo mắt qua con đường đang lượn lờ trong hơi nóng. Ông hiểu ngay. Nhẹ nhàng ông đóng cửa lại.

- " Đợi đây một lát,"

ông nói mà không nhìn mặt người đàn bà. Người chị của ông hiện ra nơi khung cửa đằng đầu kia, với một cái áo jacket đen mặc ngoài cái áo ngủ, tóc bà để xoả xuống vai. Bà ta im lặng nhìn Cha Xứ.

- " Chuyện gì vậy," ông hỏi.

- " Dân chúng để ý rồi," bà chị thì thầm.

- " Tốt hơn là bà đi ra theo cửa đằng patio," vị Cha Xứ nói.

- " Phía đó cũng vậy thôi. Cửa sổ nào cũng có họ," người đàn bà kia nói .

Tới đây thì hình như người đàn bà kia đã hiểu. Bà ngó ra đường, xuyên qua chấn song. Bà đưa tay đỡ lấy bó hoa từ đứa con gái rồi bước ra phía cửa Đưa con theo sau mẹ.

- " Đợi mặt trời xuống đã nào!"

- " Hai người sẽ bị chảy thành nước đó," bà kia tiếp theo trong khi vẫn đứng bất động từ phía đầu kia của gian phòng.

- " Đợi! Tôi sẽ cho mượn cây dù."

- " Cảm ơn," người đàn bà trả lời. " Chúng tôi đi như thế này cũng được. Không sao. "

Bà nắm tay con, đi thẳng ra đường.

(Tháng 04/99, dịch theo bản tiếng Anh của J.S. Bernstein)
Nguyễn Văn Sâm

Gabriel Garcia Márquez

Hồi ức về những cô gái điểm buồn của tôi

Dịch Giả: LÊ XUÂN QUỲNH
Nobel Văn học 1982

Lời Giới Thiệu

Gabriel García Marquez được bạn đọc Việt Nam biết đến qua bản tiếng Việt chuẩn xác và giàu cảm xúc của cố dịch giả Nguyễn Trung Đức, với "Trăm năm cô đơn", "Tình yêu thời thổ tả", " Ngài đại tá chờ thư", " Tướng quân giữa mê hồn trận", "Giờ xấu", " Mười hai truyện phiêu dạt"... Và gần đây là tự truyện nổi tiếng " Sống để kể lại" qua bản dịch của Lê Xuân Quỳnh.

Với tư duy nghệ thuật độc đáo, Márquez đã thể hiện trong các tác phẩm của mình một tình yêu vừa thơ ngây vừa sâu sắc, mãnh liệt đối với con người, với cuộc đời. Ông đã nhận được nhiều giải thưởng lớn, trong đó có giải Nobel văn học vào năm 1982.

Có một lần G.G Márquez đã nói : "Trên thực tế, mỗi nhà văn chỉ viết một cuốn sách. Cuốn sách mà tôi đang viết là cuốn sách về "cái cô đơn".

Quả thực, sau hơn 50 năm cầm bút, Márquez đã vẫn viết về cái cô đơn trong một câu chuyện khác, tác phẩm " Hồi ức về những cô gái điểm buồn của tôi".

Đó là câu chuyện của một nhà báo già. Sinh ra trong một gia đình

trung lưu nhưng ông sớm mồ côi cha mẹ. Trong căn nhà cũ kỹ, ông đã sống một cuộc sống hoàn toàn cô đơn, không vợ con, không bạn bè. Ông đã từng dạy ngữ pháp tiếng La Tinh và Tây Ban Nha. Sau đó, ông biên tập tin tức và viết bình luận âm nhạc cho một tờ báo địa phương đến năm 90 tuổi. Và chính trong buổi sáng kỷ niệm sinh nhật lần thứ 90 ấy, ông bỗng ao ước có một đêm tình ái nồng say với một thiếu nữ còn trinh nguyên.

Cái ý muốn kỳ lạ đó thôi thúc ông đến độ ông tìm cách liên hệ với một người đàn bà mới lái mà ông quen từ ngày còn trẻ, nhờ bà ta giúp đỡ bắt chặp nỗi xấu hổ.

Ông đã đến nơi hẹn với một cô bé đang say ngủ. Khi ông ra về, ông đặt lên trán cô nụ hôn vĩnh biệt và lời cầu Chúa giữ hộ trinh tiết cho cô. Thế nhưng, chính sự cô đơn của tuổi già đã khiến ông nhiều lần nữa đến gặp cô bé. Mỗi lần, ông lại thêm yêu thương cô. Ông đem những bức tranh, những bó hoa, những cuốn sách... bày trong căn phòng để sớm mai, khi thức dậy, cô bé cảm thấy ấm cúng. Ông hát ru cô bé bài hát về Delgadina – cô công chúa út được vua cha yêu quý. Ông gọi cô là Delgadina. Ông nhận thấy sự hiện diện vô hình của cô trong căn nhà vắng lặng của ông. Cuộc sống nhàn tẻ, nghèo cực của ông như có một ý nghĩa, đó là niềm yêu thương, lo lắng cho tương lai của cô bé. Lần đầu tiên, ông nhận ra “Niềm thích thú thực sự khi được ngắm nhìn thân thể người phụ nữ ngủ say mà không bị áp lực của dục vọng hay bối rối vì ngượng ngùng”.

Tác phẩm “ Hồi ức về những cô gái điểm buồn của tôi” của G.G.

Márquez khiến người đọc nhớ đến “Người đẹp say ngủ” của nhà văn Kawabata. thật kỳ lạ cho cuộc gặp gỡ giữa hai nhà văn sống trong hai nền văn hoá xa nhau, khác lạ với nhau là Mỹ La Tinh và Nhật

Bản. Những ông già- nhân vật trong tác phẩm của họ, trong cố gắng tuyệt vọng để tìm lại tuổi trẻ đã tìm thấy một tình cảm khác. Đó là niềm thương xót với con người, đặc biệt là những người phụ nữ. Nhân vật của Kawabata khi đến ngủ bên người phụ nữ đã có ý nghĩ : “Đến đây ngủ giống như ngủ với Đức Phật nắp kín đầu đây vậy”.

Trong một cách hành xử khác, một cách diễn đạt khác, nhân vật của G.G.Márquez cũng đạt được tình cảm thanh khiết đó.

Đối với G.G.Márquez viết về “Cái cô đơn” của một con người, một dòng họ, một đất nước chính là để “sáng tạo ra một huyền thoại khác hẳn, một huyền thoại mới, hấp dẫn của cuộc sống, nơi không ai bị kẻ khác định đoạt số phận mình, ngay cả cái cách thức chết, nơi tình yêu có lối thoát và hạnh phúc là cái có khả năng thực sự; và nơi những dòng họ bị kết án Trăm năm cô đơn cuối cùng và mãi mãi sẽ có vận may lần thứ nhất để tái sinh trên mặt đất này”. (diễn văn nhận giải Nobel văn chương của Márquez – theo Nguyễn Trung Đức)

- First News –

Dịch Giả: LÊ XUÂN QUỲNH

Nobel Văn học 1982

Chú thích:

Tác giả GABRIEL GARCÍA MARQUEZ, đôi khi có truyện ghi Márquez, Nên Ct.Ly ghi Marquez cho giống những truyện đã được mang vào thư viện

Ct.Ly thay mặt BQT của Thư viện VNthưquan - Thư viện Online thành thật cảm ơn Tô văn Hưng Và người mê sách BQT thư viện Ebook.com) đã góp sức cho VNTQ, Tình thân

Hồi ức về những cô gái điểm buồn của tôi

Chương 1

Vào cái năm tròn chín mươi tuổi, tôi muốn tự thưởng một đêm tình cuồng điên với một thiếu nữ còn trinh nguyên. Tôi bỗng nhớ đến Rosa Cabarcas, bà chủ một nhà chứa vốn thường hay báo cho các khách hàng sộp mỗi khi có sẵn một cửa lạ. Tôi không bao giờ quỳ gối trước thứ cửa lạ này cũng như trước bất cứ lời mời mọc tục tĩu nào của bà ta; ấy thế nhưng bà ta cũng chẳng hề tin vào tính rõ ràng trong nguyên tắc sống của tôi. Mà đạo đức cũng thay đổi theo thời gian, bà ta mỉm cười ranh mãnh nói, rồi ông sẽ thấy. Bà ta ít hơn tôi dăm ba tuổi, và từ nhiều năm nay tôi không còn biết tin tức gì về bà ấy nữa, có khi đã chết rồi cũng nên. Nhưng ngay khi tiếng chuông điện thoại đầu tiên vừa ngắt, tôi đã nhận ra giọng nói của bà ta và liền phang ngay không chút úp mở:

- Ngày hôm nay thì tôi muốn.

Bà ta thở dài: Ai dà, ngài thông thái buồn bã của tôi, ông đã mất dạng hai mươi năm nay rồi bỗng trở lại đòi hỏi điều không thể có vào lúc này. Ngay lập tức bà ta hồi phục được tài nghệ của mình và đưa ra cho tôi lựa chọn cả nửa tá phương án khoái lạc, nhưng đều đã qua sử dụng cả rồi. Tôi nhắc lại: phải là trinh nguyên và ngay trong tối hôm nay. Bà ta cảnh giác hỏi: Thế ông định thử điều gì vậy? Chẳng gì cả, tôi trả lời và cảm thấy chua xót vì bị điểm huyết đúng chỗ đau nhất của mình, tôi biết rõ cái gì mình làm được và cái gì không làm được, thưa bà. Bà ta bình thản nói rằng các vị thông thái biết đủ thứ nhưng chẳng biết gì : Những Virgo duy nhất còn rơi rớt lại trên thế gian là các ông, những người của tháng Tám (1). Tại sao ông không đặt hàng cho tôi từ sớm hơn? Làm sao dự báo trước được niềm cảm hứng, tôi nói. Nhưng có lẽ có thể chờ đợi được chẳng, bà ta nói và bao giờ cũng tỏ ra hiểu biết hơn bất cứ một người đàn ông nào, rồi đề nghị tôi chờ thêm hai ngày để có thể lục lợi mọi ngóc ngách thị trường. Tôi nói một cách nghiêm túc với bà ta rằng trong một phi vụ kiểu này, ở vào tuổi của tôi, thì mỗi giờ là bằng cả một năm. Thế thì không thể được, bà ta nói không chút ngần ngại, nhưng không sao, thế này càng thêm hấp dẫn, mẹ kiếp, tôi sẽ gọi cho ông trong vòng một giờ nữa vậy.

(1) Virgo: Xử nữ, người mang mệnh Xử nữ, cung thứ sáu của hoàng đạo, tương ứng từ ngày 22 tháng Tám đến 23 tháng Chín.

Kể ra thì tôi không cần nói ra điều này, bởi vì người ta có thể nhận ra tôi từ xa cả dặm: tôi xấu trai, nhút nhát và cổ lỗ. Bấy lâu nay tôi đã cố sức làm đủ mọi chuyện để chứng tỏ điều ngược lại. Nhưng giữa thanh niên bạch nhật hôm nay, tôi đã tự mình quyết định, hoàn toàn tự do, kể hết mình là người như thế nào dù chỉ là để làm cho lương tâm bớt nặng nề. Tôi đã bắt đầu ngày hôm nay bằng cú điện thoại khác thường cho bà Rosa Cabarcas, đây sẽ là khởi nguồn của một cuộc đời mới ở vào cái tuổi mà phần lớn những người khác đã chết rồi.

Tôi sống trong một căn nhà có từ thời thuộc địa bên phía vỉa hè có ánh mặt trời của công viên San Nicolas, nơi tôi đã trải qua tất cả những ngày sống không có đàn bà và cũng chẳng có tài sản, cũng là nơi bố mẹ tôi đến sống và rồi chết, cũng là nơi mà tôi dự định sẽ chết đơn côi ngay chính trên chiếc giường mà mình đã sinh ra, vào cái ngày mà hy vọng còn xa xăm và không chút gì đau đớn.

Căn nhà này được bố tôi mua công khai từ cuối thế kỷ XIX, tầng trệt được ông cho một công ty của Italia thuê làm cửa hàng bán đồ may mặc cao cấp, còn lầu hai được giữ lại làm chốn ấp ủ hạnh phúc giữa ông và một trong những người con gái của ông bà chủ công ty, công nương Florina de Dios Cargamantos, người diễn tấu xuất sắc các tác phẩm âm nhạc của Mozart, biết nhiều ngoại ngữ và sùng bái Garibaldi (1), cũng là người phụ nữ đẹp nhất và tài năng xuất sắc nhất của thành phố: đó chính là mẹ tôi.

Ngôi nhà rất rộng rãi và sáng sủa với những mái vòm trát vôi vữa và những khoang nền lát gạch men xứ Florencia của Italia, cùng bốn cửa kính hướng ra một bao lơn chung, nơi vào những đêm tháng ba, mẹ tôi thường ngồi hát những khúc tình ca với các chị em họ người Italia. Cũng từ nơi này người ta có thể nhìn thấy công viên San Nicolas, nhà thờ lớn và tượng đài Cristobal Colon, và xa hơn là các khu nhà kho của cảng sông và đường chân trời rộng mở trên con sông lớn Magdalena cách cửa biển chỉ hai mươi dặm. Điều khó chịu duy nhất của căn nhà là ánh nắng cứ lần lượt chiếu rọi qua từng cửa sổ nên buộc phải đóng hết để có thể ngủ trưa trong cái cảnh chập choạng tối oi ả. Khi chỉ còn lại một mình trên thế gian, vào tuổi ba mươi hai, tôi chuyển qua ở phòng của bố mẹ, có cửa thông sang thư phòng và bắt đầu lần lượt bán tất cả những gì thừa để sinh sống, chỉ

trừ các cuốn sách và chiếc dương cầm kiểu cổ.

(1) Garibaldi : chiến sỹ yêu nước Italia (1807- 1882) đã từng chiến đấu chống nước Áo vì sự thống nhất của Italia.

Trong suốt bốn mươi năm ròng, tôi làm nghề thổi hồn cho các bản tin điện của tờ nhật báo El Diario de La Paz, tức là biên tập hoàn chỉnh các bản tin theo văn phong bản địa trên cơ sở những tin tức ở khắp nơi trên thế giới được truyền qua làn sóng ngắn hoặc dưới dạng ký hiệu moóc mà chúng tôi tóm được từ trên khoảng không vũ trụ. Ngày nay, tôi sống thoi thóp được là nhờ chút lương hưu của cái nghề đã bị tuyệt diệt đó; nhờ chút đỉnh thu nhập phụ cấp hưu trí nghề giáo viên dạy môn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha và La Tinh, nhưng hoàn toàn không được phụ cấp hưu trí từ công việc viết không biết mệt mỏi các bài xã luận cho các số báo chủ nhật và lại càng không được xu nào cho biết bao nhiêu bài cổ vũ các nghệ sỹ nổi tiếng được đăng trên các phụ trương âm nhạc và sân khấu. Suốt cả đời, tôi chưa bao giờ làm việc gì khác ngoài chuyện viết lách; nhưng tôi không có nỗi niềm đam mê và năng khiếu của người kể chuyện, lại hoàn toàn mù tịt về các quy luật cấu thành tác phẩm kịch nghệ, và nếu tôi có phiêu du vào công việc này thì chẳng qua cũng chỉ vì quá tin vào biết bao nhiêu thứ mà mình đã học được trong suốt cuộc đời. Nói theo hơi hướng lãng mạn thì tôi là hạng người vô danh tiểu tốt chẳng để lại cho người đời bất cứ thứ gì ngoại trừ những sự việc mà tôi sắp cố gắng kể ra đây trong ký ức về mối tình lớn của mình.

Cũng như mọi lần, cái ngày đánh dấu chín mươi tuổi của tôi được nhớ đến đúng vào lúc năm giờ sáng. Đó là ngày thứ sáu nên công việc phải làm duy nhất của tôi là viết một bài có ký tên sẽ đăng vào số chủ nhật của tờ nhật báo El Diario de La Paz. Sáng sớm đã xuất hiện các triệu chứng báo hiệu một ngày không hạnh phúc: xương cốt trong người tôi đau nhức, hậu môn bỏng rát, và sấm báo bão rền vang sau ba tháng trời khô hạn. Tôi tranh thủ tắm trong khi cà phê đang được chuẩn bị rồi uống một ly pha với mật ong cùng với hai chiếc bánh ngô trắng với trứng, và vận bộ đồ áo liền quần vải mịn vẫn dùng ở nhà.

Đề tài của bài báo ngày hôm đó, đương nhiên là về tuổi chín mươi của tôi. Tôi không bao giờ nghĩ đến tuổi tác như những giọt nước cứ lần lượt từ mái nhà rơi xuống để nhắc ta thời gian còn lại của cuộc đời mình. Hồi còn bé tôi đã nghe nói rằng khi ai đó bị chết, những

con cháu được nuôi trong tóc sẽ hoảng hốt bỏ ra khắp gối để làm nhục gia chủ. Chuyện này làm tôi kinh sợ đến mức phải cạo trọc đầu để đi học và số tóc lởm chởm còn lại tôi còn phải thường xuyên gội bằng loại xà phòng mát hàng dùng tắm cho chó. Thế nên giờ này tôi có thể nói thẳng rằng, từ nhỏ tôi đã có ý thức biết xấu hổ trước mọi người ngoài xã hội hơn là sợ chết.

Từ mấy tháng trước tôi đã có dự định bài viết về ngày sinh của mình không phải là lời than vãn về những năm tháng đã đi qua, mà là điều ngược lại: sự tôn vinh tuổi già. Ngay đầu bài báo tôi đã đặt câu hỏi lúc nào mình đã tự ý thức được đã già và tôi tin là việc này chỉ mới xảy ra mấy hôm trước ngày sinh nhật chín mươi tuổi. Ở tuổi bốn mươi hai, tôi đã phải đi khám cơn đau vai làm ngộp thở. Bác sỹ không cho chuyện này là quan trọng: Đó chỉ là những cơn đau tự nhiên ở tuổi của anh thôi, ông ta nói với tôi.

- Trong trường hợp này – tôi nói với ông ta - điều không tự nhiên chính là tuổi của tôi.

Viên bác sỹ nhìn tôi cười thương hại. Tôi thấy anh là một triết gia, ông ta nói với tôi. Đây là lần đầu tiên tôi nghĩ về tuổi già của mình, nhưng rồi nhanh chóng quên ngay việc này. Tôi quen dần với chuyện mỗi ngày khi thức dậy lại thấy đau mình đau mẩy ở đâu đó trong người và nó cứ lan dần theo tuổi tác. Thỉnh thoảng nó như là một cú đá của thần chết nhưng ngày hôm sau thì như lại tan biến. Vào thời kỳ này tôi nghe nói triệu chứng tuổi già đầu tiên xuất hiện khi người ta bỗng thấy mình giống với bố. Thế thì mình được tuyên án có tuổi thanh xuân vĩnh viễn rồi, lúc đó tôi nghĩ như vậy, bởi vì khi nhìn nghiêng, gương mặt ngựa của tôi chẳng hề có nét gì giống với vẻ mặt thô ráp của cư dân vùng biển Caribê của bố, cũng chẳng giống nét La Mã vương giả của gương mặt mẹ. Sự thật là những thay đổi diễn ra rất chậm chạp nên khó nhận ra và người ta cứ thấy trong cơ thể mình chẳng có gì biến đổi, chỉ có người khác mới có thể cảnh báo được từ việc nhìn bề ngoài.

Từ thập niên thứ năm trở đi, khi xuất hiện những lỗ hổng đầu tiên trong trí nhớ, tôi mới bắt đầu tưởng tượng ra tuổi già. Mò mẫm tìm khắp nhà cặp kính cho đến khi phát hiện ra mình đang đeo trên mặt hoặc vô ý để trong bình tưới cây, hoặc đọc sách mà quên không bỏ kính nhìn xa ra. Có ngày tôi ăn sáng hai lần vì quên là đã điểm tâm một lần trước đó, và tôi cũng học được cách nhận biết những tín hiệu nhắc nhở của bạn bè khi họ không muốn nói thẳng rằng câu chuyện tôi đang kể họ đã từng nghe từ tuần trước một lần rồi. Đến lúc đó, tôi đã sắp sẵn trong trí nhớ một danh sách các gương mặt quen biết

cùng với tên của từng người, nhưng khi gặp mặt, chào nhau thì tôi không thể ghép đúng tên với gương mặt vừa thấy được.

Tôi không bao giờ lo lắng về tình dục của mình, bởi vì sức mạnh không phụ thuộc vào tôi nhiều bằng lệ thuộc vào các nàng, vì chính họ sẽ biết cách thức và lý do khi thèm muốn. Hôm nay tôi cười nhạo những chàng trai mới ở tuổi tám mươi đã sợ hãi hỏi bác sỹ về những thay đổi bất chợt đó mà không biết rằng ở tuổi chín mươi còn tệ hại hơn nữa, dù lúc này chẳng quan trọng gì nữa: đó chỉ là những hiểm nguy khi người ta còn đang sống. Ngược lại, cuộc đời sẽ thắng nếu người già chỉ quên đi những gì không thật hệ trọng và không mấy khi lãng quên những chuyện mà chúng ta thực sự quan tâm.

Ciceron (1) đã minh họa điều này bằng mấy nét bút: Không có người già nào quên được nơi giấu kho báu của mình.

(1) Ciceron : chính khách , nhà tư tưởng và diễn giả nổi tiếng thời La Mã cổ đại, sống từ năm 106 đến 43 trước công nguyên.

Với những suy nghĩ này, và một vài ý tưởng khác, tôi đã viết xong bản thảo đầu tiên của bài báo khi ánh nắng tháng Tám ngập tràn trên hàng cây bàng ở công viên và cả trên con tàu thủy chạy trên sông chở thư tín hú còi inh ỏi đang tiến vào kênh dẫn đến cảng, chậm cả tuần nay vì nước sông xuống thấp. Tôi nghĩ: thế là tuổi chín mươi của mình cũng đã đến. Tôi không bao giờ biết tại sao, và cũng không có ý định tìm hiểu, khi nhớ đến những việc này tôi lại quyết định gọi điện thoại cho bà Rosa Cabarcas nhờ giúp tổ chức lễ sinh nhật bằng một đêm phóng đăng. Tôi đã có những năm tháng giữ gìn thân xác hoàn toàn thánh thiện chỉ lo đọc đi đọc lại các tác phẩm cổ điển và chỉ nghe các chương trình âm nhạc bác học, nhưng ước vọng ngày hôm ấy mãnh liệt và bức xúc đến nỗi tôi cứ tưởng đó chính là điều nhắn gửi của Chúa trời. Sau khi gọi điện thoại, tôi không còn tiếp tục viết được nữa. Tôi treo vớng vào góc tường phòng đọc sách nơi ánh nắng buổi sáng không lọt vào được, và nằm vật xuống, ngực như bị cơn thèm khát chờ đợi bóp nghẹt.

Tôi đã từng là một đứa trẻ nghịch ngợm có một người mẹ đa tài, nhưng bị bệnh lao phổi tiêu diệt ở tuổi năm mươi, có một người bố rất chuộng hình thức, hầu như không mắc lỗi lầm gì và bị chết vào lúc sáng sớm ngay trên giường góa bụa đúng vào ngày người ta ký hiệp ước Neerlandia chấm dứt cuộc chiến tranh “ Một ngàn ngày” và cũng kết thúc biết bao cuộc nội chiến khác trong suốt thế kỷ trước.

Nền hoà bình đã làm đổi thay thành phố theo hướng chẳng ai lường trước và chẳng ai thích thú gì. Một đám đông phụ nữ tự do đam mê làm giàu cho những quán rượu trên phố Ancha, và sau đó là bãi đất Abello và bây giờ là đại lộ Colon, ở chính ngay trong thành phố của tâm hồn tôi, một thành phố rất được coi trọng vì những công dân trong sạch và vì ánh sáng trong suốt của nó.

Tôi không bao giờ ngủ với bất cứ người đàn bà nào mà không trả tiền, kể cả với một số ít vốn không phải là gái chuyên nghiệp thì tôi cũng cố thuyết phục họ, bằng lý hoặc bằng vũ lực, là phải nhận tiền dù chỉ để vứt vào sọt rác. Vào những năm hai mươi tuổi, tôi bắt đầu thống kê ghi chép lại tên họ, tuổi tác, nơi chốn và tóm tắt về hoàn cảnh và phong cách của các cô ấy. Cho đến năm năm mươi tuổi tôi đã ăn nằm với năm trăm mười bốn người phụ nữ ít nhất một lần. Tôi đã ngưng bản liệt kê khi cơ thể mình không còn đủ sức với nhiều người được nữa tuy vẫn có thể tiếp tục việc tính toán mà không cần đến giấy tờ. Tôi có triết lý đạo đức riêng. Tôi không bao giờ tham gia vào các cuộc lễ hội theo nhóm hay các cuộc đàm đạo nơi công cộng, cũng không chia sẻ chuyện kín với ai hoặc kể chuyện phiêu lưu về thân xác hay tâm hồn với bất cứ người nào, bởi vì, từ khi còn trẻ tôi đã nghiệm ra rằng không có cuộc phiêu lưu nào tránh khỏi sự trừng phạt.

Mối quan hệ khác lạ duy nhất là với cô gái Damiana trung thành suốt trong nhiều năm. Thời ấy cô ta như là một bé gái, giống người thổ dân, khoẻ mạnh và có chút gì hoang dại, nói ít nhưng dứt khoát, thường đi chân đất để khỏi làm phiền tôi lúc đang viết lách. Tôi nhớ là lúc đó tôi đang nằm trên vông ở ngoài hành lang đọc Cô gái xứ Andaluz khoẻ mạnh, và vô tình nhìn thấy cô ta đang cúi người xuống giặt quần áo, váy thì ngắn cũn cỡn để lộ phía sau hai đầu gối quá hấp dẫn. Không kìm nổi cuồng nhiệt, tôi sấn đến nhắc cô ta đứng dậy, kéo quần lót xuống đến đầu gối và tấn công cô ấy từ phía sau. Ấy, thưa ông, cô ta nói cùng với tiếng rên buồn bã, không ai người ta làm chuyện kỳ cục thế này. Cô ta run cầm cập nhưng vẫn đứng nguyên chắc chắn. Cảm thấy xấu hổ vì đã làm nhục cô ấy, tôi muốn trả số tiền gấp đôi số phải trả cho những cô đắt giá nhất lúc đó, nhưng cô ta dứt khoát không chịu nhận một xu nào, thế là tôi phải tăng thêm tiền công tháng cho người thường xuyên giặt quần áo và thường xuyên làm ngược như thế.

Có đôi lần tôi nghĩ rằng bản thống kê chuyện chăn gối là phần chính của bản danh mục những điều hèn mọn trong cuộc sống phóng túng của chính mình và cái đầu đề cho cuốn sách này bỗng như từ trên

trời rơi xuống : Hồi ức về những cô gái điểm buồn của tôi. Cuộc sống xã hội của tôi, ngược lại, chẳng có gì thú vị: mồ côi cả cha và mẹ, độc thân không chút tương lai, nhà báo quèn, bốn lần vào đến vòng chung kết trong các cuộc thi chơi hoa ở thành phố Cartagena và là nhân vật rất được các nhà vẽ tranh biếm họa ưa thích nhờ nét xấu trai mẫu mực. Đó cũng chính là: một cuộc đời bị đánh mất ngay từ đầu, khi vào một buổi chiều, mẹ dắt tay tôi, lúc mười chín tuổi, đến toà soạn báo El Diario de La Paz xem người ta có thể đăng được hay không một bài phóng sự về sinh hoạt ở trường học do tôi viết trong lớp học môn tiếng Tây Ban Nha và ngữ văn. Bài đó được đăng vào số báo hôm chủ nhật với vài lời giới thiệu kiểu động viên của ông tổng biên tập. Mấy năm sau, khi biết mẹ tôi đã phải trả tiền cho người ta đăng bài đó và bảy bài tiếp theo, thì cũng đã quá muộn để tôi tự thấy xấu hổ, và lúc này chương mục hàng tuần của chúng tôi cũng tự chấp cánh bay, hơn nữa tôi đã là một biên tập viên tin tức và người viết các bài phê bình về âm nhạc.

Từ khi được nhận bằng tú tài loại giỏi, tôi đã bắt đầu đi dạy môn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha và tiếng La Tinh ở ba trường công một lúc. Tôi là thầy giáo tồi, không được đào tạo, không có đam mê nghề nghiệp và cũng chẳng có chút tình thương nào đối với những đứa bé khốn khổ coi việc đến trường là cách dễ nhất để trốn chạy khỏi sự tàn bạo của bố mẹ. Điều duy nhất mà tôi có thể làm được là vây hãm lũ trẻ con trong nỗi khiếp sợ chiếc thước gỗ khiến tôi thiểu chúng phải nhớ bài thơ mà tôi ưa thích : Fabio ơi, sao đón đau, lúc này trước mắt anh, chỉ còn những cánh đồng đơn côi, ngọn đồi khô héo, vốn đã một thời là xứ Ý rạng rỡ. Mỗi khi đã về già tôi mới vô tình biết rằng bọn học trò đã lên đặt cho tôi biệt hiệu Giáo sư Đồi khô héo.

Đây là tất cả những gì cuộc đời đã dành cho tôi và tôi cũng không làm gì để buộc nó phải cho thêm. Tôi dùng bữa trưa một mình giữa hai giờ lên lớp và sáu giờ chiều thì đến toà soạn báo để săn lùng các tin hiệu từ khoảng không trên trời. Mười một giờ đêm, khi báo đã lên khuôn, mới là lúc bắt đầu cuộc sống thực của tôi. Mỗi tuần lễ tôi qua đêm trong Khu phố người Hoa hai hoặc ba lần với những người đẹp khác nhau, đến mức tôi đã từng hai lần được chọn là khách hàng mẫu mực của năm. Sau khi ăn tối ở quán café Roma gần chỗ làm việc, tôi chọn bất cứ nhà chứa nào và lên lút đi vào bằng cửa sau. Lúc đầu tôi làm việc này theo ý thích nhưng cuối cùng nó lại trở thành một phần của công việc báo chí nhờ vào tính mau mồm mau

miệng của các vị chính khách vốn thường hay thổ lộ bí mật quốc gia cho các người tình một đêm mà không biết rằng ngay sát vách bìa các tông có đôi tai của đại diện báo chí đang đồng lên nghe hết lời của họ. Đương nhiên qua con đường này, tôi cũng đã phát hiện ra rằng thiên hạ đã cho tôi thích sống độc thân là để tối tối được đi hành lạc với trẻ em mồ côi ở phố Tội phạm. Tôi có cái may mắn là quên nhanh chuyện đàm tiếu này, bởi vì tôi cũng đã từng được người ta nói nhiều điều tốt đẹp về mình, và tôi coi trọng mọi điều người ta bàn tán về mình nếu có giá trị.

Tôi không bao giờ có những người bạn lớn, và số ít người gần gũi thì lại ở New York. Nói cách khác: là họ đều đã chết, bởi vì tôi quan niệm New York là nơi mà những linh hồn khốn khổ sẽ đến để khỏi tiêu hóa hết sự thật về cuộc sống nặng nề của mình. Từ khi về hưu, tôi ít việc phải làm ngoại trừ việc cứ chiều chiều thứ sáu hàng tuần phải đến toà báo đưa bài viết cho số chủ nhật, hoặc một vài việc lật vặt khác : các buổi hoà nhạc ở Viện nghệ thuật, các buổi khai mạc triển lãm tranh ở Trung tâm nghệ thuật mà tôi vốn là một thành viên sáng lập, dăm ba buổi nói chuyện về các vấn đề xã hội ở Hiệp hội cải thiện cộng đồng, hoặc là một sự kiện trọng đại nào đó ví như mùa biểu diễn tác phẩm Fabregas ở nhà hát Apollo. Hồi trẻ tôi thường đi xem phim ở các rạp không có mái che, nơi chúng tôi có thể bất ngờ được chiêm ngưỡng cảnh nguyệt thực hoặc bị cảm mạo vì những cơn mưa rào bất chợt. Nhưng cái làm tôi thích thú hơn cả không phải là những cuốn phim mà là những con chim đêm có thể cùng ngủ với mình với cái giá của một vé vào cửa hoặc cho ngủ mà không lấy tiền hoặc cho nợ. Bởi vì điện ảnh không phải là loại hình nghệ thuật của tôi. Sự sùng bái tục tĩu đối với Shirley Temple là giọt nước tràn ly. Những chuyến đi duy nhất của tôi là bốn lần đến Hội chợ hoa ở thành phố Cartagena, trước khi tôi tròn hai mươi tuổi, và một chuyến đi mệt mỏi suốt đêm trên tàu thủy theo lời mời của Sacramento Montiel để dự khai trương hộp đêm của anh ta ở thành phố Santa Marta. Về sinh hoạt gia đình, tôi là người ăn ít và dễ ăn. Khi Damiana già cả không nấu nướng được nữa, thì món ăn thông thường của tôi là trứng tráng với khoai tây ở quán café Roma sau khi báo đã lên khuôn.

Như vậy, là hôm trước ngày sinh nhật thứ chín mươi, tôi không ăn bữa trưa và cũng không thể tập trung tư tưởng cho việc đọc sách mà cứ ngong ngóng chờ tin tức của bà Rosa Cabarcas. Tiếng ve kêu ra rả trong cái nóng oi ả lúc hai giờ chiều và ánh nắng gay gắt lần lượt

chiếu qua các cửa sổ mở toang làm tôi phải thay đổi vị trí chiếc võng ba lần. Tôi luôn cảm thấy sinh nhật của mình là ngày nóng nhất trong năm, và tôi đã học được cách chịu đựng, nhưng ngày hôm đó thì không thể chịu đựng nổi. Lúc bốn giờ chiều, tôi cố làm nguôi ngoai cái nóng bằng sáu bản nhạc dành cho xêlô của Jean Sabastien Bach qua diễn tấu của nhạc sỹ Pablo Casals. Tôi vốn coi các bản này là những tác phẩm âm nhạc uyên bác nhất, nhưng hôm đó thay vì làm cho tôi thư giãn những bản nhạc này lại càng làm mệt mỏi thêm. Tôi ngủ thiếp đi ngay bản nhạc thứ hai mà tôi thấy có vẻ hơi chậm rãi, và trong giấc mơ chập chờn tôi hình dung tiếng đàn xêlô rền rĩ như cảnh chiếc tàu buồn bã ra đi. Và ngay lập tức tiếng chuông điện thoại làm tôi bừng tỉnh, rồi tiếng nói khàn đục của bà Rosa Cabarcas đã trả lại cuộc sống cho tôi. Ông có vận may của thằng ngốc, bà ta nói. Tôi tìm được một ả khá hơn cả điều ông mong muốn, nhưng có một điều nguy hiểm: nó chỉ mới chưa đầy mười bốn tuổi. Tôi không quan tâm đến việc nó vừa thay tã lót, tôi nói đùa tuy chưa hiểu bà ta nói nguy hiểm là vì lý do gì. Không phải tai hoạ đối với ông, bà ta nói, mà ai sẽ chịu trả công cho tôi trong ba năm ngồi tù đây?

Tất nhiên sẽ chẳng ai trả cả, nhất là lại cho bà ta. Người đàn bà này đã thu hoạch những mùa bội thu bằng món hàng độc là thân xác các em gái nhỏ tuổi, dẫn dắt vào nghề và vắt kiệt chúng cho đến khi đẩy sang cuộc sống tàn tạ của những cô gái điểm mặt hạng trong nhà chứa lâu đời của mụ da đen Eufemia. Không bao giờ bà ta phải trả một xu tiền phạt nào, bởi vì sân vườn của bà ta là miền khoáng lạc (1) của quan chức địa phương từ viên tỉnh trưởng đến nhân viên quèn của toà thị chính, và chẳng có gì là khó hiểu nếu biết rằng bà chủ có đủ mọi quyền năng để được phạm tội thỏa thích. Về thận trọng vào giờ chót của bà ta chẳng qua chỉ là cách moi thêm tiền của khách, vì việc làm dễ bị trừng phạt bao nhiêu thì càng phải trả tiền cao hơn bấy nhiêu. Mức độ nguy hiểm của dịch vụ đã được ngã giá tăng thêm hai đồng peso nữa, và chúng tôi thỏa thuận với nhau là tôi sẽ đến nhà bà ta vào lúc mười giờ đêm với năm đồng peso tiền mặt đặt cọc trước. Không thể sớm hơn một phút vì đứa bé gái còn phải cho các em ăn, ngủ và đưa bà mẹ bị thấp khớp liệt chân tay lên giường ngủ xong đã.

(1) Nguyên văn : xứ Arcadia - một vùng quê của Hi Lạp mà các nhà thơ cổ biến thành xứ sở của thơ ngây và hạnh phúc.

Còn bốn giờ nữa. Thời gian trôi đi thì tim tôi lại càng hồi hộp đến ngộp thở. Tôi cố công vô ích làm thời gian trôi chậm lại bằng việc kéo dài chuyện ăn vận quần áo. Tất nhiên chẳng có đồ gì mới cả vì chính Damiana còn nói tôi ăn vận như vị cha cố. Tôi dùng dao cạo lại bộ râu, rồi phải chờ cho nước bị nắng hâm nóng trong hệ thống ống nước ngoài trời nguội đi mới vào tắm được. Chỉ có việc cố dùng khăn lau khô người cũng đã lại làm tôi toát mồ hôi. Tôi chọn mặc quần áo phù hợp với cuộc phiêu lưu buổi tối: bộ veston bằng vải lanh màu trắng, áo sơ mi sọc xanh cổ cồn và cravat bằng lụa Trung Hoa, đôi giày có thêm gót bằng kẽm và chiếc đồng hồ mạ vàng có dây đeo bằng kim loại gắn vào ve áo. Cuối cùng tôi phải gấp hai ống quần vào phía trong để mọi người không nhận ra là chân tôi co lại cả một gang tay.

Tôi nổi tiếng là người tàn tiện bởi vì không ai có thể hình dung ra khu vực nơi tôi đang cư ngụ lại có người nghèo nàn đến thế, nhưng sự thật là một đêm vui chơi như hôm nay quả đã vượt rất xa tiềm lực của tôi. Tôi móc hai đồng peso trong học tử giấu ở dưới giường để thuê phòng, bốn đồng cho bà chủ, ba đồng cho đứa bé gái và năm đồng dự trữ cho bữa ăn tối và một vài chi phí nhỏ nhặt khác. Tức là, mười bốn đồng mà toà báo trả cho những bài báo đăng trên phụ trương chủ nhật của cả tháng. Tôi giấu số tiền sau dây lưng rồi xức dầu thơm của hãng Lanman & Kemp-Barclay & Co. Tôi bỗng cảm thấy tim như thắt lại vì nỗi lo lắng và khi chuông đồng hồ điểm tám tiếng, tôi dò dẫm đi xuống cầu thang mờ tối, toát mồ hôi vì lo, và ra khỏi nhà, lao vào ánh sáng của đêm trước ngày sinh của chính mình. Trời mát mẻ. Những nhóm toàn đàn ông đang gào thét bình luận về bóng đá trên phố đi bộ Colon, giữa những chiếc xe taxi đang chờ khách ở giữa đường lát gạch. Một đội kèn đồng đang chơi những bài valse nhẹ nhàng dưới hàng cây đầy hoa. Một cô điểm nghèo đang đón khách trên đường Los Notarios xin tôi thuốc lá như mọi lần, và tôi trả lời: Tôi đã bỏ thuốc lá cho đến hôm nay là ba mươi ba năm, hai tháng và mười bảy ngày rồi. Khi đi ngang qua cửa hàng Vàng, tôi nhìn vào những khung kính rực rỡ và thấy rõ cái mà tôi không cảm thấy được là mình đã già khụ và ăn mặc thì quá tệ.

Gần đến mười giờ, tôi lên xe taxi và yêu cầu tài xế đưa tôi đến nghĩa trang Hoàn Cầu để anh ta không biết tôi sẽ đi đâu. Anh ta vui vẻ nhìn tôi qua kính chiếu hậu và nói: Đừng làm tôi giật mình kiểu đó, thưa ngài thông thái, cầu Chúa cho tôi cũng được sống như ngài. Chúng tôi cùng xuống trước nghĩa trang và vì anh ta không có tiền lẻ thối lại nên chúng tôi phải đổi ở một cửa hàng ăn của thổ dân, nơi vào các

buổi sáng sớm những kẻ say rượu bết nhè thường khóc thương những người đã chết. Khi tính tiền xong, tay lái xe nghiêm nghị nói với tôi: Ngài phải cẩn thận đấy nhé, vì bây giờ nhà của bà Rosa Cabarcas không được bảo kê như ngày xưa đâu. Tôi chỉ còn biết cảm ơn anh ta, và cũng như tất cả mọi người, tôi hoàn toàn tin chắc rằng không có một bí mật nào dưới bầu trời này mà cánh lái xe taxi ở phố đi bộ Colon không tỏ tường.

Tôi đi vào khu phố nghèo chẳng còn giống tý gì nơi trước đây tôi đã từng quen thuộc. Vẫn là những đường phố rộng đầy cát bỏng với những ngôi nhà cửa rộng mở, những bức tường bằng gỗ thô mộc, mái bằng lá cọ và những sân vườn đầy đá sỏi. Nhưng cư dân thì không còn được yên tĩnh nữa. Ở phần lớn các nhà đều có những đám khiêu vũ ngày thứ sáu âm ỹ từ trong ra ngoài. Với năm mươi xu, ai cũng có thể mua vé vào đám khiêu vũ mà mình thích nhất, nhưng cũng có thể lên theo ai đó vào nhảy cùng. Trong bộ đồ quái dị, vừa đi tôi vừa muốn chui xuống đất, nhưng không có ai để ý đến tôi, trừ một tay người lai da nâu gầy còm đang ngồi ngái ngủ trên bậc cửa nhà hàng xóm.

- Vĩnh biệt ngài tiến sỹ - hân ta thành thật hét to với tôi. – chúc hạnh phúc trong cát bụi nhé.

Còn có thể làm gì hơn là cảm ơn anh ta? Tôi phải dừng lại ba lần để lấy hơi mới lên được cái dốc cuối cùng. Từ đó có thể nhìn thấy mặt trăng to như chiếc đĩa bằng đồng đang chiếu sáng từ chân trời, và một cơn đau bụng bất thường khiến tôi lo lắng cho số phận của mình, nhưng cuối cùng thì cũng qua khỏi. Cuối con đường nơi khu phố chìm trong khu vườn cây ăn trái, tôi đi vào tiệm của bà Rosa Cabarcas.

Hình như nó không còn như trước. Hồi xưa nó vốn là nhà chứa kín đáo nhất và cũng nổi tiếng nhất. Một người đàn bà to béo mà chúng tôi phong là thượng sĩ chữa cháy, không chỉ vì to xác mà còn vì tính hiệu quả trong việc dập tắt rất nhanh ngọn lửa trong lòng đám khách hàng. Nhưng nổi cô đơn đã làm héo mòn thân xác bà ta, làm da nhăn nheo và làm cho giọng nói sắc gọn hơn như tiếng của đứa bé già cả. Người đàn bà trước đây chỉ còn giữ lại được hàm răng chắc khỏe, duy nhất có một chiếc được bọc vàng để làm duyên. Bà ta vẫn để tang người chồng bị chết lúc mới có năm mươi tuổi đời tầm thường, và rồi phải đeo tang thêm một lần nữa cho người con trai duy nhất. Bà ta chỉ còn ánh mắt sáng, sống động, nhưng đầy vẻ độc ác và, nhìn qua ánh mắt ấy, tôi nghiệm ra rằng tính khí bà ta không hề thay đổi.

Tiệm chỉ có một đèn sáng nhạt hắt từ trên trần xuống và trong các tủ không hề bày bán bất cứ thứ gì dù chỉ là để làm bình phong cho thứ dịch vụ không được rao to mà ai cũng biết. Rosa Cabarcas đang sắp xếp phòng cho một khách hàng khi tôi rón rén đi vào. Tôi không biết là thực sự bà ta không nhận ra mình hay giả vờ như thế để giữ đúng thủ tục. Tôi ngồi xuống ghế chờ bà ta làm xong việc và cố dựng lại trong ký ức hình ảnh người đàn bà này trước đây. Hơn hai lần, khi chúng tôi còn khỏe mạnh, bà ta đã từng kéo tôi ra khỏi cơn hoảng sợ. Tôi tin là bà ta đã đọc được ý nghĩ của tôi nên quay lại nháy mắt với tôi. Thời gian như không đi qua người đàn ông, bà ta buồn bã thờ dài. Tôi muốn nịnh khéo bà ta : Với bà thì có đấy, nhưng lại làm bà trẻ lại. Nói thật nhé, bà ta nói, cái mặt ngựa chết của ông cũng đã sống lại rồi đấy. Có lẽ là vì tôi thay đổi chỗ ăn cũng nên, tôi nói đùa với bà ta. Bà ấy tỏ ra phẩn chấn. Nếu tôi nhớ đúng thì ông đã từng có phụ nữ hầu hạ đầu tắt mặt tối, bà ta nói với tôi. Thế cô ta thế nào rồi? Tôi cố tình lảng tránh. Kể từ khi chúng ta không gặp nhau, điểm khác duy nhất là thỉnh thoảng tôi thấy nóng đít. Bà ta có ngay lời chẩn đoán: Vì ít dùng đến đấy mà. Tôi chỉ dùng nó như Chúa đã tạo ra mà thôi, tôi nói với bà ta, nhưng đúng là trước đây tôi thấy nóng cháy ở đó, và luôn luôn vào những ngày trăng tròn. Rosa tìm trong hòm kim chỉ và lấy ra một lọ dầu màu xanh có mùi dầu xoa bóp làm từ cây kim sa. Ông bảo con bé dùng ngón tay bôi dầu này cho ông, bà ta vừa nói vừa xoay xoay ngón tay trở một cách thành thạo. Tôi đáp lại là nhờ Đức Chúa tôi vẫn còn đủ khả năng tự bảo vệ được mình, không cần bôi cái thứ vớ vẩn đó. Bà ta chế nhạo: Ái chà, thưa thầy, xin tha mạng sống cho con. Thôi tùy ông.

Con bé ở trong phòng từ lúc mười giờ, bà ta nói với tôi; nó đẹp, sạch sẽ và ngoan nhưng đang sợ chết khiếp, bởi vì con bạn gái của nó trốn đi cùng một tay bốc vác ở Gayra đã chảy máu suốt hai giờ liền. Nhưng, bà Rosa thừa nhận, người ta phải hiểu rằng bọn người ở Gayra có tiếng là thô bạo. Rồi bà ta nói tiếp: Tội nghiệp con bé, nó phải làm việc đơm cúc suốt ngày ở nhà máy. Tôi thấy việc này đâu có gì nặng nhọc. Đàn ông cứ nghĩ vậy, bà ta đáp lại, nhưng việc này còn nặng nhọc hơn đeo đá nữa đấy. Ngoài ra bà ta còn thú nhận đã cho con bé uống một hợp chất đồng với kim loại pha và rễ cây nữ lang và giờ này nó đang ngủ say. Tôi sợ bà ta kể những chuyện thương tâm đó như một mảnh để nâng giá, nhưng không phải như vậy, bà ta nói, lời của tôi là lời vàng. Với một quy tắc bất di bất dịch : việc gì thêm là phải trả thêm tiền, tiền mặt trả trước. Và đúng như

thế.

Tôi đi theo bà ta qua khu vườn, mà lòng thấy xót xa cho nước da khô héo và kiêu đi khó nhọc với đôi chân sưng phồng trong đôi tất bằng bông thô của bà ấy. Mặt trăng rằm đã lên cao giữa bầu trời và thế giới như chìm đắm trong biển nước xanh. Bên cạnh tiệm có một căn nhà mái lợp bằng lá cọ dùng cho các buổi lễ hội của giới công chức, có nhiều ghế bằng da và võng treo trên cọc. Cuối vườn nơi bắt đầu rừng cây ăn quả có một dãy sáu căn phòng ngủ xây bằng gạch không nung, các cửa sổ có lưới chắn muỗi. Phòng duy nhất có người ở chìm trong ánh đèn mờ và vọng tiếng hát của Tona, cô gái da đen đang hát bài ca thất tình qua đài phát thanh. Rosa Cabarcas thở mạnh: Điều hát bolero chính là cuộc sống. Tôi đồng ý với bà ta, nhưng cho đến tận bây giờ tôi vẫn chưa dám viết ca từ cho loại nhạc bolero. Bà ta đẩy cửa, vào trong phòng một lát rồi quay trở ra. Con bé vẫn ngủ say, bà ta nói. Có lẽ nên để cho nó nghỉ ngơi tất cả thời gian mà cơ thể yêu cầu, đêm của ông sẽ dài hơn đêm của con bé nữa đấy. Tôi bực bội: Thế bà bảo tôi cần phải làm gì nào? Ông tự biết, bà ta nói với giọng hồ hởi không đúng chỗ, dù gì chẳng nữa ông cũng là người thông thái mà. Bà ta xoay người và để tôi đứng một mình với nỗi bất an trong lòng.

Không còn đường thoái lui. Tôi bước vào phòng với trái tim vỡ tung, và thấy bé gái đang ngủ, trần trụi trên chiếc giường rộng mênh mông như khi mới được sinh ra. Nó nằm hơi nghiêng mặt quay ra phía cửa, toàn thân được ngọn đèn sáng chói từ trên trần chiếu thẳng xuống lộ rõ mọi chi tiết. Tôi ngồi xuống mép giường chiêm ngưỡng bằng cả năm giác quan. Nó có nước da nâu và nóng ẩm. Người ta đã buộc nó theo chế độ vệ sinh và làm đẹp cẩn thận đến từng lông tơ của mu âm hộ. Họ đã uốn tóc và bôi sơn tự nhiên cho móng tay và móng chân của nó, nhưng làn da bánh mật vẫn còn thô ráp và không hề được chăm chút. Cặp vú mới nhú như của đứa bé trai nhưng đã thấy ẩn chứa năng lượng bí ẩn sắp nổ bung ra. Nét xuất sắc nhất trên thân thể của nó chính là đôi chân to với những ngón dài và thuần như ngón tay. Toàn thân ướt đầm mồ hôi lóng lánh mặc dù trong phòng có quạt máy, và trời càng về khuya càng nóng hầm hập. Không thể nào tưởng tượng được gương mặt của bé gái này ra sao sau lớp phấn phết dày, dưới lớp bột gạo quét đầy hai má, cặp lông mi giả, lông mày và mí mắt như bị hun khói đen và cặp môi được làm to thêm bằng kẹo sô-cô-la. Nhưng tất cả không thể làm sai lệch được đặc tính của nó: mũi cao, lông mày chụm, đôi môi mọng chín. Tôi nghĩ: Đúng là con bò cái tơ hiền lành.

Mười một giờ, tôi làm các thủ tục thường ngày ở trong buồng vệ sinh nơi y phục của cô bé nghèo được vất rất cẩn thận như của người giàu có trên một chiếc ghế: bộ đồ in hoa bướm, một quần lót màu vàng rách và đôi dép bằng sợi cây xương rồng. Trên mớ y phục để chiếc vòng đeo tay loại bán hạ giá và một dây chuyền mảnh mai đeo tấm huy hiệu ảnh Đức Mẹ đồng trinh. Trên nắp lavabo có chiếc ví đựng bút tô môi, thỏi son, một chìa khoá và mấy đồng bạc lẻ. Tất cả đều rẻ tiền và cũ kỹ khiến tôi phải tưởng tượng xem còn có ai nghèo như cô bé này không.

Tôi cởi quần áo và treo thật cẩn thận trên từng mắc áo để khỏi nhàu chiếc áo sơ mi bằng lụa và mắt nẹp bộ veston. Tôi đi tiểu vào bồn cầu, ngồi đúng cách mà ngày bé mẹ Florina de Dios đã dạy để không ướt gố lót, và dù hết sức khiêm tốn, tôi cũng phải nói rằng dòng nước chảy vẫn ào ào và liên tục như của chú ngựa hoang vậy. Trước khi rời khỏi buồng, tôi còn quay lại nhìn trong gương. Con ngựa nhìn tôi qua gương không phải có nét của kẻ bị chết mà đầy nét buồn thảm, và có cả cái cảm như của Đức Giáo hoàng, đôi mi mắt sưng húp, bờm lụa thừa mà tôi coi là biểu tượng nhạc sỹ của mình.

- Đồ cúrt đái – tôi nói với con bé – ta biết làm gì nếu em không yêu ta?

Cổ không đánh thức con bé dậy, tôi ngồi trần như nhộng ngay mép giường và với cặp mắt vốn đã quá quen với ánh sáng ảo màu đỏ, tôi xem xét từng ly từng tý thân thể nó. Tôi dùng lòng ngón tay trở lướt nhẹ dọc gáy đầm mồ hôi của con bé và toàn thân nó rung lên như dây đàn. Nó nằm quay lại, miệng rên ậm ừ và bao bọc tôi trong bầu không khí đầy hơi thở chua chua của nó. Tôi dùng ngón trở và ngón cái bóp mũi nó, toàn thân nó lại run lên, nghiêng đầu và quay lưng lại phía tôi mà không hề tỉnh ngủ. Bất chợt, tôi cố dùng đầu gối đẩy hai chân cô bé ra xa nhau. Trong hai lần đầu, cô bé gồng cơ bắp của mình, nhưng rồi cô bé như hơi chùng xuống. Một dòng nước ấm chảy râm ran trong huyết mạch của tôi và con thú hươu trí trong người tôi từ từ bừng tỉnh dậy sau giấc ngủ dài.

Delgadina, tâm hồn của tôi ơi, tôi thiết tha cầu khẩn cô ta. Nàng Delgadina. Cô bé cất tiếng rên sâu thẳm, vượt khỏi cặp đùi của tôi, quay lưng lại và cuộn người như con ốc thu mình trong vỏ. Hợp chất đồng và kim loại pha với rễ cây nữ lang có lẽ đã tác dụng với tôi cũng như với cô bé, bởi vì đã chẳng có gì xảy ra với cô bé và với bất cứ ai. Nhưng tôi thấy việc ấy chẳng có gì quan trọng cả. Tôi tự hỏi đánh thức cô bé dậy làm gì khi bản thân mình cảm thấy nhọc nhã, buồn bã, và nhất là quá lạnh lẽo.

Tôi nghe tiếng chuông điểm rõ ràng vào lúc mười hai giờ đêm, thế là bắt đầu sáng sớm ngày 29 tháng Tám, ngày Khổ hạnh của Thánh Juan Bautista. Ai đó khóc to ngoài đường phố nhưng chẳng ai để ý đến hẳn. Tôi cầu nguyện cho hắn, nếu như hắn cần, và cầu nguyện cho chính mình để tạ ơn những gì mình đã nhận được: Đừng ai tự lừa dối mình, đừng nghĩ rằng điều ta chờ đợi sẽ kéo dài hơn những gì ta thấy. Bé gái rên rỉ trong giấc mơ, và tôi cũng cầu nguyện cho nó: Rằng mọi sự sẽ diễn ra như cách nó phải xảy ra. Sau đó tôi tắt radio và đèn để đi ngủ.

Sáng sớm tôi tỉnh dậy mà vẫn chưa nhớ là mình đang ở đâu. Bé gái vẫn ngủ say, quay lưng về phía tôi trong tư thế bào thai trong bụng mẹ. Tôi có cảm giác mơ hồ là trong đêm qua hình như cô bé đã trở dậy trong bóng tối và mình có nghe thấy tiếng nước chảy ào trong buồng tắm, nhưng đó cũng có thể chỉ là giấc mơ. Đây là chuyện mới đối với tôi. Tôi không biết các mẹo quyến rũ đàn bà, và thường chỉ biết chọn người yêu một đêm một cách tình cờ theo biểu giá hơn là theo sự hấp dẫn, và chúng tôi làm tình không chút tình yêu, nhiều lần chưa cởi bỏ hết xiêm y, và luôn luôn trong bóng tối để tưởng tượng mình khá hơn. Tối hôm đó tôi phát hiện ra niềm thích thú thực sự khi ngắm nhìn thân thể người phụ nữ ngủ say mà không bị áp lực của dục vọng hay bối rối vì ngưng ngừng.

Tôi trở dậy vào lúc năm giờ sáng, lo lắng vì phải giao bài báo chủ nhật cho toà soạn trước mười hai giờ trưa. Tôi làm vệ sinh thường nhật vẫn với nỗi đau bỏng rát của tuổi dậy thì, và khi giặt nước xả tôi cảm thấy bao nỗi hận thù trước đây của mình đều bị cuốn vào cống hết. Khi cảm thấy sảng khoái và đã ăn vận chỉnh tề xong, tôi quay lại phòng ngủ thì bé gái vẫn nằm ngửa ngủ say dưới ánh sáng dịu dàng của buổi sớm mai chiếu xuyên qua giường, hai cánh tay rộng mở bắt chéo nhau và vẫn hoàn toàn làm chủ trình tiết của mình. Tất cả tiền bạc còn lại, của tôi và của nó, tôi để cả trên gối và tôi vĩnh biệt mãi mãi bé gái bằng một nụ hôn trên trán. Vào buổi sáng sớm, căn nhà, cũng như mọi hộp đêm khác, gần với thiên đường hơn cả. Tôi rời khỏi nơi đó bằng cửa sau vườn nhưng không gặp ai. Dưới ánh nắng chói chang ngoài phố, tôi bắt đầu cảm thấy sức nặng của chín mươi năm đè lên mình, và bắt đầu đếm từng phút một số phút giây ban đêm còn lại để đến với cái chết.

Hồi ức về những cô gái điểm buồn của tôi

Dịch giả : LÊ XUÂN QUỲNH
Nobel Văn học 1982
Chương 2

Tôi viết những dòng hồi ức này trong thư phòng bé nhỏ mà bố tôi để lại với những vách tủ đựng sách đang bị mục rỗng vì sự nhần nại của bảy mối mọt. Nhưng dù sao đi nữa, để làm nốt những công việc còn lại trên thế gian này tôi vẫn còn đủ các loại từ điển, cùng hai loại tiểu thuyết đầu tiên trong bộ Những sự kiện lịch sử quốc gia của Benito Perez Galdos, và với Núi thần của Thomas Mann vốn từng dạy tôi hiểu tính hài hước của người mẹ đã mất vì bệnh lao phổi.

Khác với các loại đồ đạc khác và khác hẳn cả bản thân tôi, chiếc bàn mà tôi đang viết hình như ngày càng khỏe mạnh hơn bởi vì nó được ông nội tôi, vốn là thợ mộc trên tàu thủy, làm ra bằng các loại gỗ quý. Kể cả khi không cần viết lách gì, sáng nào tôi cũng sắp xếp lại bàn làm việc vì tôi là một người kỹ tính đến mức đã bỏ mất bao cơ hội tình yêu. Ngang tầm với tay, bao giờ tôi cũng để các cuốn sách tòng phạm với mình trong tội viết lách: đó là hai tập Từ điển có minh họa đầu tiên của Viện Hàn lâm Hoàng gia in năm 1903; cuốn Kho báu của ngôn ngữ Tây Ban Nha của Don Sebastian de Covarrubias; cuốn Ngữ pháp của Don Andres Bello, và để giải đáp những thắc mắc về ngữ nghĩa vẫn thường xảy ra, tôi có cuốn Từ điển tư tưởng rất mới mẻ của Don Julio Casares, và đặc biệt là để tìm những từ đồng nghĩa và phản nghĩa có cuốn Từ vựng của ngôn ngữ Italia của Nicola Zingarelli, để luôn giúp tôi nhớ ngôn ngữ của mẹ mà tôi đã học từ khi còn nằm trong nôi, và cuốn Từ điển tiếng La Tinh vốn là mẹ của hai ngôn ngữ kia nên tôi coi như tiếng mẹ đẻ của mình.

Ở bên trái bàn viết của tôi luôn để năm tờ giấy khổ lớn để viết các bài báo chủ nhật, và chiếc cốc bằng sứ đựng phần thơm mà tôi thích hơn chiếc túi bằng giấy khô hiện đại. Ở bên phải, có ống mực và ống đựng chiếc bút mạ vàng bởi vì đến lúc này tôi vẫn dùng bút thường viết theo lối chữ La Mã do mẹ Florina de Dios dạy cho chứ không viết theo chữ nắn nót chính thức của chồng bà vốn là một công chứng viên và một kế toán tận tụy đến hơi thở cuối cùng. Từ lâu tòa soạn báo đã bắt chúng tôi phải viết bằng máy đánh chữ để dễ tính khoảng trống trên báo và dễ sửa bản kẽm, nhưng tôi không bao giờ bỏ được thói xấu viết tay rồi sau đó mới cặm cụi gõ cò trên máy. Tôi được

hưởng thứ đặc quyền chẳng hay ho gì này vì là nhân viên lâu năm nhất ở tòa báo. Ngày hôm nay, tuy đã hưu trí nhưng chưa hề thất bại, tôi vẫn hưởng đặc quyền thiêng liêng được viết ở tại nhà, với ống điện thoại để ngoài để không bị ai quấy rầy, và nhất là không bị ai đứng đằng sau lưng nhòm ngó, kiểm duyệt những gì mình đang viết.

Tôi sống không chó, không chim, không người giúp việc ngoại trừ bà Damiana trung thành luôn giải thoát cho tôi những chuyện rắc rối ít ngờ tới và mỗi tuần vẫn đến nhà tôi một lần xem có việc gì phải làm không, mặc dù mắt của bà ta đã kém nhưng trí não thì còn rất sâu sắc. Khi nằm trên giường chờ chết, mẹ còn nhắc tôi phải lấy vợ sớm với một người phụ nữ da trắng, và rằng chúng tôi phải có ít nhất ba đứa con, trong đó phải có một đứa bé gái mang tên của mẹ như mẹ đã từng mang tên của mẹ và bà ngoại mình. Tôi vẫn thường xuyên nhớ lời mẹ dặn, nhưng lại có ý niệm rất mềm dẻo linh hoạt về tuổi trẻ nên cứ tự cho là không bao giờ muộn trong việc lấy vợ. Cho đến một buổi trưa nóng nực tôi đi nhằm cửa phòng trong căn nhà mà gia đình Palomares de Castro có ở bãi biển Pradomar, và bất ngờ thấy Ximena Ortiz, cô con gái út của họ đang nằm lỏa thể ngủ trưa trong phòng. Cô ta nằm nghiêng quay lưng ra phía cửa nhưng bỗng quay đầu nhìn qua vai nhanh đến mức tôi không kịp trốn chạy. Chà chà, xin lỗi nhé, tôi chỉ kịp thật thà nói câu đó. Cô ta mỉm cười, quay hẳn người về phía tôi nhanh như loài hoẵng và phơi bày hết toàn thân. Không gian thật thân mật. Không hoàn toàn chỉ có da thịt mà trên vành tai cô cài một bông hoa độc nhiều cánh màu vàng như nàng Olimpia trong tranh của Manet và đeo vòng vàng ở cổ tay phải và một chuỗi vòng cổ bằng các hạt ngọc nhỏ. Tôi chưa từng tưởng tượng mình lại có thể được thấy một điều gì làm bối rối đến như vậy trong những năm tháng còn lại của cuộc đời, và ngày hôm nay tôi có thể khẳng định là lúc đó mình đã có lý.

Tôi đóng mạnh cửa ra vào, xấu hổ vì sự vụng về của bản thân và cố quên đi sự việc này. Nhưng Ximena Ortiz lại ngăn cản tôi làm việc đó. Nàng liên tục gửi các lời nhắn qua các bạn gái chung của hai người, những bức thư khiêu khích, những lời đe dọa dã man, trong khi tin đồn chúng tôi yêu nhau phát điên dù chưa thổ lộ ra thì đã lan truyền khắp nơi. Không thể chịu nổi. Nàng có đôi mắt của mèo hoang, một thân hình bốc lửa dù mặc quần áo hay không và một mái tóc dày màu vàng óng với lối búi tóc kiểu đàn bà làm tôi khóc vì tức

giận trên gối. Vẫn biết không bao giờ dẫn đến tình yêu, nhưng sự hấp dẫn quý quái của nàng đối với tôi thật nồng cháy đến mức tôi phải tìm cách giảm nhiệt bằng việc tiếp xúc với những người đàn bà mắt xanh tầm thường khác. Tôi không bao giờ dập tắt được ngọn lửa kỷ niệm về nàng khi nằm trên giường ở Pradomar, và thế là tôi phải hạ vũ khí, chính thức xin cầu hôn, trao nhẫn cưới và công bố ngày tổ chức đám cưới thật to trước lễ Pentecôte (1).

Tin này làm bùng nổ mạnh hơn ở Khu phố người Hoa so với ở các câu lạc bộ. Lúc đầu người ta trêu đùa nhưng sau đó trở thành quan điểm đối lập với mọi quan niệm hàn lâm vì nó coi hôn nhân là một trạng thái khô hài hơn là một việc thiêng liêng. Giai đoạn yêu đương của hai chúng tôi cũng diễn ra đúng nghi thức của nền đạo đức Gia tô giáo trên sân thượng treo đầy hoa phong lan rừng xứ Amadôn và cây dương xỉ. Tôi thường đến vào lúc bảy giờ tối với bộ veston lạnh màu trắng, và tất nhiên với một món quà là đồ thủ công hoặc kẹo sô-cô-la Thụy Sĩ, rồi nói chuyện nửa mặt khẩu nửa thật đến mười giờ dưới sự giám sát của bà cô Argenida luôn ngủ gà ngủ gật ngay từ cái nháy mắt đầu tiên như trong các tiểu thuyết thời thượng.

(1) Pentecôte : lễ hạ trần – theo Gia tô giáo; lễ năm mươi ngày sau lễ Vượt qua – theo đạo Do Thái.

Chúng tôi càng biết kỹ về nhau thì Ximena càng trở nên háu trai, cuồng nhiệt, nàng luôn cởi bớt áo lót và váy trong cho nhẹ người nhất là khi gió nóng tháng Sáu thổi về, và cũng dễ mừng tượng sức tàn phá của nàng khi chúng tôi đứng trong bóng tối. Hai tháng sau khi yêu nhau, chúng tôi không còn chuyện gì để nói, nàng đề xuất ra đề tài con cái chỉ bằng cách đan các đôi giày nhỏ bằng len cho trẻ sơ sinh. Tôi, người yêu tinh tế, cũng học đan cùng nàng và thế là chúng tôi trải qua những giờ phút vô tích sự trước lễ cưới, tôi thì đan các đôi giày be bé bằng len màu xanh cho con trai còn nàng thì đan len màu hồng cho con gái rồi thách đố xem ai sẽ đúng, cứ thế cho đến khi đủ cho hơn nửa trăm đứa con. Trước khi đồng hồ điểm mười giờ tôi lên xe ngựa rồi đi thẳng đến khu phố người Hoa để qua đêm trong sự yên bình của Chúa.

Lễ hội tiễn đưa tuổi độc thân của tôi được diễn ra ở khu phố người

Hoa sôi nổi hơn nhiều so với cũng lễ ấy cũng nhắc ở Câu lạc bộ. Sự đối lập đã giúp tôi biết được trong hai thế giới trên thực tế đâu là thế giới mình, nhưng tôi vẫn nuôi ảo tưởng rằng cả hai thế giới ấy đều là của mình tùy theo thời khắc cụ thể, bởi vì từ bất cứ thế giới nào tôi cũng thấy, trong tiếng thở dài xa dần thế giới kia như hai con tàu gặp nhau rồi xa nhau ngoài biển khơi. Buổi chiều vũ đêm trước ngày hợp hôn trong nhà thờ “Dưới quyền năng của Chúa” gồm cả một nghi lễ cuối cùng dưới sự điều khiển của cha cố người xứ Galaxia rất lúng túng trong chuyện thông tục này. Ông ta bắt tất cả đàn bà con gái phải mang khăn che mặt và vòng hoa bướm để thành hôn với tôi trong lễ thánh hóa hoàn vũ. Đó là một đêm nhiều chuyện phạm thánh thần vì có đến hai mươi một trong số các cô có mặt đã hứa yêu và luôn vâng lời tôi còn tôi đền đáp lại cho họ bằng niềm hạnh phúc và sự nuôi dưỡng cả sau khi đã xuống mồ.

Tôi không ngủ được vì điềm báo sẽ có chuyện vô phương cứu chữa. Từ sáng sớm tôi bắt đầu đếm từng bước thời gian của chiếc đồng hồ ở nhà thờ lớn, cho đến khi nó điểm bảy tiếng chuông đáng sợ là lúc tôi phải có mặt ở nhà thờ. Tiếng chuông điện thoại bắt đầu vang lên từ lúc tám giờ sáng, kéo dài và lỳ lợm, khẩn thiết suốt cả tiếng đồng hồ. Không những không trả lời mà tôi còn không dám thở lớn. Mấy phút trước lúc mười giờ, bắt đầu có tiếng gọi cửa, lúc đầu là bằng nắm đấm, rồi sau đó bằng tiếng kêu của những giọng người quen và đáng ghét. Tôi sợ là cửa sẽ bị đổ sập vì một tai nạn nghiêm trọng nào đó bất chợt xảy ra, nhưng khoảng mười một giờ thì căn nhà trở lại bầu không khí im lặng rộn tóc gáy thường có xảy ra sau những tai họa lớn. Lúc ấy tôi mới khóc thương nàng và thương mình rồi thành tâm cầu nguyện đừng bao giờ gặp lại nàng trong suốt những ngày còn lại của đời mình. Có lẽ một vị thánh nào đó đã nghe nửa chừng lời nguyện cầu của tôi nên ngay trong đêm đó Ximena Ortiz đã bỏ đi nước ngoài và mãi mãi hai mươi năm sau mới trở về nước, có chồng môn đăng hộ đối và bảy đứa con mà đáng ra phải là con của tôi.

Sau chuyện đáng sỉ nhục đó, tôi phải vất vả lắm mới giữ được chỗ làm việc và chuyên mục thường xuyên trên tờ Diario de La Paz. Nhưng chuyên mục của tôi bị đẩy xuống tận trang mười một chẳng phải vì do đó, mà chính là vì lúc này thế kỷ XX đang ập đến đầy khí thế mạnh mẽ. Những bước tiến bộ đã trở thành huyền thoại trong thành phố. Tất cả đều thay đổi; những chiếc máy bay bắt đầu bay trên trời và một doanh nhân nọ từ trên một chuyến bay của chiếc phi

cơ Junker đã quăng một bao chở đầy thư tín xuống đất để sáng tạo ra nghề bưu chính hàng không.

Điều duy nhất còn y nguyên là những bài của tôi đăng trên báo. Những thế hệ mới công kích kịch liệt những bài đó, coi như một thứ xác ướp của quá khứ cần chôn vùi, nhưng tôi vẫn duy trì chúng với cùng giọng điệu, không chút nhân nhượng, không chút nhân nhượng, chống lại bầu không khí. Tôi hoàn toàn điếc với tất cả. Lúc này chuyên mục đã ra đời được bốn mươi năm, nhưng những biên tập viên trẻ vẫn coi là chuyên mục vớ vẩn là đưa con hoang. Chủ bút tờ báo thời kỳ đó đã gọi tôi đến văn phòng để nhắc nhở phải viết theo giọng điệu của trào lưu mới. Với thái độ trịnh trọng, ông ta nói với tôi : Thế giới đang tiến lên. Vâng, tôi nói với ông ta, đang tiến lên, nhưng vẫn quay quanh mặt trời. Tôi vẫn duy trì bài báo chủ nhật vì người ta không tìm ra ai có thể thu tin và biên tập lại tin điện như tôi. Ngày hôm nay tôi nhận thấy là hồi ấy mình đã có lý và vì sao lại như vậy. Những người trẻ tuổi lúc đó trong vòng xoáy của cuộc mưu sinh đắm chìm trong ảo mộng về tương lai, cho đến khi thực tế dạy họ biết rằng tương lai không phải như họ mơ tưởng và thế là họ phát hiện ra sự hoài niệm nhớ thương. Đó chính là những bài báo chủ nhật của tôi, như là một di chỉ khảo cổ trong đồng đồ nát của quá khứ, và họ nhận ra rằng, những bài đó không chỉ dành cho những người già mà cả cho những người thanh niên không sợ tuổi già. Những bài đó lại được quay về đăng trên trang chính luận và trong trường hợp đặc biệt, được đăng ngay trên trang nhất.

Ai hỏi tôi cũng luôn trả lời thật : các cô gái điểm đã không để tôi có đủ thời gian lấy vợ. Tuy nhiên tôi phải thừa nhận rằng lời giải thích này mình chỉ kịp nghĩ ra đúng vào sinh nhật thứ chín mươi, khi vừa ra khỏi nhà của Rosa Cabarcas và quyết chí không bao giờ khiêu khích số phận nữa. Tôi tự cảm thấy mình đã biến thành người khác. Ma quỷ đã biến nhảm tôi thành một kẻ mạnh mẽ tựa như đám lính đang gác sau chấn song sắt bao quanh công viên. Tôi thấy Damiana bò lau sàn phòng khách và cặp đùi còn rất trẻ trung so với tuổi tác của bà ta đã khơi dậy trong tôi những rung cảm của một thời xa xăm trước đây. Chắc bà ta cũng cảm thấy như vậy nên dùng váy che kín lại. Tôi không kìm nén được sự căm dỗ muốn hỏi bà ta: Damiana ơi, cô có thể nói với tôi điều này được không: cô đang nhớ đến chuyện gì vậy? Tôi chẳng nhớ gì cả, bà ta nói, nhưng câu hỏi của ông lại gợi tôi nhớ chuyện ấy. Tôi cảm thấy nghẹn trong ngực. Tôi chưa bao giờ

biết yêu, tôi nói với bà ta. Bà ta đáp lại ngay tức thì: Tôi thì có đấy. Và nói nốt câu chuyện trong khi không ngưng công việc: Tôi đã khóc thầm suốt hai mươi hai năm vì ông đấy. Trái tim tôi đập rộn ràng. Tôi tìm một lối ra xứng đáng, và nói với bà ta: lẽ ra chúng ta đã là một cặp xứng đôi vừa lứa rồi. Bây giờ ông mới nói điều đó với tôi thì quá dở, bà ta nói, bởi vì ông không còn làm gì được nữa, thậm chí cũng không làm được việc an ủi ông. Khi ra khỏi nhà, bà ta nói với tôi một cách tự nhiên hơn : Có lẽ ông sẽ không tin điều tôi nói đây, nhưng quả thật đến lúc này tôi vẫn tiếp tục là một thiếu nữ trinh nguyên, nhờ ơn Chúa.

Ngay sau đó tôi phát hiện ra là bà ấy đã cắm đầy hoa hồng đỏ vào các lọ hoa và bày khắp nơi trong nhà, và một danh thiếp trên gối: Chúc ông sống đến trăm tuổi. Lòng trĩu nặng vì buồn, tôi ngồi vào viết tiếp bài báo chủ nhật bị bỏ dở nửa chừng từ ngày hôm trước. Tôi viết một hơi trong chưa đầy hai tiếng đồng hồ thì xong và phải khéo lắm mới móc hết tim gan trong lòng mình ra mà không để ai nhận thấy tiếng khóc thầm. Nhờ niềm hưng khởi muộn màng, tôi quyết định giã từ công việc với lời thông báo rằng bài báo này đặt dấu chấm hết hạnh phúc cho một chuyên mục vốn sống dai dẳng một cách xứng đáng suốt bao năm qua và không hề gây ra điều tiếng nào khiến tôi phải chết.

Tôi có ý định là để bản thảo bài viết ở cửa tòa soạn rồi quay về nhà ngay. Nhưng không thể. Toàn bộ nhân viên tòa báo đã có mặt đầy đủ để tổ chức lễ sinh nhật cho tôi. Tòa nhà đang sửa chữa lại, khắp nơi đầy dàn giáo và từng đồng gạch vụn lạnh lẽo, nhưng người ta đã tạm dừng công việc này lại để cho tòa soạn tổ chức buổi lễ. Trên một chiếc bàn gỗ, bày đầy đồ uống để chúc rượu và nhiều tặng phẩm gói trong giấy hoa. Sừng sốt vì ánh đèn liên tục của các loại máy ảnh, tôi đã được chụp rất nhiều ảnh kỷ niệm.

Tôi rất vui mừng được gặp nhiều nhà báo của đài phát thanh và các báo khác trong thành phố : La Prensa, báo buổi sáng của phái bảo thủ, El Nacional, báo buổi chiều theo khuynh hướng giạt gân vốn tìm cách làm dịu sự căng thẳng trật tự xã hội bằng các truyện tình cảm được đăng tải từng kỳ. Việc họ cùng có mặt chẳng có gì là lạ cả bởi vì thành phố này, trong lúc các vị tướng soái cứ gây chiến tranh bằng xã hội luận với nhau thì lính tráng vẫn duy trì nguyên tình hữu nghị.

Trong buổi lễ còn có mặt, hoàn toàn ngoài giờ làm việc thường ngày, người phụ trách công tác kiểm duyệt báo chí, Don Jeronimo Ortega, người mà chúng tôi vẫn gọi là Người đàn ông đáng ghét lúc chín giờ bởi vì ông ta luôn luôn đến đúng vào giờ đó và buổi tối cùng với chiếc bút chì đâm máu của tên bạo chúa bảo thủ. Ông ta ở đây cho đến khi tin chắc rằng không có một chữ nào có hại trong số báo phát hành sáng hôm sau. Ông ta rất căm ghét cá nhân tôi vì tôi vốn tự cao về vốn kiến thức ngữ pháp hoặc cũng có thể tôi hay dùng các từ tiếng Italia mà không để trong ngoặc kép hoặc viết nghiêng trong các trường hợp cụ thể mà tôi cho rằng tiếng Italia biểu cảm hơn tiếng Tây Ban Nha, đó cũng là một chuyện bình thường giữa hai ngôn ngữ anh em sinh đôi này. Sau bốn năm gặm gù nhau, cuối cùng chúng tôi đành chấp nhận việc này như ý thức kém của riêng từng người.

Các cô thư ký bê ra chiếc bánh ngọt với chín mươi ngọn nến đang cháy làm tôi lần đầu tiên phải nhớ đến số năm tuổi của mình. Tôi phải cố nén dòng nước mắt khi mọi người cùng ca bài chúc mừng sinh nhật và tôi lại nhớ đến đứa bé gái một cách hết sức vô lý. Đó không phải là một phút giây tức giận mà là lòng thương cảm muộn màng đối với một sinh linh bé nhỏ mà tôi tưởng là không bao giờ còn nhớ đến nữa. Khi bài ca thánh thiện vừa xong thì ai đó đặt vào tay tôi con dao để cắt bánh ngọt. Vì sợ xảy ra chuyện đùa bỡn nên không ai mạo hiểm ứng khẩu bài diễn văn nào. Tôi cũng thà chết chứ không chịu đáp lại những bài diễn văn. Để kết thúc lễ mừng, trưởng ban biên tập mà tôi vốn không ưa lắm đã đưa chúng tôi trở lại thực tế hà khắc. Bây giờ đã đến lúc, thưa vị trưởng lão chín mươi tuổi, ông ta nói với tôi, bài báo của ông đâu?

Sự thật là trong suốt buổi chiều tôi cảm thấy túi như đang âm ỉ cháy, nhưng niềm cảm xúc đang ngấm sâu vào trái tim tôi không còn lòng dạ nào dội nước lạnh vào buổi lễ mừng thọ bằng bài từ chúc của mình. Tôi nói: Lần này thì không có bài. Ông trưởng ban biên tập tỏ ý bức tức với thiếu sót mà suốt từ thế kỷ trước vẫn được coi là không thể nào chấp nhận được. Xin ông hiểu cho duy nhất lần này, tôi nói với ông ấy, tôi có một đêm hết sức khó chịu nên sáng dậy dờ dẫm cả người. Đáng ra ông cũng có thể viết về việc này đấy chứ, ông ta chưa chát nói đùa. Bạn đọc cũng muốn biết ngay tức thì cuộc sống ở tuổi chín mươi sẽ ra sao. Một trong những cô thư ký xen vào. Biết đâu đó lại là một bí quyết hay cũng nên, cô ta nói, và tinh quái nhìn tôi. Chán quá, tôi nghĩ, ngưng ngưng là một thói phản trắc. Một cô

khác, mặt mày sáng rực, chỉ ngón tay về phía tôi. Tuyệt quá! Ông vẫn còn giữ được nét then đỏ mặt rất lịch thiệp. Sự hỗn xược của cô ta làm tôi thêm ngượng ngập, mặt đỏ càng thêm đỏ hơn. Có lẽ hôm qua là một đêm chiến đấu dữ lắm đấy, cô thư ký lúc đầu nói: Thật đáng ghen tỵ lắm! Và cô ta dành cho tôi một nụ hôn để lại vết son trên má. Các tay phó nháy chụp liên tục.

Trong lúc choáng ngợp, tôi đã trao bài báo cho trưởng ban biên tập và nói với ông ta lúc này chỉ là chuyện đùa còn bài đây mời ông cầm lấy, và tôi bỏ trốn trong loạt vỗ tay cuối cùng để không có mặt khi mọi người phát hiện ra bài báo chính là đơn từ chức sau nửa thế kỷ tù túng.

Nỗi khát khao của tôi kéo dài suốt đêm khi về nhà tôi bóc các gói tặng phẩm sinh nhật. Những người thợ sắp chữ tặng tôi một máy pha cà phê chạy điện giống như ba cái mà tôi có trong những sinh nhật trước. Những thợ in typo tặng tôi giấy phép nhận một con mèo quý được nuôi trong trại mèo của quận. Phòng quản trị cấp cho tôi một khoản trợ cấp tượng trưng. Các cô thư ký thì tặng tôi ba chiếc quần lót bằng lụa có in dấu son các nụ hôn, và một danh thiếp bày tỏ họ sẵn sàng giúp tôi cởi chúng ra. Tôi chợt nghĩ là một trong những điều hay của tuổi già là các cô bạn trẻ được thỏa thích khiêu khích, kích động vì tưởng chúng tôi đã bị loại ra khỏi vòng chiến rồi.

Tôi không bao giờ xác minh được ai là người đã gửi cho tôi đĩa hát với hai mươi bốn khúc khai tấu của Chonpin do nghệ sĩ Stefan Askenase trình diễn. Phần lớn các biên tập viên tặng tôi các cuốn sách thời thượng. Khi tôi chưa bóc hết các hộp tặng phẩm thì Rosa Cabarcas đã gọi điện thoại đến để hỏi một câu mà tôi hoàn toàn không muốn nghe: Chuyện gì đã xảy ra giữa ông và con bé vậy? Chẳng có chuyện gì cả, tôi nói mà không cần suy nghĩ. Thậm chí không thèm đánh thức nó dậy mà ông cho rằng không có chuyện gì à? Rosa Cabarcas nói. Phụ nữ không bao giờ tha lỗi cho thứ đàn ông coi thường đồ trưng diện lần đầu tiên của họ. Tôi thanh minh với bà ta rằng con bé không thể quá mệt mỏi chỉ vì việc đơm cúc áo, và có lẽ nó giả vờ ngủ vì sợ. Điều nghiêm trọng duy nhất, bà Rosa nói, là con bé cứ nghĩ đúng là nó là đồ không xài được nữa, là thứ bỏ đi, và tôi cũng không thích là người rêu rao điều này ở mọi nơi.

Tôi không cho bà ta cái thú vui được hù dọa tôi. Mà dù có là như vậy đi nữa, tôi nói với bà ta, thì tình trạng của con bé thật đáng thương

nên không thể dùng nó dù là ngủ hay là thức: đó là thứ da thịt của bệnh viện. Rosa Cabarcas hạ giọng: Lỗi là do quá vội vàng trong đối xử, nhưng có cách sửa chữa lỗi lầm rồi, ông sẽ thấy. Bà ta hứa sẽ bắt con bé nhận tội, và nếu cần thì bắt nó trả lại tiền. Ông thấy thế nào? Bà bỏ ngay trò đó đi, tôi nói với bà ta, ở đây chẳng có quyền gì xảy ra cả, và ngược lại sự việc vừa qua còn chứng tỏ tôi không còn đủ khả năng làm ba thứ trò quỷ đó nữa. Trên phương diện này, đứa bé gái đã có lý: tôi không dùng được nữa, là đồ bỏ đi rồi. Tôi dập điện thoại và tự thấy lòng mình tràn ngập một thứ tình cảm mà trong cả cuộc đời chưa được hưởng, đó là được giải thoát khỏi tình cảm nô lệ áp đặt cho tôi từ lúc mới mười ba tuổi.

Bảy giờ tối, tôi được mời làm khách danh dự trong buổi hoà nhạc tại hội trường Viện Mỹ thuật do hai nhạc sỹ Jacques Thibault và Alfred Cortot trình diễn tuyệt vời violon và piano bản sonat của Cesar Frank và trong giờ giải lao tôi còn được nghe những lời khen ngợi thật lòng. Nhạc sỹ bậc thầy Pedro Biava, người thầy vĩ đại của chúng tôi còn lôi tôi đi từng buồng để giới thiệu tôi với các nhạc công khác. Trong tình trạng phấn khích tôi còn nói lời chúc mừng họ vì bản sonat của Schumann mà thực ra chưa hề được trình diễn khiến ai đó phải vụng về cải chính công khai. Sự nhầm lẫn hai bản sonat vì thiếu hiểu biết âm nhạc của tôi đã làm bầu không khí lúc đó trở nên nặng nề, và còn trở nên tệ hại hơn khi tôi định sửa chữa sai lầm trong bài tường thuật buổi hòa nhạc được đăng báo hôm chủ nhật.

Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy mình có thể giết chết ai đó. Đầy tức giận đờn đau trong lòng, tôi trở về nhà bên tai vẫn văng những câu trả lời quỷ quái mà chúng tôi chưa kịp nói ra, thế là kể cả việc đọc sách và nghe nhạc cũng không xoa dịu được lòng tôi. Vừa may, bà Rosa Cabarcas đã lôi tôi ra khỏi tình trạng chán chường bằng một câu hét trong điện thoại: Tôi rất hạnh phúc được đọc bài báo về ông, bởi vì trước đây tôi không tin là ông mới có chín mươi tuổi, cứ tưởng là một trăm tuổi cơ. Tôi ngại ngần đáp lại: Thế tức là bà đã thấy tôi quá hom hem phải không? Ngược lại, bà ta nói, tôi rất ngạc nhiên thấy ông còn rất phong độ. Rất hay là ông không giống mấy ông lão già râu xanh luôn nói tăng tuổi để mọi người tưởng mình còn sung lắm. Rồi bà ta đổi giọng ngay: Này, tôi dành cho ông của lạ đây. Tôi thực sự kinh ngạc: Cái gì vậy? Đứa bé gái, bà ta nói.

Tôi không kịp suy nghĩ. Cảm ơn, tôi nói với bà ta, nhưng ba thứ trò

ấy đã thành chuyện xưa rồi. Bà ta nói xa xôi: Tôi sẽ gửi đến tận nhà cho ông, bọc trong giấy Tàu và sẽ được hấp nóng bằng gỗ cây đàn hương, tất cả đều cho không lấy tiền. Tôi vẫn cương quyết từ chối, và bà ta đưa ra một lời giải thích hấp dẫn khiến tôi thấy là chân thực. Bà ta nói rằng hôm thứ sáu vừa qua đứa bé gái ở trong tình trạng quá mệt mỏi vì đã phải khâu bằng tay hai trăm cái cúc áo. Rằng đúng là nó đã rất sợ bị cưỡng đoạt đấm máu, nhưng bây giờ đã được giáo huấn là phải biết hy sinh. Rằng tối hôm ngủ với tôi nó có trở dậy đi vệ sinh nhưng thấy tôi ngủ quá say nên nó thương hại không dám đánh thức và sáng sớm khi nó dậy thì tôi đã đi rồi. Tôi bực mình vì kiểu lừa trẻ con vô tích sự này. Dù gì, bà Rosa Cabarcas nói tiếp, thì con bé cũng rất hối hận. Tôi nghiệp nó quá, mà nó đang ngồi trước mặt tôi đây này. Ông muốn tôi chuyển nó đến không? Không, lạy Chúa, tôi nói với bà ta.

Tôi bắt đầu viết thì cô thư ký toà báo gọi điện thoại. Cô ta nói là ông chủ bút muốn gặp tôi vào hồi mười một giờ trưa ngày hôm sau. Tôi đến đúng giờ. Tiếng ồn ào của việc sửa nhà không làm tôi khó chịu, bầu không khí như loảng ra theo nhịp búa đập, vì bụi xi măng và khói hắc ín, nhưng ban biên tập đã học được cách suy nghĩ trong cảnh tượng hỗn loạn thường ngày đó. Nhưng văn phòng của chủ bút thì ngược lại, vẫn lạnh cóng và tĩnh lặng, như ở một xứ sở lý tưởng chứ không phải là đất nước chúng tôi.

Marco Tulio, người chủ bút thứ ba, với vẻ trẻ thơ, đã đứng dậy khi thấy tôi bước vào nhưng vẫn không ngưng cuộc nói chuyện điện thoại, giơ tay qua bàn viết bắt tay tôi và chỉ ghế mời tôi ngồi. Tôi đã nghĩ là không có ai nói ở đầu dây điện thoại phía bên kia mà chẳng qua ông ta nghĩ ra trò này để gây ấn tượng với mình nhưng ngay sau đó tôi phát hiện ra ông ta đang nói chuyện với viên thống đốc, và đúng là một cuộc nói chuyện khó khăn giữa hai kẻ thù địch phải giữ thái độ thân mật. Ngoài ra, tôi tin rằng ông ta cố tỏ ra cứng rắn trước mặt tôi mặc dù vẫn phải đứng như khi nói chuyện với nhà chức trách.

Rõ ràng ông ta còn toát lên vẻ thanh khiết. Ông ta mới có hai mươi chín tuổi nhưng đã nói được bốn thứ tiếng và ba bằng thạc sĩ quốc tế, khác hẳn với chủ bút đầu tiên, tức là ông nội, vốn trở thành người làm báo thực nghiệm khi đã gom được một số vốn kha khá nhờ nghề buôn nô lệ đàn bà da trắng. Ông ta có kiểu cách dễ chịu, người hơi mập và trầm tĩnh và điều duy nhất có nguy cơ ảnh hưởng đến vẻ oai

phong của ông chính là giọng nói không thật. Ông ta vận áo khoác thể thao, trên ve áo cài bông hoa phong lan rực rỡ, mọi thứ trên người ông đều mang dáng vẻ tự nhiên, nhưng không hề có nhân viên văn phòng. Đã mất gần hai tiếng đồng hồ chăm chút chuyện ăn mặc trước khi đến đây, tôi bỗng cảm thấy hổ thẹn vì sự nghèo nàn và lại càng thêm tự giận chính mình.

Hơn nữa, nọc độc chết người nằm ngay ở bức ảnh chụp toàn bộ nhân viên cơ quan đúng hôm kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành lập báo, trong đó người ta đánh dấu chữ thập trên đầu những người sẽ lần lượt bị chết. Tôi là người thứ ba tính từ bên phải qua, đội mũ rơm vành thẳng, thắt cravat nút thật to với một viên ngọc gắn trên chiếc ghim cài, với bộ ria mép kiểu đại tá dân sự mà tôi vẫn để cho đến năm bốn mươi tuổi, và cặp kính viền thị gọng kim loại mà sau nửa thế kỷ tôi không cần dùng nữa. Tôi đã thấy bức ảnh này treo ở nhiều văn phòng khác nhau, nhưng chỉ đến lúc đó tôi mới cảm nhận được thông điệp của nó: trong số bốn mươi tám người đầu tiên chỉ còn lại bốn người chúng tôi còn sống, trong số đó người trẻ nhất đang thụ án tù hai mươi năm vì tội giết hại nhiều người.

Nói chuyện điện thoại xong, viên chủ bút kinh ngạc thấy tôi đang nhìn tấm ảnh, rồi mỉm cười. Những dấu thập ngoặc không phải do tôi vẽ, ông ta nói. Tôi thấy nó rất chướng. Ông ta ngồi xuống bên bàn viết và đổi giọng: Xin cho phép tôi được nói rằng trong số những người tôi quen biết, ông là người khó lường trước nhất. Và trước sự ngạc nhiên của tôi, ông nói thẳng tuột : Tôi nói điều này chính là vì việc xin từ chức của ông. Tôi chỉ kịp nói : Đó là đời mà. Ông ta cãi lại rằng chính vì lẽ đó mà giải pháp này là không thích hợp .

Ông ta thấy bài báo là rất tuyệt, và những gì với về tuổi già là đoạn hay nhất mà trước đây ông chưa từng được đọc, và vì vậy thật là vô nghĩa nếu kết thúc bài báo bằng một quyết định giống như cái chết dân sự. Cũng còn may, ông ta nói, Người đàn ông đáng ghét lúc chín giờ đã đọc bài báo đúng lúc trang xã luận vừa lên khuôn và hẳn ta thấy không thể chấp nhận được. Không tham khảo ý kiến của bất cứ ai, hẳn đã gạch chéo từ trên xuống dưới bằng nét bút chì Torquemada. Sáng nay, khi biết sự việc tôi đã ra lệnh gửi công văn phản đối đến viên thống đốc. Đó là trách nhiệm của tôi, nhưng nói riêng với ông, tôi rất cảm ơn tính khí độc đoán của tên nhân viên kiểm duyệt. Tức là tôi không sẵn sàng chấp nhận đình chỉ mục báo. Tôi tha thiết đề nghị ông, ông ta nói, không được từ bỏ con tàu đang

ở giữa biển khơi. Và ông ta kết luận bằng một phong cách vĩ đại : chúng ta còn rất nhiều điều phải nói về âm nhạc.

Thấy ông ta cương quyết như vậy nên tôi không muốn dùng lời lẽ quanh co làm trầm trọng thêm những bất đồng. Trên thực tế, lúc bấy giờ tôi cũng chưa tìm được một lý do chính đáng nào để từ bỏ công việc nặng nhọc này và cũng hoảng sợ trước ý nghĩ một lần nữa phải nói nhất trí với ông chủ bút chỉ để tranh thủ thời gian. Tôi phải cố kiềm chế để ông ta không nhận ra niềm xúc động vô sỉ đang chực làm tôi ứa nước mắt. Thế là một lần nữa , cũng như mọi lần, tôi lại quyết định làm cái công việc thường xuyên từ bao năm nay.

Tuần lễ sau đó, trong tình trạng nghi ngờ hơn là mừng vui, tôi đến trại nuôi mèo để nhận con mèo, tặng phẩm của những người thợ in. Tôi vô duyên trong việc nuôi thú vật cũng như với những đứa bé trước khi biết nói. Tôi thấy chúng như lũ câm từ linh hồn. Tôi không ghét chúng nhưng không thể chịu được chúng vì mình không thể học được cách thương lượng với chúng. Tôi thấy hoàn toàn phi tự nhiên khi một người hiểu chó hơn là hiểu vợ mình, lại còn dạy nó ăn và không ăn theo giờ giấc nhất định, hay dạy nó trả lời câu hỏi và cùng chia sẻ nỗi buồn. Nhưng nếu không đi nhận con mèo của thợ in lại thành ra bất nhã. Hơn nữa nó là một con mèo giống xứ Angora, có bộ lông màu hồng bóng mượt và đôi mắt sáng, tiếng kêu gần như sắp nói thành lời. Họ còn cho tôi một chiếc giỏ mây cùng giấy chứng nhận xuất xứ của giống mèo và một cuốn sách hướng dẫn nuôi mèo như cuốn dạy cách lắp ráp chiếc xe đạp.

Một toán quân cảnh kiểm tra giấy chứng minh của tất cả mọi người trước khi cho phép vào công viên San Nicolas. Tôi chưa bao giờ thấy chuyện tương tự cũng chưa bao giờ hình dung ra điều gì khó chịu như triệu chứng của tuổi già. Đó là một đội tuần tra bốn người dưới sự chỉ huy của một viên sỹ quan trẻ măng. Họ là những người gốc nhà quê , rần rỏi và ít lời, toát ra mùi chuồng trại. Viên sỹ quan theo dõi tất cả mọi người với cái vẻ của dân miền núi Andes vừa xuống bãi biển. Sau khi xem xét giấy chứng minh và thẻ nhà báo của tôi , ông ta liền hỏi tôi mang gì trong giỏ mây. Một con mèo, tôi nói. Anh ta muốn xem. Tôi cẩn thận mở nắp giỏ vì sợ con mèo chạy mất, nhưng một nhân viên lại muốn xem dưới giỏ có giấu gì không nên bị con mèo cào vào tay. Viên sỹ quan liền can thiệp. Đúng là một con mèo quý, anh ta nói và xoa vào nó rồi thì thầm gì đó. Con mèo không cần

nhưng cũng không để ý đến anh ta. Nó bao nhiêu tuổi rồi nhỉ? Anh ta hỏi. Không biết, tôi nói, người ta vừa tặng tôi. Tôi hỏi ông điều này vì nó già quá rồi, có lẽ phải mười tuổi đấy. Tôi định hỏi vì sao anh ta biết và hỏi thêm nhiều chuyện khác nữa, nhưng bất chấp tính cách lịch duyệt và cách ăn nói hoa mỹ của anh ta, tôi cũng chẳng có bụng dạ nào muốn nói chuyện. Tôi thấy hình như là một con mèo hoang vốn có nhiều ở khắp nơi, anh ta nói. Ông nhìn xem này, có vẻ nó không quen ông mà ngược lại chính ông lại quen với nó, để yên cho đến khi nó tin ông đã. Anh ta đẩy nắp giở lại và hỏi tôi: Ông làm nghề gì? Nhà báo. Từ bao lâu rồi? Từ một thế kỷ nay rồi, tôi nói. Tôi không nghi ngờ điều này, anh ta nói. Bắt chặt tay tôi và trước khi chào từ biệt, anh ta còn nói một câu vừa có thể là một lời khuyên cũng có thể là một lời đe dọa:

- Ông phải cẩn thận đấy.

Buổi trưa tôi ngắt điện thoại để trốn trong âm nhạc với một chương trình tuyệt hay: khúc rapsodia cho kèn clarinet và dàn nhạc của Wagnet, cho kèn saxophone của Debussy và ngũ tấu đàn dây của Bruckner, và như lạc vào chốn thiên đường. Rồi bỗng nhiên tôi thấy tối sầm lại. Tôi cảm thấy có gì đó đang ngo nguậy dưới gầm bàn, hình như không phải là một vật sống mà một bóng ma đang cào vào chân làm tôi hét to và nhảy bật dậy. Đó chính là con mèo với cái đuôi dài rất đẹp, với dáng vẻ chậm chạp và bí hiểm. Tôi rợn róc gáy khi nghĩ rằng mình ở nhà một mình với một sinh linh sống mà lại không phải là người.

Khi chuông nhà thờ lớn điểm bảy tiếng, thì trên bầu trời rực màu hồng chỉ có một ánh sao duy nhất sáng long lanh, một chiếc tàu thủy hú tiếng còi từ biệt buồn bã, và tôi cảm thấy trong họng nghèn nghẹn tất cả những mối tình có thể đã từng có hoặc không hề có. Tôi không chịu được nữa. Tôi nhấc điện thoại lên với trái tim để ngay đầu lưỡi, từ từ quay bốn số để khỏi nhầm, rồi khi tiếng chuông thứ ba vừa đổ tôi đã nhận ra giọng nói quen. Này, bà ơi, tôi thờ dài nói, thứ lỗi cho sự thô bạo sáng nay nhé. Bà ta bình thản đáp: Ông khỏi lo, tôi chờ ông gọi từ sáng đến giờ. Tôi cảnh báo: Tôi muốn đưa bé gái phải chờ tôi trong tình trạng mà Chúa đã đưa nó đến thế giới này và không bôi bắt cứ thứ gì trên mặt đấy nhé. Bà ta cười ùng ục trong họng. Sẽ đúng như điều ông muốn, bà ta nói, nhưng như thế thì ông sẽ mất cái thú được cời từng thứ một ra như các ông già khác vẫn

khoái làm, mà tôi không biết tại sao. Tôi thì biết rõ tại sao, tôi nói với bà ta. Bởi vì họ càng ngày càng già đi. Bà ta coi như đã xong hợp đồng.

- Được thôi – bà ta nói – như vậy là đúng mười giờ tối nay, trước khi món cá rán bị nguội.

Nobel Văn học 1982

Người dịch : LÊ XUÂN QUỲNH

Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi

Dịch Giả: LÊ XUÂN QUỲNH

Nobel Văn học 1982

Chương 3

Con bé có thể tên là gì nhỉ? Bà chủ nhà không nói cho tôi biết. Khi nói về nó bà ta chỉ kêu là: bé gái. Và thế là tôi biến từ đó thành một tên cúng cơm, đại khái giống như cách gọi đứa bé gái mắt tròn hoặc con thuyền buồm nhỏ xinh. Ngoài ra, bà Rosa Cabarcas cũng có thói quen đặt cho mỗi cô gái điếm một cái tên khác nhau tùy thuộc vào khách hàng. Tôi thích nhìn mặt từng cô để đoán tên, và ngay từ đầu tôi đã tin chắc rằng cô bé này phải có cái tên dài đại loại như Filomena, Saturnina hoặc Nicolasa. Tôi đang nghĩ ngợi về chuyện tên này thì cô bé xoay người và quay lưng lại phía tôi, để lại trên giường một vũng nước rộng bằng thân thể, trông như máu. Tôi hốt hoảng mất một lúc mới xác định được đó chỉ là vũng mồ hôi đọng trên tấm drap trải giường. Rosa Cabarcas đã khuyên tôi đối xử cẩn trọng với cô bé vì nó vẫn chưa hết giật thót từ buổi gặp gỡ đầu tiên. Hơn nữa: chính nghi thức long trọng vừa rồi chỉ làm nó thêm sợ hãi nên đã phải tăng nồng độ thuốc Valerian bằng rễ cây nữ lang, thế là nó ngủ say sưa đến mức không ai nỗ đánh thức mà không hát ru. Tôi quay ra dùng khăn thấm mồ hôi cho cô bé và thềm thì hát bài ca của Delgadina, người con gái út được vua cha yêu chiều. Tôi thấm đến đâu thì phần thân thể ướt đẫm mồ hôi của cô bé càng lộ ra đến đó hoà trong tiếng hát của tôi: Delgadina, Delgadina, em sẽ là vật làm tin mà anh yêu dấu. Tôi rất khoái công việc này vì cứ lau khô

xong phía này thì thân thể của bé gái lại ướt đầm ở phía khác làm cho bài hát không thể nào kết thúc được. Delgadina ơi, em hãy tỉnh dậy, mặc váy lụa đi em, tôi tiếp tục hát ru vào tai cô bé. Cuối cùng, đến đoạn những người hầu cận của vua phát hiện ra cô đã chết khát trên giường thì tôi cảm thấy cô bé hình như sắp tỉnh dậy khi nghe thấy tên gọi. Như vậy tên của cô bé chính là : Delgadina.

Tôi quay lại giường với chiếc quần lót có in các nụ hôn của các nữ đồng nghiệp và nằm xuống bên cạnh cô bé. Tôi ngủ một mạch đến năm giờ sáng trong tiếng thở đều đều êm ái của đứa bé gái. Không kịp rửa mặt, tôi vội vàng mặc quần áo, và chỉ đến lúc đó tôi mới nhìn thấy dòng chữ được viết bằng son môi trên tấm gương trong buồng tắm: Con hổ không ăn nơi xa. Tôi biết rõ là đêm trước chưa có câu này và đã không có ai lọt vào trong phòng suốt đêm, thế chắc là tặng phẩm mừng sinh nhật của quý sứ rồi. Tiếng sấm đáng sợ trườn lên tôi ngay cửa ra vào và căn phòng tràn ngập mùi đất ẩm ướt trước cơn mưa. Tôi không chạy trốn kịp. Trước khi gọi được xe taxi, trời đã đổ sập lên đầu tôi một cơn mưa rào tầm tã, vốn ít khi xảy ra trong thành phố từ tháng Năm đến tháng Mười khiến những đường phố đầy cát nóng trở thành dòng nước cuốn phăng tất cả ra phía bờ sông. Sau ba tháng hạn hán, cơn mưa bất thường trong tháng Chín đó vừa là may mắn vừa là đại họa.

Vừa mở cửa vào nhà tôi đã gặp ngay cảm giác là mình không sống cô độc . Tôi kịp nhìn thấy ánh mắt con mèo vừa nhảy khỏi bộ ghế bành ra phía ban công. Trên đĩa của nó vẫn còn thức ăn mà tôi không dành cho nó. Mùi nước đái chua khẳm và phân còn nóng hổi của nó sục nức trong phòng. Tôi đã để công sức nghiên cứu về nó như đã từng học tiếng La tinh. Theo sách hướng dẫn thì loài mèo thường bới đất để giấu phân của mình, và ở những nhà không có vườn như nhà của tôi, chúng thường làm việc này trong những chậu cây cảnh hoặc bất cứ góc khuất nào. Vì vậy người ta khuyên ngay từ ngày đầu tiên nên chuẩn bị sẵn một hộp đựng cát và hướng dẫn nó đi vào đó, và chính tôi đã làm đúng lời hướng dẫn này. Người ta cũng nói rằng điều đầu tiên phải làm ở nhà mới là đánh dấu mọi góc ngách nơi con mèo thường đi tiểu, và tôi cũng làm như vậy, nhưng sách lại không hướng dẫn cách dạy nó đi đúng chỗ như thế nào. Tôi đã theo sát để làm quen với thói quen gốc của nó, nhưng đã không thể phát hiện ra những nơi nó giấu phân, nơi nó nghỉ và lý do những cú bắn bất thường của nó. Tôi muốn dạy nó ăn đúng giờ, dùng thùng cát để trên sân thượng, không leo lên giường khi tôi ngủ và không đánh hơi các món ăn để ở trên bàn, và tôi cũng không thể làm

cho nó hiểu được rằng nó có quyền coi căn nhà là của mình nhưng không thể coi căn nhà như một thứ chiến lợi phẩm chiến tranh. Thế là tôi đành để nó muốn làm sao thì làm.

Vào lúc chiều tà, lại thêm cơn mưa rào nữa ập đến với những cơn gió mạnh tựa như muốn phá tung căn nhà. Tôi hắt xì hơi liên tục, đầu đau nhức và sốt cao, nhưng lại cảm thấy mạnh mẽ hơn bao giờ hết và cũng chẳng hiểu vì sao. Tôi bày chảo ra khắp sàn nhà để hứng nước mưa rơi từ những chỗ dột trên mái nhà và thấy có thêm nhiều chỗ dột mới từ mùa đông năm ngoái. Từ chỗ dột lớn nhất nước bắt đầu tràn ngập phía bên phải của phòng đọc sách. Tôi vội vàng tìm cách cứu ngay các tác giả cổ điển Hy Lạp và La Tinh đang sinh sống ở phía đó, nhưng khi lấy các cuốn sách ra tôi gặp ngay một dòng nước phun cực mạnh từ lỗ thủng ống nước trong tường. Tôi dùng giẻ cổ bịt lại được tý nào hay tý đó cho kịp cứu các cuốn sách. Mưa gió gào thét cuồng loạn ngoài công viên. Bỗng một ánh chớp ma quái kèm theo tiếng sấm kinh hoàng đã làm cho bầu không khí sặc mùi lưu huỳnh, và gió mạnh đập các cửa kính ở ban công và bão biển làm tung hết chốt cửa cũng ào đầy vào nhà. Tuy nhiên, chưa đầy mười phút, trời bỗng tạnh mưa. Ánh nắng chói chang làm khô ngay những đường phố ngập đầy gạch vụn lạnh cóng và trời lại nóng trở lại.

Khi cơn mưa rào qua đi, tôi lại tiếp tục có cảm giác không chỉ có một mình ở trong nhà. Tôi chỉ có cách tự giải thích duy nhất là mọi sự việc có thật thì người ta thường dễ quên đi, nhưng có những việc không có thật thì cứ tồn tại trong ký ức y như nó đã từng xảy ra vậy. Cứ mỗi lần nhớ đến trận mưa rào là tôi lại tự thấy không đơn độc trong nhà mà luôn luôn có mặt Delgadina. Tôi cảm thấy nàng rất gần gũi vào ban đêm thậm chí còn ngửi thấy hơi thở của nàng trong phòng ngủ và tiếng mạch đập khế khàng nơi má của nàng trên chiếc gối của tôi. Chỉ có như vậy tôi mới hiểu được tại sao mình đã làm được bao nhiêu việc trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Tôi nhớ là nàng trong bộ đồ thêu hoa đã trèo lên chiếc ghế ở phòng đọc sách, tỉnh táo tiếp lấy từng cuốn sách để cứu nó khỏi bị dột ướt. Tôi đã thấy nàng chạy đi chạy lại khắp nơi trong nhà nước ngập đến đầu gối để chống chọi lại cơn mưa gió. Tôi còn nhớ là sáng hôm sau nàng còn chuẩn bị bữa điểm tâm không hề có và chuẩn bị cả bàn ăn trong khi tôi lau sàn nhà và sắp xếp lại đồ đạc sau cơn hồng thủy. Không bao giờ tôi quên được ánh mắt tối sầm của nàng khi chúng tôi cùng ăn điểm tâm: Tại sao mãi đến tận khi già cả thế này anh mới quen em? Tôi còn nói thật với nàng: Tuổi tác không phải là số năm

mà người ta có mà chính là cái mà người ta cảm thấy ở trong cơ thể mình.

Từ đó tôi cứ ghi nhớ mãi hình ảnh rõ ràng của nàng trong ký ức đến mức muốn làm gì nàng cũng được . Tôi thay đổi màu mắt của nàng tùy theo trạng thái tâm hồn của chính mình: màu nước khi tôi thức dậy vào buổi sáng, màu mật khi tôi cười và màu lửa khi tôi cãi nhau với nàng. Tôi khoác trang phục cho nàng tùy theo tuổi tác và điều kiện phù hợp với tâm lý từng lúc của tôi: nàng mặc bộ đồ cô dâu say đắm ở tuổi hai mươi, y phục của loại gái gọi ở tuổi bốn mươi, như nữ hoàng xứ Babilon ở tuổi bảy mươi và như nữ thánh ở tuổi một trăm. Chúng tôi song ca những bản tình ca của Puccini, điệu bolero của Agustin Lara , điệu tango của Carlos Gardel, và đã một lần chúng tôi xác định được rằng những ai không hát thì không thể hình dung ra niềm hạnh phúc được hát dân ca. Hôm nay, tôi biết đó không phải là ảo giác mà chính là điệu huyền diệu của mối tình đầu của tôi ở tuổi chín mươi.

Khi căn nhà đã dọn dẹp xong, tôi liền gọi điện cho Rosa Cabarcas. Chúa ơi! Bà ta thốt lên khi nghe thấy tiếng nói của tôi, tôi tưởng ông chết đuối rồi chứ. Tôi không hiểu nổi sao ông lại đòi ngủ với con bé mà không thèm đụng đến nó cơ chứ. Ông có toàn quyền không thích nó, nhưng tối thiểu cũng phải hành xử như người lớn. Tôi cố giải thích nhưng bà ta đã đổi đề tài : Dù sao tôi cũng đã chuẩn bị cho ông một cô khác lớn tuổi hơn một chút, đẹp và cũng còn trinh nguyên. Bố của con bé muốn đổi nó lấy một căn nhà, nhưng cũng có thể mặc cả giảm bớt giá. Tim tôi ghen lại. Ngay lập tức tôi phản đối, tôi muốn con bé cũ cơ, và cứ như mọi khi, không được để thất bại, cãi vã, không kỷ niệm xấu. Đường dây điện thoại im ắng, và cuối cùng cũng có tiếng nói nhần nhục như tự nhủ một mình: Được thôi, đúng như thầy thuốc vẫn nói, đây đúng là chứng bệnh điên loạn già nua.

Mất hồn vì cô bé Delgadina say ngủ, tôi đã vô tình thay đổi dần tinh thần của các bài báo chủ nhật của mình. Dù về bất cứ đề tài gì, thì tôi cũng chỉ viết cho cô ấy, cười, khóc trong các bài báo cũng vì cô ta, và trong từng câu chữ cũng đều có giọt đời tôi tuôn chảy. Thay vì công thức báo chí truyền thông vẫn theo từ bao năm nay, tôi viết các bài đó như những bức thư tình mà mỗi người đọc có thể tự coi là của chính bản thân mình. Tôi đề nghị cho đăng các bài này không bằng chữ nhà in mà bằng chính nét chữ viết tay của tôi. Trưởng ban biên tập thì cho rằng đây lại là một trò vô tích sự của tuổi già, nhưng viên chủ bút thì thuyết phục lại ông ta bằng câu nói mà đến tận bây giờ vẫn còn vang vọng trong toà soạn:

- Ông chớ nhầm: những người điên hiền lành thường đi trước thời đại đấy nhé.

Đồng đảo công chúng đã hưởng ứng ngay lập tức và nhiệt tình, những bức thư si tình tới tấp bay về tòa báo. Một số bức được tài phát thanh sử dụng trong bản tin thời sự khi không có đủ tin tức cần thiết vào phút chót, và người ta còn sao lại bằng cách in rônêo hoặc giấy than thành các tờ bướm bán cùng với thuốc lá nhập lậu ở các góc phố đường San Blas. Ban đầu rõ ràng những bài báo này chỉ là nổi đam mê được tự giải bày tình cảm của tôi, nhưng dần dà quen nếp say mê để trở thành giọng điệu của một người đàn ông chín mươi tuổi không chịu học cách suy nghĩ của người già. Cộng đồng trí thức, theo thói quen, tỏ ra e ngại, sợ sệt và chia rẽ, trong khi đó các nhà đoán tướng chữ ít suy tư thì cãi nhau ỏm tỏi khi phân tích các nét chữ của tôi. Chính họ đã làm chia rẽ các linh hồn, đốt nóng các cuộc tranh luận và làm cho nổi chớ mong hoài niệm trở thành một sống của mọi người.

Khoảng cuối năm, tôi thương lượng với bà Rosa Cabarcas cho phép để lại trong phòng ngủ chiếc quạt điện, các đồ dùng ở bàn trang điểm và những thứ khác mà tôi sẽ mang đến để cho căn phòng có thể ở lâu dài được. Tôi vẫn đến vào mười giờ đêm nhưng luôn mang theo một thứ gì đó cho cô bé, hoặc cho sở thích của cả hai, và dành dăm phút đồng hồ lôi những đồ được giấu kín ra trang hoàng lại sân khấu ban đêm của hai chúng tôi. Trước khi ra đi, bao giờ cũng trước năm giờ sáng, tôi lại cất giấu chúng trong chỗ được khóa kỹ để trả lại căn phòng cho mục đích nguyên thủy bản thủy là chốn dung thân của những mối tình buồn bã của đám khách vắng lai. Một sớm mai nọ, tôi bỗng nghe thấy Marcos Perez, phát thanh viên sáng giá nhất của đài phát thanh, đọc bài báo chủ nhật của tôi trong bản tin định kỳ vào thứ hai hàng tuần. Khi đã nén được cơn buồn nôn, tôi kinh sợ nói:

Delgadina thế là em đã biết rồi nhé, sự nổi tiếng như là một bà già to béo không ngủ với ta nhưng khi ta bừng tỉnh dậy đã thấy bà ta luôn đứng nhìn ở cuối giường.

Ngày nọ tôi ở lại ăn sáng với Rosa Cabarcas, người mà tôi đã không còn coi là già khom nữa dù cái vẻ tang tóc nghiêm nghị và chiếc mũ đen vẫn sùm sụp che khuất hàng mi của bà ta. Những bữa điểm tâm của bà ta vốn nổi tiếng là linh đình, với những món ăn trộn đầy hạt tiêu. Vừa cắn miếng đầu tiên, miệng tôi đã bỗng rát và nước mắt nước mũi chảy đầm đìa: Tối nay, chẳng cần trăng tròn tôi cũng sẽ cảm thấy bỏng rát lỗ đít. Xin ông đừng than thở nữa, bà ta nói. Nếu ông cảm thấy bỏng rát ấy là nhờ Trời ông vẫn còn cái đó đấy.

Bà ta tỏ ra ngạc nhiên khi tôi nhắc đến tên Delgadina. Tên con bé đâu phải như vậy, bà ta nói, nó tên là... Bà đừng nói nữa, tôi ngắt lời bà ta, đối với tôi nó chính là Delgadina. Bà ta nhún vai: Được thôi, dù sao thì nó cũng đã là của ông rồi, nhưng tôi thấy cái tên này hơi có vẻ lợi tiểu đấy. Tôi kể lại chuyện dòng chữ con hổ mà cô bé viết trên tấm gương. Chắc chắn không phải là con bé, Rosa nói, vì nó có biết đọc biết viết gì đâu. Thế thì của ai vậy? Bà ta nhún vai: Có thể là của ai đó trước đây đã chết trong phòng.

Tôi tận dụng bữa ăn sáng để dồn ép Rosa Cabarcas bằng những đề nghị tối thiểu cho hạnh phúc và sắc đẹp của Delgadina. Với vẻ láu lỉnh học trò, bà ta chấp nhận ngay không hề đắn đo. Buồn cười thật nhỉ! Bà ta nói với tôi. Tôi cảm thấy như ông đang cầu hôn con bé vậy. À mà này, bà ta bỗng nói, sao ông không cưới nó làm vợ luôn đi? Tôi như bị trời trồng. Nói thật nhé, bà ta nhấn mạnh, làm thế ông sẽ thấy rẻ hơn đấy. Cuối cùng thì ở tuổi của ông vấn đề là dùng được hay không dùng được, nhưng ông đã nói với tôi là việc này ông đã giải quyết xong rồi mà. Tôi ngắt lời bà ta: Tình dục là liều thuốc an ủi khi người ta không có đủ tình yêu.

Bà ta bật cười. Ài chà, thừa nhà thông thái, tôi vốn biết từ xưa đến nay ông luôn luôn là một đấng nam nhi, và bây giờ tôi rất vui mừng vì ông vẫn giữ được phong độ đó trong khi các kẻ thù của ông đã phải buông vũ khí. Người ta nói nhiều về ông cũng có lý thật. Thế bà đã nghe nói nhiều về ông Marcos Perez chưa? Mọi người đều nghe lời ông ta đấy, tôi nói với bà ta để chuyển đề tài. Nhưng bà ta lại nhấn mạnh: Nhưng ngày hôm qua trong mục Một tý trong một giờ của tất cả mọi người giáo sư Mamacho y Cano cũng nói rằng thế giới bây giờ không còn giống như trước đây nữa bởi vì không còn nhiều đấng nam nhi như ông.

Cuối tuần đó tôi thấy Delgadina bị sốt và ho. Tôi liền đánh thức bà Rosa Cabarcas dậy để đưa cho tôi những phương thuốc dân dã tự chế, và bà ta đưa một túi thuốc cấp cứu đến phòng ngủ. Ba ngày sau, Delgadina vẫn tiếp tục ốm mệt nên không đi làm công việc thường nhật là đơm cúc áo được. Thầy thuốc đã cho cô bé một toa thuốc dân dã chống cảm cúm bình thường và dự báo sẽ dứt cơn trong một tuần lễ, nhưng ông ta rất hoảng sợ vì tình trạng suy dinh dưỡng của nó. Tôi không gặp cô bé nữa vì cho là cần phải như vậy, và tranh thủ thời gian sửa sang lại căn phòng.

Tôi lại mang đến một bức tranh vẽ bằng bút mực của Cecilia Porras để minh họa cho tập truyện ngắn Tất cả chúng ta đều đang chờ đợi của Alvaro Cepeda. Tôi còn mang đến sáu tập Juan Cristóbal của

Romain Rolland để chần dặt những đêm không ngủ của mình. Như vậy là khi có thể quay lại thì Delgadina sẽ thấy phòng ngủ xứng đáng với niềm hạnh phúc dài lâu: bầu không khí đã được chất chống côn trùng trộn hương thơm làm cho trong sạch, tường được sơn màu hồng, bóng đèn màu sắc sỡ, hoa tươi cắm đầy các lọ hoa, những cuốn sách ưa thích của tôi, những bức tranh đẹp của mẹ tôi. Tôi thay chiếc đài bán dẫn cũ bằng cái mới có băng sóng ngắn để nghe được chương trình nhạc bác học cho Delgadina có thể ngủ giữa dòng âm thanh các bài tứ tấu của Mozart, nhưng có một đêm tôi phát hiện ra là nó đã điều chỉnh sang đài phát thanh chuyên phát các chương trình ca nhạc bolero thời thượng. Đó chắc chắn là sở thích âm nhạc của cô bé, và tôi chấp nhận không chút đau khổ vì thời trai trẻ tôi cũng đã hết lòng yêu mến điệu nhạc này. Ngày hôm sau, trước khi về nhà tôi dùng sơn mài viết lên chiếc gương soi: Bé em của anh, chúng ta đang đơn độc trên thế giới.

Thời kỳ này tôi có ấn tượng là lạ là cô bé đang lớn lên trước tuổi. Tôi nói điều này với Rosa Cabarcas và bà ta thấy điều đó là tự nhiên. Ngày năm tháng Mười Hai tới nó sẽ tròn mười lăm tuổi đấy, bà ta nói với tôi. Ứng đúng vào cung Nhân mã đấy[6]. Tôi cứ băn khoăn không biết điều này có thực không để làm lễ sinh nhật. Tặng cô bé quà gì được nhỉ? Một chiếc xe đạp, Rosa Cabarcas nói: Hàng ngày con bé phải đi xuyên qua thành phố hai lần để đến chỗ đơm cúc áo đấy. Bà ta chỉ cho tôi chiếc xe đạp nó đang dùng để ở sân sau. Tôi thấy nó chẳng khác gì một đồng sắt vụn, hoàn toàn không xứng đáng với người phụ nữ đang được yêu thương. Nhưng tôi rất xúc động vì đó đúng là một bằng chứng rõ ràng chứng tỏ Delgadina hiện hữu trong đời thực.

Khi mua chiếc xe đạp tốt nhất cho cô bé, tôi không kìm được ý thích đi thử một vài vòng trong sân kho. Trả lời câu hỏi của người bán hàng về tuổi tác, tôi nói theo kiểu lấp lửng của người già: Tôi sẽ có chín mươi mốt tuổi. Anh nhân viên nói đúng điều tôi mong muốn: Nhưng trông ông trẻ hơn hai mươi tuổi đấy. Bản thân tôi cũng không hiểu nổi làm sao mình vẫn giữ được thói quen nghịch ngợm thời học trò và cảm thấy sung sướng lâng lâng trong lòng. Tôi bắt đầu hát. Lúc đầu chỉ hát nho nhỏ cho chính mình nghe, rồi hát thật to như muốn vỡ lồng ngực với vẻ cao ngạo của Caruso, vừa đạp xe chạy giữa những cửa hàng sắc màu loè loẹt và cảnh buôn bán điên rồ của khu chợ bình dân. Mọi người vui thích nhìn tôi, gọi tôi rồi rít, khuyến khích tôi tham gia vào cuộc đua xe lăn vòng quanh đất nước Colombia. Tôi giơ tay vẫy chào mọi người như một thủy thủ hạnh

phúc và vẫn không ngừng hát ca. Trong tuần lễ đó, để chào đón tháng Mười Hai, tôi viết một bài báo mạnh bạo khác: Làm thế nào để cảm thấy hạnh phúc khi ngồi trên xe đạp ở tuổi chín mươi.

Đêm sinh nhật cô bé, tôi hát cho Delgadina nghe toàn bộ bài ca và hôn toàn thân cô cho đến khi không còn đủ hơi sức nữa mới thôi: dọc theo sống lưng, từng đốt xương một, cho đến mông đít trắng xanh nhợt nhạt, bên sườn có vết sẹo, bên sườn có trái tim không mệt mỏi của em. Tôi hôn đến đâu thì thân thể cô bé nóng dần lên đến đó và toát lên mùi hương đồng cỏ nội. Cô bé cũng đáp lại những nụ hôn của tôi bằng những rung động mới ở từng tắc da thịt, và ở mỗi chỗ trên da thịt của bé tôi lại thấy độ nồng ấm khác nhau, một hương vị riêng, một tiếng rên mới, và toàn thân bé như rung lên liên tiếp các nốt nhạc trong bản hợp âm rải và hai núm vú hé nở như hoa dù tôi không đụng đến. Tôi bắt đầu thiêu thiêu ngủ vào lúc sáng sớm khi cảm thấy tiếng rì rầm của đám đông ngoài biển và nỗi sợ hãi của hàng cây như xuyên qua trái tim mình. Lúc ấy tôi đi ngay vào buồng tắm và viết lên trên tấm gương: Delgadina của đời anh, những làn gió Giáng sinh đã thổi nền rồi.

Một trong những kỷ niệm hạnh phúc nhất đời tôi chính là cảm giác xao xuyến trong lòng buổi sáng sớm ngày nọ khi vừa bước ra khỏi trường học. Chuyện gì đã xảy ra với tôi nhỉ? Cô giáo ngạc nhiên nói với tôi: Chà, hoá ra em không biết đó là những làn gió biển à? Tám mươi năm sau, một lần nữa tôi lại cảm thấy làn gió khi tỉnh dậy trên giường của Delgadina, cũng trong một sáng tháng Mười Hai đến rất đúng hẹn với bầu trời trong suốt, những cơn bão cát, những cơn lốc ngoài đường phố làm tốc mái nhà và tốc vấy các cô bé học sinh. Lúc này, thành phố như vang vọng tiếng ma quỷ. Trong đêm lộng gió biển người ta vẫn nghe thấy tiếng hò hét từ khu chợ vọng lên đến tận những khu dân cư cao nhất như ở ngay góc phố. Nên cũng chẳng có gì lạ nếu lòng trong tiếng gió tháng Mười Hai ta vẫn nghe thấy tiếng những người đang tản mát đâu đó trong những hộp đêm xa xôi nhất. Tuy nhiên, những cơn gió biển cũng mang lại tin chẳng tốt lành gì là Delgadina không thể qua lễ Giáng sinh cùng tôi vì cô bé phải ở với gia đình mình. Nếu có điều gì làm tôi căm ghét nhất ở thế gian này thì đó chính là những ngày lễ bắt buộc trong đó người ta khóc vì vui sướng, những buổi bắn pháo hoa, những bài hát mừng trong lễ Nô-en, những dây hoa giấy chẳng liên quan gì đến đứa trẻ đã ra đời cách đây hơn hai nghìn năm trong một chuồng ngựa nghèo nàn. Tuy nhiên khi đêm đến, tôi không cảm nổi nỗi nhớ mong và tôi đã đến phòng ngủ không có cô bé say ngủ. Tôi ngủ rất ngon, và tỉnh dậy

cùng với một con gấu nhồi bông đi được hai chân như gấu trắng Bắc cực cùng với một tấm danh thiếp ghi: Để tặng người bố xấu xí. Rosa Cabarcas đã có lần nói với tôi là Delgadina đang học đọc qua những bài giảng của tôi viết trên gương, và nét chữ đẹp của em khiến tôi thấy khâm phục. Nhưng chính bà ta lại làm tôi buồn vì cái tin quá tệ hại: con gấu là quà của chính bà ta, thế là tôi quyết định qua đêm đón Năm mới ở ngay nhà mình và lên giường từ lúc tám giờ tối rồi ngủ không hề vương vấn chút cay đắng nào. Tôi cảm thấy hạnh phúc, bởi vì vào thời khắc mười hai giờ đêm, trong tiếng chuông vang vang bực tức, tiếng còi tầm của các nhà máy và xe cứu hỏa, tiếng thở than của các con tàu thủy, tiếng nổ của thuốc súng, của pháo, tôi cảm thấy Delgadina đi rón rén vào nhà, nằm xuống bên cạnh tôi và trao cho tôi một nụ hôn. Thật đến nỗi trên miệng tôi còn đọng mùi hương cam thảo của nàng.

Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi

Dịch Giả: LÊ XUÂN QUỲNH

Nobel Văn học 1982

Chương 4

Đầu năm mới, chúng tôi bắt đầu quen như hai người sống chung và cùng tỉnh táo, bởi vì tôi đã tìm được một âm độ giọng nói cần trọng khiến cô bé dù không tỉnh dậy nhưng vẫn nghe hiểu được, và trả lời tôi bằng ngôn ngữ tự nhiên của thân thể mình. Trạng thái tâm lý của cô bé được biểu lộ qua cách ngủ. Từ chỗ mệt mỏi kiệt sức và hoang dại thuở ban đầu, dần dần thể trạng nội tâm em thanh thản hơn làm cho sắc mặt cũng ngày càng đẹp và làm phong phú hơn giấc ngủ mơ. Tôi kể cho em về cuộc đời mình, đọc vào tai em bản thảo các bài báo chủ nhật trong đó hình ảnh của em, và chỉ duy nhất của em, ẩn hiện trong từng dòng mà không cần phải viết ra thành văn.

Tôi để trên gối đôi hoa tai bằng cẩm thạch vốn là của mẹ tôi trước đây. Lần gặp sau, cô bé đeo vào tai nhưng trông không đẹp. Tôi lại đưa những bông tai khác hợp hơn với màu da của em. Tôi giải thích: Những chiếc hoa tai đầu tiên không phù hợp với kiểu tóc em. Những chiếc hoa tai này sẽ hợp với em hơn. Cô bé không đeo bất cứ loại nào trong những lần gặp sau đó, nhưng lần thứ ba thì đeo loại tôi đã chỉ dẫn. Thế là tôi hiểu ngay là cô bé không làm theo mệnh lệnh nhưng vẫn sẵn sàng dành cơ hội chiều theo ý thích của tôi. Những

ngày đó tôi đã quen với lối sinh hoạt gia đình này, nhưng tôi không ngủ thoải mái nữa mà mang theo bộ quần áo ngủ bằng lụa Trung Hoa đã lâu không dùng đến vì không có ai cởi cho tôi.

Tôi bắt đầu đọc cho cô bé Hoàng tử bé của Saint-Exupéry, một tác giả người Pháp được độc giả khắp thế giới khâm phục hơn chính người Pháp. Lúc đầu tôi đọc truyện mua vui mà không đánh thức cô bé dậy, thậm chí phải đến hai ngày liền để đọc cho xong cuốn sách. Sau đó chúng tôi tiếp tục với Truyện ngắn của Perrault, và Lịch sử thiêng liêng, Nghìn lẻ một đêm với các bản in được lành mạnh hóa dành cho trẻ em, và tôi nhận thấy tùy theo mạch truyện mà giấc ngủ của em sâu hay nông. Khi cảm thấy em đã thực sự ngủ sâu, tôi liền tắt đèn ôm cô bé ngủ cho đến khi gà gáy sáng.

Tôi cảm thấy hạnh phúc đến mức nhẹ nhàng hôn lên mí mắt của cô bé, và đêm nọ trong một loáng như ánh sáng vụt trên trời: cô bé mỉm cười lần đầu tiên. Sau đó, em lại vô cớ quay lưng lại phía tôi, và bực tức nói: Chính con bé Isabel làm cho những con ốc phải khóc. Kịch thích bởi ảo giác một cuộc đối thoại, tôi liền hỏi lại em bằng chính giọng điệu đó: Thế những con ốc là của ai? Cô bé không trả lời.

Tiếng nói của em mang đậm chất bình dân nhưng dường như không phải của em mà của ai đó nằm chính trong cơ thể của em nói ra. Mọi nghi ngờ nhanh chóng biến mất khỏi tâm hồn tôi: tôi thích em trong trạng thái say ngủ.

Vấn đề duy nhất của tôi là con mèo. Nó chán ăn và cáu bẳn, hai ngày liền nằm co quắp ở góc nhà và hung hãn cào cấu khi tôi định bỏ nó vào giỏ mây cho Damiana đưa đến bác sĩ thú y. Ngay sau khi nhét được nó vào túi sợi cây xương rồng, Damiana liền đưa đi ngay. Một lúc sau, từ trại nuôi mèo bà ta gọi về xin lệnh của tôi để giết con mèo vì không còn cách nào khác. Tại sao? Bởi vì nó quá già, Damiana nói. Tôi bực bội nghĩ rằng ngay như mình cũng có thể bị rang sống trên lò nướng thịt mèo. Tôi cảm thấy bất lực giữa hai ngọn lửa: tôi chưa học được tình cảm yêu thương mèo, nhưng cũng không có trái tim đủ tàn nhẫn để ra lệnh giết con mèo chỉ đơn giản vì nó quá già. Sách hướng dẫn để đâu mất rồi nhỉ?

Sự kiện này làm tôi xúc động mạnh đến nỗi tôi phải viết một bài báo cho số chủ nhật với đầu đề ăn cắp được của Neruda[7]: Có đúng mèo là một con hổ nhỏ ở phòng khách hay không? Bài báo, một lần nữa, lại gây nên một cuộc tranh cãi rầm rộ chia bạn đọc thành hai phe, một phe ủng hộ một phe chống lại loài mèo. Trong năm ngày đầu đã thắng thế luận điểm cho rằng việc hạ thủ con mèo là hợp lý nhưng vì lý do bảo vệ sức khỏe cộng đồng chứ không phải vì nó quá

già.

Sau cái chết của mẹ, tôi thường lo lắng rằng khi ngủ sẽ bị ai đó đụng đến người mình. Một tối nọ, tôi cảm thấy điều này, nhưng tiếng nói của ai đó làm tôi an tâm: *Figlio mio poveretto*[8]. Tôi lại cảm nhận được điều này một lần nữa vào buổi sáng sớm trong phòng của Delgadina, và tôi sung sướng nghĩ rằng cô bé đã chạm vào người tôi. Nhưng không phải: người đó chính là Rosa Cabarcas đang đứng trong bóng tối. Ông mặc quần áo vào và đi theo tôi ngay, bà ta nói, đang có chuyện rắc rối to.

Chuyện nghiêm trọng hơn nhiều so với sự tưởng tượng của tôi. Một trong những khách hàng sộp nhất của nhà chứa vừa bị đâm chết ngay trong phòng đầu tiên. Kẻ giết người đã bỏ trốn. Thi thể mập ú, không quần áo nhưng lại đi giày trông tái mét như con gà luộc đang nằm trong vũng máu ngay trên giường. Vừa bước chân vào tôi đã nhận ra ngay ông ta: J.M.B., một chủ ngân hàng lớn, nổi tiếng về thân xác khổng lồ, về tính thân thiện và cách ăn vận, và nhất là về nề nếp gia phong. Ở cổ có hai vết thương tím ngắt như hai vành môi và ở bụng có một vết đâm dài vẫn còn chảy máu. Thịt da vẫn còn mềm. Ngoài các vết thương, tôi có ấn tượng mạnh hơn cả là thấy chiếc bao cao su đã được lồng vào dương vật và hình như chưa kịp dùng trong hành động tình dục thì đã bị đâm chết.

Rosa Cabarcas không biết ông ta đã đi với ai bởi vì ông ấy cũng có đặc quyền đi cửa sau phía vườn cây. Cũng không loại trừ kẻ đi cùng cũng là một người đàn ông. Bà chủ nhà chỉ muốn nhờ tôi giúp mặc lại quần áo cho thi thể. Bà ta tin chắc là tôi đang lo lắng nghĩ rằng chuyện chết chóc ở đây xảy ra như cơm bữa. Không có việc gì khó hơn là mặc quần áo cho một người chết, tôi nói với bà ta. Tôi làm việc này vì sự chần dốt của Chúa Trời, bà ta đáp lại. Nếu có ai giữ hộ tôi cái xác chết thì công việc sẽ dễ dàng hơn. Tôi nhắc bà ta: Thế bà đã hình dung ra việc không ai lại tin một xác chết đầy vết đâm chém lại được mặc trong bộ quần áo của một công tử còn nguyên vẹn chứ?

Tôi run lên vì lo sợ cho Delgadina. Tốt nhất là ông mang con bé đó đi theo, Rosa Cabarcas nói với tôi. Thà chết còn hơn, tôi nói với bà ta miệng đắng ngắt. Bà ta nhận ra ngay tất cả và không dấu sự khinh khi: Ông đang run cầm cập! Vì con bé đấy, tôi nói dù chỉ là phần nửa sự thật. Bà phải báo cho con bé ra đi trước khi có ai đó đến đây. Nhất trí thôi, bà ta nói, mặc dù ông sẽ chẳng gặp rắc rối nào đâu vì là nhà báo. Bà cũng thế, tôi nói với chút bực mình. Bà là người duy nhất thuộc phái tự do được quyền lãnh đạo chính phủ này.

Thành phố này vốn được tiếng là yên bình và an toàn kể từ khi mới ra đời, ấy thế mà năm nào cũng có một vụ giết người dã man và đầy tai tiếng. Cái chết nọ cũng chưa phải là tất cả. Bản tin chính thức với tít lớn và đầy ắp chi tiết giải thích rằng ông chủ ngân hàng trẻ tuổi đã bị đâm nhiều nhát dao đến chết trên đường quốc lộ Pradomar vì lý do khó hiểu. Ông chưa từng có kẻ thù. Thông báo của chính quyền thì chỉ rõ nghi ngờ rằng những kẻ sát nhân có thể nằm trong số những người tỵ nạn từ quê ra các thành phố hiện đang gây nên một làn sóng tội phạm hình sự hoàn toàn xa lạ với ý thức công dân của tuyệt đại dân chúng. Ngay trong những giờ đầu tiên đã có hơn năm mươi người bị bắt.

Tôi đến và cãi vã ồn ào với biên tập viên phụ trách tư pháp, một nhà báo điển hình của những năm hai mươi, đầu đội mũ lưỡi trai nhựa màu xanh và ống tay áo cài khuy, lúc nào cũng muốn đi trước mọi sự việc. Tuy nhiên, lúc này anh ta chỉ biết một vài chi tiết vụn vặt liên quan đến tội ác, và tôi phải bổ sung thêm những chi tiết khác một cách hết sức thận trọng. Và thế là hai chúng tôi cùng viết một bản tin dài năm trang đánh máy được đăng tám cột trên trang nhất của báo với lời chú giải là theo nguồn tin đáng tin cậy, một thứ bóng ma muôn thuở mà nhà báo chúng tôi vẫn sử dụng. Nhưng Người đàn ông đáng ghét vào lúc chín giờ - tức nhân viên kiểm duyệt vào lúc báo chuẩn bị lên khuôn - không hề run tay sửa lại nội dung cho giống y thông báo chính thức coi đó là vụ tấn công của bọn cướp đường thuộc đảng tự do. Tôi tự an ủi lương tâm bằng việc vác bộ mặt sầu thảm cùng đồng đạo mọi người đi trong đám tang bỉ ổi và đông đúc nhất của thế kỷ.

Tối hôm ấy, vừa về đến nhà là tôi đã gọi điện ngay cho Rosa Cabarcas để hỏi xem Delgadina có việc gì không nhưng không có ai trả lời suốt bốn ngày liền. Ngày thứ năm, tôi nghiến răng đến nhà bà ta. Các cửa ra vào đều bị niêm phong, không phải do cảnh sát mà là do ngành y tế. Những người hàng xóm không hay biết một tý gì. Không có một dấu hiệu nào về Delgadina khiến tôi phải bắt đầu cuộc tìm kiếm quyết liệt và nhiều khi quá lỗ bịch đến mức thở hổn hển vì kiệt sức. Suốt trong nhiều ngày liên tục tôi ngồi ở bậc thang lên xuống tại công viên đầy bụi bặm nơi bọn trẻ con vẫn nghịch ngợm leo lên tượng đài Simón Bolívar, và quan sát tất cả những cô gái trẻ đi xe đạp. Họ đạp xe qua lại như những con nai tơ đẹp, gần gũi tưởng như nhắm mắt cũng chớp được. Khi đã hết hy vọng, tôi liền lẩn trốn vào nỗi an bình của điệu hát bolero. Cứ như một kẻ bị say chất men độc: mỗi lời bài hát đều gọi nhớ cô bé. Trước đây tôi

luôn cần có sự im lặng để viết vì hồn tôi thấm đậm chất âm nhạc hơn là chất văn chương. Nhưng bây giờ thì ngược lại: tôi chỉ viết được trong tiếng nhạc belero. Hình ảnh em đầy ắp đời tôi. Trong suốt hai tuần lễ đó, những bài báo tôi viết đều trở thành những bức thư tình mẫu mực. Ngược hẳn với số đông độc giả trong các bức thư gửi đến, ông trưởng ban biên tập lại đề nghị tôi hạ nhiệt bớt lửa tình yêu trong khi chúng tôi nghĩ cách làm sao an ủi cho được những kẻ tình si.

Từ cảnh bất an trong lòng đã làm suy kiệt sức lực của tôi. Tỉnh dậy từ năm giờ sáng nhưng tôi vẫn nằm trong bóng tối chập choạng của phòng ngủ để hình dung ra Delgadina trong đời thực đang đánh thức các em dậy, mặc quần áo cho chúng đến trường, cho chúng ăn sáng nếu như có thứ để ăn, rồi sau đó đạp xe xuyên qua thành phố để thực hiện án phạt suốt ngày ngồi đơm cúc áo. Tôi kinh ngạc tự hỏi: Trong khi đơm cúc áo, người phụ nữ sẽ nghĩ gì nhỉ? Nghĩ đến tôi chăng? Liệu cô bé có đi tìm Rosa Cabarcas để lại được gặp tôi không nhỉ? Suốt cả tuần lễ tôi không thay quần lót, không tắm gội, không cạo râu, không đánh răng bởi vì tình yêu đến với tôi quá muộn để làm đẹp với ai được nữa. Damiana tưởng tôi bị ốm khi thấy tôi nằm loã thể trên văng vào lúc mười giờ sáng. Tôi nhìn bà ta với đôi mắt đắm đuối và rủ cả hai cùng loã thể luôn. Bà ta khinh khỉnh nói với tôi:

- Ông có nghĩ mình sẽ làm được gì nếu tôi đồng ý?

Thế là tôi mới chợt hiểu nỗi đau khổ đang gặm nhấm người tôi đến mức độ nào. Tôi không còn nhận ra chính mình trong nỗi đau thơ đại. Tôi không dám rời khỏi nhà vì sợ lỡ mất những cú điện thoại gọi đến. Tôi ngồi viết mà không rời khỏi chiếc điện thoại, mỗi tiếng chuông reo lại làm tim tôi nhảy bắn lên vì nghĩ rằng đó là Rosa Cabarcas gọi đến. Thỉnh thoảng tôi lại ngừng công việc để gọi cho bà ta, và suốt ngày tôi gọi liên tục cho đến khi hiểu rằng chiếc điện thoại hoàn toàn vô cảm.

Một buổi chiều mưa, vừa trở về nhà, tôi đã thấy con mèo nằm cuộn tròn ở ngay bậc cửa ra vào. Trông nó bần thỉu, tàn tạ một cách đáng thương. Quyển sách hướng dẫn chỉ ra rằng nó đang bị ốm và tôi phải thực hiện một số biện pháp để cứu nó. Khi định đi nghỉ, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ là chính nó có thể dẫn tôi lần theo dấu vết của Delgadina. Tôi đem nó trong túi đi chợ đến tận nhà của bà Rosa Cabarcas, lúc này vẫn còn bị niêm phong nên không có một tí dấu hiệu sự sống nào. Con mèo háng hái nhảy ra khỏi cái túi xuống vườn và mất hút trong lùm cây. Tôi gõ cửa và nghe thấy một tiếng nói của một quân

nhân nào đó: Ai đến đây? Người lương thiện đây, tôi nói. Tôi đến tìm bà chủ quán. Ở đây không có bà chủ nào cả, tiếng nói lại vọng từ trong nhà ra. Tối thiểu cũng nhờ ông mở cửa để tôi tìm con mèo, tôi nài nỉ. Không có mèo nào cả, ông ta nói. Tôi hỏi: Ông là ai vậy?

- Chẳng là ai cả - Giọng nói vọng ra.

Tôi luôn hiểu rằng chết vì tình chẳng qua chỉ như tấm giấy pháp bằng thơ ca mà thôi. Buổi chiều hôm đó, khi trở về nhà, không có mèo và cô bé đi cùng, tôi nghiệm ra rằng mình không chỉ có thể sẽ chết mà thực ra thì đang chết dần chết mòn vì tình. Nhưng tôi cũng nhận thấy một sự thật ngược hẳn lại: niềm vui trong đau khổ của tôi vẫn không hề thay đổi. Tôi đã mất mười lăm năm để cố dịch bằng được một bài hát của Leopardi và mãi đến chiều hôm đó tôi mới cảm nhận một cách sâu sắc ý nghĩa của nó: Hồn tôi sao đón đau, tình yêu sao đắng cay.

Mọi người vô cùng lo lắng khi thấy tôi mặc quần áo lót và râu ria lởm chởm bước vào toà báo. Toà nhà mới được nâng cấp, mỗi người một ngăn, chung ánh sáng đèn chiếu từ trên trần, mới nhìn cứ tưởng như trong nhà hộ sinh. Bầu không khí im lặng giả tạo khiến ai cũng phải nói năng nhỏ nhẹ và đi lại rón rén. Ở tiền sảnh treo ba bức tranh sơn dầu vẽ ba chủ bút đảm đương chức vụ suốt đời, trông như các vị phó vương đã chết và những bức ảnh của các vị khách quý.

Phòng họp chính rộng rãi treo bức ảnh khổng lồ của toàn bộ ban biên tập hiện nay chụp hôm sinh nhật tôi. Tôi liên tưởng ngay đến bức chụp hồi tôi ba mươi tuổi và một lần nữa tôi sợ hãi nhận ra trong ảnh mình còn già đi nhanh và tệ hại hơn nhiều so với trong đời thực. Cô thư ký hôn tôi trong buổi mừng sinh nhật đã hỏi có phải tôi đang ốm không. Tôi sung sướng nói thật điều mà chắc cô ta không tin: Tôi đang ốm vì tình. Cô ta nói: Tiếc là không phải vì em! Tôi đáp lại: Biết đâu đấy.

Tay biên tập viên phụ trách khối tư pháp vừa đi ra khỏi khoang làm việc vừa nói to rằng ở khu vực nhà hát thành phố có hai xác chết con gái chưa xác định được danh tính. Tôi giật mình hỏi lại: Cỡ mấy tuổi? Trẻ lắm, ông ta nói. Có thể là những người chạy loạn ở tỉnh lên bị bọn đao phủ của chính quyền đuổi theo giết chết. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tình hình căng thẳng này cứ lảng lảng xâm nhập vào chúng ta như một vết máu loang mãi, tôi nói. Tuy đã đi xa, nhưng tay biên tập khối tư pháp vẫn hét to:

- Không phải như vết máu, sự phụ ối, mà là bãi cứt.

Mấy ngày sau, tôi còn gặp điều tệ hại hơn nữa. Hôm đó, có một cô gái mang cái túi giống hệt túi đựng mèo hôm trước bắt gặp đi qua

trước quán sách Mundo như một luồng gió lạnh. Tôi vội vàng đuổi theo cô ta, chen chúc giữa đám đông vào lúc mười hai giờ trưa nóng như đổ lửa. Cô ta rất đẹp, bước đi thật dài và mềm mại, khéo léo len lỏi giữa những người bộ hành đông đảo khiến tôi rất vất vả bám theo. Cuối cùng thì tôi cũng đuổi kịp và nhìn thẳng vào mặt cô ta. Cô bé lấy tay gạt mạnh tôi ra mà không thèm nói lời xin lỗi và tiếp tục bước đi. Không phải là cô bé mà tôi đang tìm kiếm, nhưng chính tính cách cao ngạo của cô ta còn làm tôi đau đớn hơn cả việc nếu cô ta chính là em bé của tôi. Ngay tức khắc tôi hiểu rằng mình không thể nhận ra Delgadina khi cô bé thức và mặc quần áo và rằng cô bé cũng không thể biết tôi là ai vì có bao giờ nhìn thấy đâu. Trong ba ngày điên rồ, tôi ngồi đan mười hai đôi tất màu xanh và hồng cho trẻ sơ sinh, cố gắng không nghe, không hát, không tư tưởng đến những bài hát khiến tôi nhớ đến Delgadina.

Tôi thực sự chẳng biết làm gì với nỗi đau tâm hồn và bắt đầu nhận ra mình đã già, bất lực trước tình yêu. Minh chứng đau đớn cho việc này chính là vụ tai nạn mà tôi đã chứng kiến: một chiếc xe buýt cán một cô gái đi xe đạp ngay giữa trung tâm khu thương mại. Khi xe cấp cứu vừa đưa cô bé đi khỏi, mọi người mới thấy hết cảnh nát vụn của chiếc xe đạp trong vũng máu tươi. Tôi xúc động mạnh không chỉ vì đám sắt vụn mà chính vì chiếc xe đạp có cùng nhãn hiệu, mẫu mã và màu sắc giống hệt chiếc mà tôi đã tặng Delgadina.

Các nhân chứng đều xác nhận người đi xe đạp bị thương là một cô gái rất trẻ, cao và gầy, có mái tóc cắt ngắn xoắn tít. Hoàn toàn hoảng hốt, tôi vội nhảy lên chiếc taxi đầu tiên đi qua để đến bệnh viện Tế bào, một căn nhà cổ lỗ tường bằng đất thổ hoàng trông chẳng khác gì nhà tù. Tôi phải mất nửa tiếng đồng hồ để vào và nửa tiếng khác để ra khỏi khu vườn cây đầy mùi hương thơm của trái cây nơi một người đàn bà khốn khổ chặn ngang đường và nhìn chăm chăm vào mắt tôi, nói:

- Tao là người mà bây không đến tìm đây.

Đến lúc đó tôi mới nhớ ra là ở trong vườn này có những người điên hiền lành của cả quận được tự do đi lại. Tôi phải đưa thẻ nhà báo cho ban giám đốc bệnh viện, họ mới chịu cử một y tá dẫn đến phòng cấp cứu. Trong sổ nhập viện có ghi các số liệu: Tên họ Rosalba Rios, mười sáu tuổi, không rõ nghề nghiệp. Triệu chứng: vỡ hộp sọ, choáng. Chẩn đoán tiếp tục theo dõi. Tôi hỏi trưởng phòng cấp cứu liệu có thể đến tận nơi thăm cô ta được không với hy vọng là ông ta từ chối, nhưng họ lại vui vẻ dẫn đi ngay để mong tôi có bài viết về tình trạng tồi tàn của bệnh viện đang bị bỏ rơi.

Chúng tôi đi qua căn phòng màu mè loè loẹt sặc mùi a-xít fénic với những bệnh nhân nằm chắt đông trên giường. Cuối phòng, trong một buồng đơn để chiếc cang bằng sắt trên đó nằm thẳng đơ cô gái mà chúng tôi đang tìm. Hộp sọ quần đầy băng trắng, bộ mặt không còn nhận ra được nữa, sứt sẹo và tím bầm, nhưng chỉ nhìn đôi bàn chân tôi cũng biết là không phải cô bé cần tìm. Tôi bỗng tự hỏi: Mình sẽ làm gì nếu đúng là cô bé nhỉ?

Dù trong lòng còn rối tinh lên vì chuyện tối hôm trước, nhưng ngày hôm sau tôi vẫn có đủ lòng can đảm đi đến tận nhà máy may áo sơ mi, nơi theo lời của Rosa Cabarcas là cô bé đang làm việc. Tôi xin phép ông chủ nhà máy cho đi xem các phân xưởng có thể sẽ thành hình mẫu của một dự án tầm cỡ châu lục của Liên hợp quốc. Ông chủ, một người Libăng da thô dày và ít nói đã mở toang vương quốc của mình với hy vọng sẽ được đầu tư thành một tấm gương toàn cầu.

Trong một khung nhà rộng lớn ngập trong ánh điện, ba trăm thiếu nữ mặc áo blu trắng với vết tro bôi trên trán[9] đang mài miết đơm cúc. Khi biết chúng tôi vào, họ đều ngược nhìn lên như những cô học trò nhỏ và liếc nhìn chúng tôi trong khi viên quản đốc giảng giải về những đóng góp của họ cho nền nghệ thuật đơm cúc áo. Tôi quan sát bộ mặt từng cô và pháp phồng lo sợ phát hiện ra Delgadina mặc đủ quần áo và đang thức. Nhưng chính một trong số các cô gái lại phát hiện ra tôi bằng ánh mắt thán phục đến dễ sợ và hỏi không chút nể nang:

- Thưa ông, có phải chính ông là người viết các bức thư tình trên báo không ạ?

Tôi chưa bao giờ hình dung nổi một bé gái say ngủ lại có thể gây ra chuyện khó xử cho mình như vậy. Tôi trốn chạy khỏi nhà máy không kịp chia tay với ai và cũng chẳng kịp suy nghĩ xem liệu trong số các thiếu nữ trinh nguyên kia có người con gái mình đang cố tìm hay không. Khi ra khỏi tôi chỉ có một tình cảm duy nhất trên đời là muốn khóc.

Sau đúng một tháng thì Rosa Cabarcas gọi điện đến để đưa ra lời giải thích không tưởng tượng nổi: bà ta đã có những ngày nghỉ xứng đáng ở thành phố Cartagena sau vụ giết hại ông chủ ngân hàng. Tất nhiên là tôi không tin lời bà ta, nhưng cũng chúc mừng bà ta đã tai qua nạn khỏi và để bà ta huyền thuyên tiếp những điều dối trá trước khi hỏi điều đang làm tôi thổn thức:

- Thế cô bé thì sao?

Rosa Cabarcas im lặng một lúc lâu. Nó vẫn ở đó, mãi sau bà ta mới

nói, nhưng lại cố tìm cách lảng tránh: Phải chờ thêm một thời gian nữa. Bao nhiêu lâu? Tôi vẫn chưa dự kiến được, rồi tôi sẽ báo cho ông biết. Tôi thấy bà sắp cúp máy liền nói ngay: Chờ tí đã, phải cho tôi chút ánh sáng chứ. Không có tia sáng nào cả, bà ta nói, và kết luận: Ông phải cẩn thận đấy vì chuyện này có thể làm hại ông, và nhất là làm hại con bé. Tôi không phải là kẻ hay nhõng nhẽo đâu. Tôi năn nỉ bà ta cho phép dù một lần duy nhất tiếp cận đến sự thật. Dù sao đi nữa, tôi nói, tôi và bà đều là tòng phạm cả mà. Bà ta không hề lùi bước. Yên tâm đi, bà ta nói, con bé vẫn khoẻ mạnh và vẫn chờ tôi gọi điện, nhưng ngay lúc này chẳng có chuyện gì làm đâu và tôi cũng không nói gì thêm nữa. Xin chào ông.

Tôi vẫn cầm chiếc điện thoại trên tay mà không biết tiếp tục nói gì được nữa, bởi vì đã quá biết không thể moi ở bà ta bất cứ chuyện gì bằng cách ép buộc. Quá trưa, tôi lại đi đến nhà bà ta, chỉ còn chờ trông vào điều may rủi. Căn nhà vẫn cửa đóng then cài cùng với dấu niêm phong của ngành y tế. Tôi nghĩ là Rosa Cabarcas đã gọi tôi từ một nơi khác, có thể từ thành phố khác, đó quả là một điềm xấu. Tuy vậy, lúc sáu giờ chiều, thời khắc ít ngờ nhất, bà ta đã xỏ qua điện thoại đến tôi những ký hiệu riêng của mình:

- Nay, bây giờ được rồi đấy.

Mười giờ đêm, toàn thân run rẩy và môi mím chặt để khỏi bật ra tiếng khóc, tôi mang theo những hộp sô- cô- la Thụy Sĩ, bánh mật hạnh nhân và kẹo cùng một giỏ hoa hồng cháy đỏ để phủ lên giường.

Cánh cửa khép hờ, đèn sáng và từ chiếc đài bán dẫn vọng ra bản sonat số một cho violon và piano của Brahms. Delgadina nằm trên giường rục rỡ và khác lạ khiến mãi tôi mới nhận ra.

Cô bé đã lớn hơn, nhưng không phải là về kích thước mà về nét già dặn hơn hai hoặc ba tuổi, và trông cũng loã thể hơn bao giờ hết. Đôi gò má như cao hơn, làn da sạm nắng biển, đôi môi mỏng, mái tóc cắt ngắn và xoắn tít khiến bộ mặt em có nét rạng rỡ của tượng Apolo của Praxíteles. Cặp vú của em cũng phồng phao hẳn lên không còn nằm gọn trong lòng bàn tay tôi được nữa, vòng eo cũng đã định hình, khung xương đã trở nên rắn rỏi và hài hoà hơn hẳn. Tôi say sưa với những thành tựu của tự nhiên nhưng lại hốt hoảng trước những nét giả tạo: lông mi giả, móng tay và móng chân sơn màu sẫm xà cừ và một mùi nước hoa sực nức chẳng có vẻ gì là tình yêu cả. Tuy nhiên, điều làm tôi nổi giận chính là mớ tài sản cô bé mang trên người: khuyên tai khảm ngọc bích, vòng đeo cổ bằng ngọc tự nhiên, một vòng đeo tay lấp lánh và thêu khéo léo, và đôi giày gót bằng. Bụng tôi ứ đầy làn hơi lạ.

- Đồ con điểm! - Tôi thét lên.

Quý dũ nói vào tai tôi một ý nghĩ đen tối. Và đúng là như vậy: trong đêm xảy ra tội ác, Rosa Cabarcas có lẽ đã không kịp và không đủ bình tĩnh quay lại báo cho cô bé, và cảnh sát đã thấy cô ta nằm một mình trong phòng, một đứa trẻ vị thành niên, bị ép buộc. Không ai dám hành sự như Rosa Cabarcas trong trường hợp này: bà ta bán trình của đứa bé cho một trong những viên sếp sòng để đổi lấy sự an toàn của chính mình trong vụ giết người. Điều đầu tiên, tất nhiên là phải làm chìm đi vụ bê bối này. Thật là tuyệt vời làm sao! Một chuyến đi hưởng tuần trăng mật cho cả ba người, cô bé và kẻ nọ thì trên giường còn Rosa Cabarcas thì trên sân thượng khách sạn sang trọng hưởng niềm hạnh phúc được thoát tội. Mù quáng vì sự tức giận quá độ, tôi lần lượt ném mọi thứ trong phòng vào tường: bóng đèn, chiếc dài, chiếc quạt điện, tấm gương, ly, cốc. Tôi không làm vội vã nhưng liên tục, hết sức ồn ào và với niềm say sưa trong khuôn phép cuộc đời. Đứa bé nảy bật lên ngay sau tiếng nổ đầu tiên, nhưng không nhìn tôi mà cuộn tròn mình lại quay lưng về phía tôi và cứ nằm như thế trong cơn co giật sợ hãi cho đến khi dứt tiếng đập phá. Đám gà mái trong vườn và lũ chó cũng làm tăng thêm tiếng hỗn loạn ầm ĩ. Dù tức giận mù quáng, tôi vẫn còn đủ minh mẫn và hứng khởi để sẵn sàng châm lửa đốt nhà thì vừa lúc Rosa Cabarcas trong bộ đồ ngủ bình thản xuất hiện ngay cửa ra vào. Bà ta không nói gì. Bà ta nhìn ước lượng mức độ cảnh tàn phá và thấy rõ bé gái đang nằm cuộn tròn như con ốc, đầu giấu trong hai cánh tay: sợ hãi nhưng còn nguyên vẹn.

- Trời ơi! - Rosa Cabarcas kêu lên - Sao tôi không có được một tình yêu như kiểu này!

Bà ta thương hại nhìn tôi từ đầu đến chân rồi ra lệnh: Đi nào. Tôi đi theo bà ta đến tận phòng. Rosa Cabarcas im lặng đưa cốc nước và ra hiệu cho tôi ngồi đối diện và lắng nghe tôi tâm sự. Nào, bà ta nói, bây giờ thì ông phải cư xử như một người lớn, và nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra?

Tôi nói với bà ta những gì mà tôi coi là sự thật vừa phát hiện ra.

Rosa Cabarcas im lặng nghe, không hề tỏ ra ngạc nhiên nhưng cuối cùng thì mặt mày cũng rạng rỡ hẳn lên. Tuyệt thật, bà ta nói. Tôi thường nói rằng ghen tuông biết nhiều hơn sự thật. Và bà ta liền nói thẳng tuột mọi chuyện đã xảy ra trong thực tế. Đúng là trong đêm xảy ra tội ác, bà ta nói, vì quá hốt hoảng nên tôi đã quên mất con bé say ngủ trong phòng. Một trong những khách hàng sộp, viên luật sư của người bị sát hại, không những làm việc phân phát quà cáp và hối lộ

cho những nơi cần thiết mà còn mời Rosa Cabarcas đi nghỉ ở một khách sạn sang trọng ở thành phố Cartagena để chờ cho vụ xì-can-đan chìm xuống. Ông hãy tin lời tôi, Rosa Cabarcas nói, trong suốt thời gian đó không lúc nào tôi quên được ông và con bé. Ngày hôm kia tôi mới về đến đây thì gọi điện ngay cho ông, nhưng không ai trả lời. Ngược lại, bé gái thì đến ngay tức thì, nhưng trông nó quá ư thảm hại nên tôi phải tắm tã cho nó hộ ông, phải sắm quần áo và đưa nó đi mỹ viện để người ta sửa sang lại cho nó như một bà hoàng. Ông thấy rõ rồi đó: trông nó tuyệt hảo. Tại sao có quần áo sang trọng ư? Đó là trang phục mà tôi phải thuê cho các em út của mình khi đi khiêu vũ với khách. Đồ trang sức ư? Đó là của tôi cả đấy: chỉ cần sờ vào là ông thấy nó toàn bằng kim cương giả và bằng sắt tây. Thôi, đừng giờ trò vớ vẩn nữa. Và và ta kết luận: Ông đến đó ngay đi, đánh thức con bé dậy, xin lỗi nó và giữ lấy nó luôn đi. Ông và con bé xứng đáng được hưởng hạnh phúc hơn ai hết đấy. Tôi nỗ lực phi thường để tin lời bà ta, nhưng tình vẫn thắng lý. Đồ gái điếm! Tôi nói, trong lòng rùng rục lửa tức giận. Đó chính là các người! Tôi hét to: Đồ gái điếm cút đi! Tôi không thèm biết gì về bà và bất cứ một mục đàn bà hư đốn nào khác ở trên thế gian này nữa, càng không cần biết gì về con bé đó. Từ cửa ra và tôi ra dấu vĩnh biệt. Rosa Cabarcas không nghi ngờ điều này. Cầu chúa lỗi ông đi - bà ta nhếch mép buồn bã nói, và quay ngay về đời thực. Dù sao tôi cũng sẽ gửi ông bản khai thiệt hại mà ông đã gây ra ở trong phòng ngủ.

Hồi ức về những cô gái điếm buồn của tôi

Dịch Giả: LÊ XUÂN QUỲNH

Nobel Văn học 1982

Chương 5

Đang đọc Những ngày mười lăm tháng Ba thì tôi bắt gặp một câu buồn thảm mà tác giả cho rằng là của Julius Cesar: Ta không thể kết liễu cuộc đời trong thân phận một con người mà những kẻ khác vẫn tin là ta phải như vậy. Tôi không thể xác minh được nguồn gốc thật sự của câu này có hay không ở trong các tác phẩm của Julius Cesar hoặc là trong các tác phẩm của nhà chuyên viết tiểu sử của ông, từ Suetonio đến Carcopino, nhưng câu này rất đáng nhớ. Trong mấy tháng tiếp theo của cuộc đời tôi, chính thuyết định mệnh của ông đã

truyền cho tôi lòng quyết tâm còn đang thiếu không những để viết cuốn hồi ký này mà còn để bắt đầu lại không chút sợ sùng mối tình với Delgadina.

Không một giây phút nào lòng tôi bình yên, ăn uống kém hẳn, và sút cân đến mức quần mặc rộng thùng thình. Những cơn đau trước chạy lung tung trong người nay ở hẳn trong xương cốt, tính khí thay đổi thất thường, đêm thì tỉnh như sáo nhưng không thể đọc và cũng không nghe nổi âm nhạc; ngày thì ngược lại đầu óc cứ mê mê tỉnh tỉnh nhưng lại không thể nào ngủ được.

Niềm an ủi bỗng từ trên trời rơi xuống. Trên chuyến xe buýt chật như nêm chạy tuyến Lome Fresca, một bà ngồi bên cạnh mà tôi không biết tên từ bến xe nào đã ghé vào tai tôi nói nhỏ: Ông vẫn còn chiến đấu được đấy chứ? Đó chính là Casilda Armenta, một mối tình kiểu ăn bánh trả tiền ngày xưa, người đã phải chịu đựng tôi như một khách hàng thường xuyên từ cái thời bà ta còn là một cô gái trẻ kiêu kỳ. Khi đã về hưu, ốm dờ, không đồng xu dính túi, bà ta đã lấy một người Hoa làm nghề trồng rau, nhờ vậy được mang họ, được giúp đỡ và có thể được hưởng chút tình yêu. Bảy mươi ba tuổi, thân thể đã trở lại như xưa, vẫn đẹp và vẫn đầy cá tính mạnh mẽ, và cũng giữ nguyên tính phóng túng của nghề nghiệp cũ.

Bà ta đưa tôi về nhà, một khu nhà vườn trồng rau kiểu người Hoa trên đồi bên đường dẫn ra biển. Chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế bố kiểu bãi biển ở ngay sân thượng mờ tối giữa những cây dương xỉ và thiên tuế, và những lồng chim treo lủng lẳng trên giá. Trên sườn đồi, những người Hoa đội nón lá đang trồng rau dưới cái nắng chói chang và xa xa hai mũi đá dấu dòng sông chảy lan ra tận mấy dặm ngoài biển khơi xanh xám của cửa biển Ceniza. Đang ngồi nói chuyện, chúng tôi bỗng nhìn thấy chiếc tàu chở khách vượt đại dương sơn màu trắng toát từ từ tiến vào cửa sông và chúng tôi im lặng dõi theo nó cho đến tận khi nghe rõ tiếng còi buồn thảm như tiếng rống của con bò đực ở cảng sông. Bà ta thở dài. Ông có nhận thấy điều gì không? Hơn nửa thế kỷ qua, đây là lần đầu tiên tôi không đón tiếp ông trên giường. Chúng ta đã là người khác rồi, tôi nói. Không để ý đến lời tôi, bà ta vẫn tiếp tục nói: Mỗi khi ở trên đài phát thanh người ta nói điều gì đó về ông, nào là khen ông được mọi người quý mến, nào ông là bậc thầy về tình yêu, tôi lại nghĩ trên đời này không ai hiểu được nét duyên và mách lới của ông bằng tôi.

Thực sự, bà ta nói, không có ai chịu đựng được ông tốt hơn tôi.

Tôi không chịu được nữa. Bà ta cũng cảm thấy điều đó khi nhìn thấy đôi mắt đắm lẹ của tôi, và chỉ đến lúc đó có lẽ bà ta mới phát hiện ra

rằng tôi không còn là người như trước đây nữa và tôi cũng cố nhìn bà ta với lòng can đảm của một kẻ không còn tin ở chính mình. Bây giờ tôi già rồi, tôi nói với bà ta. Chúng ta đều già cả rồi, bà ta thở dài. Có thể bên trong ta không cảm thấy nhưng bên ngoài thì ai cũng thấy rõ điều này.

Không thể không mở lòng mình, và vì vậy tôi liền kể cho bà ta nghe toàn bộ câu chuyện đang đốt cháy tâm can mình, từ lần gọi điện thoại đầu tiên cho bà Rosa Cabarcas trước hôm sinh nhật chín mươi tuổi, cho đến cái đêm bi thảm đập vỡ mọi thứ trong phòng ngủ và không bao giờ quay trở lại đó nữa. Bà ta chăm chú nghe chuyện tầm phào của tôi mà như đang sống trong đó vậy, suy ngẫm một lúc lâu rồi mỉm cười:

- Ông muốn làm gì thì làm, nhưng không được để mất con bé này - Bà ta nói với tôi - Không có gì bất hạnh bằng chết trong cô đơn. Chúng tôi đi đến cảng Colombia trên chuyến tàu hỏa bé nhỏ như đồ chơi và chạy chậm như ngựa đi bước một. Chúng tôi ngồi ăn trưa trước bến cảng làm bằng gỗ đã mục nát, nơi mà trước khi nạo vét cửa biển Ceniza, tất cả tàu bè khắp nơi trên thế giới đều phải cập vào để mọi người có thể vào được đất nước Colombia. Chúng tôi ngồi dưới bóng cây cọ và được các cô hầu bàn da đen to lớn phục vụ món cá rán với cơm dừa và chuối xanh. Chúng tôi ngủ gà ngủ gật trong cơn buồn ngủ nặng nề vào lúc hai giờ chiều rồi lại tiếp tục trò chuyện cho đến khi biển chìm trong ráng đỏ rực rỡ của chiều tà. Quả thực tôi thấy rất tuyệt vời. Ông hãy nhìn nơi chúng ta đến để hưởng tuần trăng mật này, bà ta nói đùa. Rồi tiếp tục nói nghiêm chỉnh: Hôm nay quay nhìn lại trước đây, tôi thấy cả một hàng dài ngót ngàn người đàn ông đã nằm chung giường với tôi, và có lúc tôi đã hết lòng mong ước được thực sự có hẳn một người dù là kẻ tệ hại nhất. Nhờ ơn Chúa tôi đã kịp gặp được ông chồng người Trung Hoa. Cứ như kết hôn với ngón tay út, nhưng ông ấy là của riêng tôi.

Bà ta nhìn vào mắt tôi như thăm dò phản ứng trước điều vừa kể, rồi nói tiếp: Thế thì ngay bây giờ ông phải đi tìm cô bé tội nghiệp đó, dù những gì người ta nói rất đúng về ghen tuông, dù gì đi nữa thì ông không được để ai cướp mất điều tốt đẹp của mình. Còn điều này nữa, không có lãng mạn kiểu ông nội đâu nhé. Nói thật nhé, bà ta chân tình kết thúc: ông đừng để đến chết mà vẫn chưa được hưởng sự tuyệt diệu của việc chôn gói trong niềm yêu thương say đắm. Ngay hôm sau, tôi run run quay số điện thoại. Một phần vì sự căng thẳng trước cuộc gặp lại Delgadina, một phần vì không biết bà Rosa Cabarcas sẽ đáp lại ra sao. Trước đó chúng tôi đã tranh cãi quyết liệt

vì bà ta đã tính quá mức những thiệt hại mà tôi đã gây ra ở phòng ngủ. Tôi đã phải bán đi một trong những bức tranh thân thương nhất của mẹ mà giá trị có thể là cả một gia tài, nhưng lúc cần thiết nó chỉ đáp ứng được một phần mười kỳ vọng của tôi. Tôi phải cộng thêm toàn bộ số tiền tiết kiệm rồi đưa đến cho Rosa Cabarcas với phương châm bất di bất dịch: Bà cầm lấy hoặc là từ bỏ luôn. Đó là một hành động tự sát, bởi vì chỉ cần bán đi một trong những bí mật của tôi, bà ta cũng đã có thể làm tiêu tan danh tiếng của tôi rồi. Nhưng bà ta không đá hậu mà chỉ giữ lại những bức tranh còn lại sau cái đêm đập phá của tôi. Tôi là kẻ bại trận ngay lần chơi đầu tiên: tôi không còn Delgadina, không có Rosa Cabarcas và cũng hết cả tiền tiết kiệm. Tuy nhiên, tôi cũng nghe thấy tiếng chuông điện thoại một lần, hai lần, ba lần và cuối cùng là bà ấy: Xem nào? Tôi không cất nổi lên lời. Tôi cúp điện thoại. Tôi nằm vật xuống võng, cổ trần tĩnh bằng những vằn thơ tình khổ hạnh của Satie, và mồ hôi đổ ra ướt đầm cả những dây võng. Cho đến tận ngày hôm sau tôi vẫn không có đủ can đảm để gọi điện thoại.

- Thôi được, này mụ đàn bà kia - Tôi nói một cách cứng cỏi - Ngày hôm nay thì tôi muốn.

Tất nhiên là Rosa Cabarcas đã đoán biết trước tất cả. Chà, ngài thông thái buồn bã của tôi ơi, bà ta thờ dài với vẻ luôn đắc thắng, ông đã mất hút suốt hai tháng liền rồi nay quay lại chỉ để nói điều ảo tưởng. Bà ta kể cho tôi nghe rằng đã hơn tháng nay chưa gặp lại Delgadina, nhưng hình như cô bé đã hồi phục sau cú sốc đêm phá bĩnh của tôi nên không hề đề cập gì chuyện đó và cũng không hỏi han gì về tôi nữa, rằng cô ta rất hài lòng với công việc mới, dễ chịu hơn và được trả lương cao hơn so với việc đơm cúc. Một đợt sóng lửa rừng rực đốt cháy lòng tôi. Chỉ có thể là làm điểm thôi, tôi nói. Rosa Cabarcas đáp lại ngay: Ông đừng ngu muội như thế, nếu làm thế thì nó đã ở đây rồi. Hoặc giả nó có thể ở nơi nào tốt hơn được không? Cách lý giải nhanh chóng của bà ta làm tôi càng thêm nghi ngờ: Làm sao tôi có thể biết là con bé không ở đó? Trong trường hợp này, bà ta đáp trả, tốt nhất là ông không nên biết đến điều đó nữa. Không ư? Tôi lại căm ghét bà ta một lần nữa. Rosa Cabarcas, để tỏ ra đã chịu, hứa sẽ đi lòng sục tìm con bé. Cũng không có nhiều hy vọng đâu, bởi vì điện thoại nhà bà hàng xóm mà tôi vẫn nhờ để gọi cho nó đã bị cắt rồi và tôi thì chẳng hề có một ý niệm gì về nơi cư trú của con bé. Nhưng cũng không đến mức phải chết vì tuyệt vọng, mẹ kiếp, bà ta nói, một giờ nữa tôi sẽ gọi cho ông.

Một giờ mà hóa ra ba ngày, nhưng bà ta đã tìm được cô bé trong

tình trạng sẵn sàng khỏe mạnh. Tôi sượng sùng trở lại và hôn lên từng phần da thịt của em, như sám hối vậy, suốt từ mười hai giờ đêm cho đến khi gà gáy sáng. Một lời xin lỗi dài mà tôi hứa sẽ còn lặp đi lặp lại mãi mãi và một lần nữa lại bắt đầu từ đầu. Căn phòng bị phá bỏ rồi bị dùng vào những việc tệ hại nên làm mất hết những gì trước đây tôi đã đặt vào đó. Bà ta cứ để nguyên như vậy và bảo tôi muốn nâng cấp lên thì phải tự làm lấy vì vẫn chưa trả hết nợ. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của tôi đã rơi xuống tận đáy rồi. Tiền hưu trí càng ngày càng ít. Vài ba thứ ở trong nhà có thể bán được - trừ những đồ trang sức thiêng liêng của mẹ - thì chẳng còn giá trị thương mại, không có thứ gì quá cũ để trở thành đồ cổ. Ở thời kỳ hoàng kim, viên tỉnh trưởng đã từng đưa ra một lời đề nghị hết sức hấp dẫn để mua toàn bộ khối sách của các tác giả cổ điển Hy Lạp, La Tinh và Tây Ban Nha của tôi cho thư viện của tỉnh, nhưng lúc đó tôi không có lòng nào bán chúng đi. Sau này, tình hình chính trị thay đổi và tình hình thế giới ngày càng tệ đi nên không có ai trong chính quyền nghĩ đến nghệ thuật và văn học nữa. Một mối vì không tìm được một giải pháp trong sạch, tôi dứt túi tất cả số trang sức mà Delgadina đã trả lại và đi tìm cách bán ở những ngõ hẻm tối tăm gần khu phố chợ. Với vẻ một nhà thông thái đáng trí, tôi lượn lờ vài lần trước những quán ăn dơ bẩn tồi tàn chật cứng khách, những cửa hàng bán sách cũ và cửa hàng cầm đồ, nhưng lòng tự trọng của mẹ tôi, Florina de Dios, đã ngăn bước: tôi không dám. Thế là tôi quyết định ngẩng cao đầu vào bán cho cửa hàng vàng bạc lâu đời và có uy tín nhất thành phố.

Anh chàng nhân viên cửa hàng đeo kính một tròng vào mắt, vừa xem xét đồ trang sức vừa hỏi tôi về một vài việc. Anh ta có phẩm chất, phong cách và tính cẩn trọng của một vị thầy thuốc. Tôi giải thích cho anh ta biết rằng tất cả số đồ trang sức này đều là di vật thừa kế của mẹ tôi. Anh ta nheo mắt tán thành sau mỗi lời giải thích và sau cùng gỡ kính một tròng ra.

- Tôi lấy làm tiếc - anh ta nói - nhưng tất cả đều làm bằng dít chai. Trước sự kinh ngạc của tôi, anh giải thích với vẻ thương cảm nhẹ nhàng: Cũng còn may là vàng vẫn đúng là vàng và bạch kim vẫn đúng là bạch kim. Tôi sờ túi quần để kiểm tra lại xem có đúng là đã mang theo hóa đơn mua hàng trước đây không rồi nói không chút hần học:

- Nhưng tất cả đã được mua ở cửa hàng đáng kính này hơn một trăm năm trước đây.

Anh ta không hề tỏ ra lúng túng. Trong các đồ trang sức thừa kế, anh

ta nói, cũng thường bị mất những phần quý giá nhất; bị những kẻ ngang ngược trong gia đình thay đổi hoặc bị các thợ kim hoàn lưu manh nào đó hoán đổi, và chỉ khi có ai đó muốn bán mới phát hiện ra sự gian lận. Nhưng xin phép ông mấy phút, anh ta nói và mang toàn bộ đồ trang sức đi vào sau cánh cửa cuối phòng. Một lúc sau quay lại, mời tôi ngồi chờ ở ghế mà không giải thích gì cả và tiếp tục làm việc.

Tôi quan sát cửa hàng. Trước đây tôi đã cùng mẹ đến đây một vài lần, và vẫn còn nhớ câu nói cửa miệng của bà: Đừng nói với bố nhé. Trong đầu tôi bỗng loé lên một ý nghĩ: Liệu Rosa Cabarcas và Delgadina có thoả thuận bán đồ thật và trả lại tôi đồ giả không? Khi mỗi nghi ngờ đốt cháy lòng thì tôi được cô thư ký mời đi theo qua chiếc cửa cuối phòng đến văn phòng nhỏ có dãy tủ đứng to. Một gã khổng lồ ăn mặc lôi thôi đứng bật dậy sau bàn làm việc và nhiệt tình bắt chặt tay tôi, xưng hô thân mật như bạn cũ. Chúng mình đã cùng học trường cấp ba với nhau, ông ta nói thay cho lời chào hỏi. Tôi nhớ ra ngay: Ông ta vốn là cầu thủ bóng đá giỏi nhất trường và là vô địch của những nhà chứa đầu tiên của chúng tôi. Đã khá lâu không gặp lại ông ta và thấy tôi hom hem già cả nên ông ta nhăm với một bạn học từ thuở nhỏ.

Trên mặt kính bàn làm việc đã mở sẵn một quyển hồ sơ lưu trữ có ghi lại lai lịch các đồ trang sức của mẹ tôi. Một danh mục chính xác với ngày mua và các chi tiết do chính bà đã thay đổi các viên đá quý của hai thế hệ những người đàn bà đẹp và trọng danh dự của dòng họ Cargamantos, và đã bán đồ thật cho chính cửa hàng này. Chuyện này đã xảy ra từ thời người cha của ông chủ hiện nay còn cai quản cửa hàng, còn ông ta và tôi còn đang ngồi trên ghế nhà trường.

Nhưng ông ta đã trấn an tôi: Những trò láo cá này vẫn thường xảy ra ở những gia đình lớn khi bị hoạn nạn, họ phải làm để giải quyết một nhu cầu cấp bách mà không phải hy sinh lòng tự trọng và danh tiếng. Trước thực tế phũ phàng, tôi thà giữ tất cả lại như một kỷ niệm về người mẹ Florina de Dios khác mà trước đây mình chưa biết.

Đầu tháng Bảy, tôi cảm thấy khoảng cách thực sự của cái chết. Trái tim tôi loạn nhịp và tôi bắt đầu nhìn thấy và cảm thấy những điềm dữ cuối cùng ở khắp nơi. Điềm rõ nhất là trong buổi hoà nhạc ở Bảo tàng Mỹ thuật. Hệ thống điều hoà không khí bị hỏng và những người tinh túy nhất của nền nghệ thuật và văn chương đã bị hấp nóng trong một căn phòng chật cứng người, nhưng điều kỳ diệu của âm nhạc vẫn tạo nên bầu không khí thiên đường. Cuối cùng, khi bản nhạc Allegreto poco mosso bắt đầu cũng là lúc người tôi run bắn lên vì ý

tưởng rõ ràng đây là buổi hoà nhạc cuối cùng mà số phận dành cho mình trước khi chết. Tôi không cảm thấy đau đớn và sợ hãi mà chỉ thấy xúc động mãnh liệt vì mình đã được sống với buổi hoà nhạc này.

Cuối cùng thì tôi, toàn thân ướt đầm mồ hôi, cũng mở được lối ra giữa các vòng tay và máy chụp ảnh, và vô tình gặp Ximena Ortiz, trông như một nữ chúa một trăm tuổi trên xe lăn. Bản thân sự có mặt của bà đã như một lời tuyên án trọng tội đối với tôi. Bà vận bộ đồ lụa màu trắng ngà, mềm mại như chính làn da của mình, mang vòng ngọc chính hiệu quấn ba vòng quanh cổ, mái tóc màu xà cừ cắt ngắn đúng một những năm hai mươi với một đuôi tóc hình cánh én một bên má, và đôi mắt ánh vàng rạng rỡ dưới vầng thâm quầng tự nhiên ở đuôi mắt. Mọi thứ đều như trái ngược với tin đồn là trí não của bà đã trống rỗng vì mất hết trí nhớ. Đứng chết lặng trước bà ta, tôi cố kìm làn hơi lửa đang bốc lên mặt và lặng lẽ cúi chào. Bà ta mỉm cười như một nữ hoàng rồi nắm tay tôi. Tôi chợt nhận ra đây là định mệnh mà mình không thể bỏ qua để có thể gỡ miếng xương bị hóc từ bấy lâu nay. Từ bao năm nay tôi đã mơ tới giây phút này, tôi nói với bà ta. Hình như bà ấy không hiểu. Thật vậy à! bà ta nói. Thế ông là ai? Tôi không bao giờ biết được lúc đó bà ta thật sự đã quên hay đó là sự trả thù cuối cùng của đời bà.

Niềm tin là mình có thể chết đến với tôi cũng một dịp như thế này mấy hôm trước sinh nhật thứ năm mươi, vào một đêm hội hoá trang khi tôi đang nhảy điệu tan-gô với một người đàn bà ghê gớm mà tôi chưa bao giờ thấy mặt, béo hơn tôi đến bốn mươi cân Anh[10] và cao hơn tôi đến hai tấc, nhưng lại để tôi lúi đi nhẹ nhàng như chiếc lông chim trước gió. Khi nhảy múa, chúng tôi ôm nhau chặt đến mức tôi cảm thấy cả dòng máu đang chảy trong huyết quản của bà ta. Tôi như bị ru ngủ vì hơi thở nặng nề, mùi hôi nách nồng nặc, cặp vú khổng lồ của bà ta, và lần đầu tiên bị rung động mạnh, tôi như bị ngã bở chừng vì tiếng hò hét của cái chết. Đó như một lời phán truyền đã man vang ngay bên tai tôi: Bây muốn làm gì thì làm, nhưng trong năm nay hoặc trong một trăm năm nữa bây sẽ chết vĩnh viễn.

Bà ta giật mình bỏ tôi ra: Cái gì thế? Không có gì đâu, tôi nói với bà ta nhưng cố kìm giữ trái tim mình:

- Tôi run vì bà.

Từ hôm đó tôi bắt đầu tính toán cuộc đời không phải bằng từng năm mà mười năm một. Mười năm của tuổi năm mươi có giá trị quyết định bởi vì tôi nhận ra là mọi người đều ít tuổi hơn mình. Mười năm của tuổi sáu mươi rất căng thẳng vì tôi nghĩ rằng mình không còn đủ

thời gian để mắc sai lầm nữa. Mười năm của tuổi bảy mươi thật đáng sợ vì nhiều lúc tôi đã tưởng đó là những tháng ngày cuối cùng. Tuy nhiên, khi tỉnh dậy thấy mình còn sống trong buổi sáng đầu tiên của những năm chín mươi tuổi trên giường hạnh phúc với Delgadina, tôi vui vẻ thấy rằng cuộc đời không phải như dòng sông ngẫu đục của Heraclite[11], mà là một dịp duy nhất được xoay trên que xiên ngang và tiếp tục được nướng tiếp ở mặt khác trong chín mươi năm nữa.

Tôi lại trở nên mau nước mắt. Bất cứ tình cảm thương yêu nào cũng làm tôi nghẹn ngào trong cổ họng mà không phải lúc nào cũng nén được, và tôi nghĩ đến chuyện từ bỏ niềm vui đơn độc chăm sóc giấc ngủ của Delgadina không chỉ vì biết mình sắp chết mà còn vì nỗi đau, thương cô bé sẽ sống thiếu mình trong những năm còn lại của đời em. Một trong những ngày bất định đó, tôi đăng trí đi đến đường phố cao quý Notorios và kinh ngạc thấy cái nhà trọ rẻ mạt nơi mà lúc chưa đầy mười hai tuổi, tôi bị cưỡng bức học bài học đầu tiên nghệ thuật làm tình nay chỉ còn là một đồng gạch vụn. Thời trước nó đã từng là một căn nhà của một hãng tàu biển lộng lẫy bậc nhất thành phố với những hàng cột đá hoa cương trắng có viền các lá đồng giả vàng, quây quanh một khu vườn có vòm thủy tinh bảy màu rạng rỡ như trong nhà kính. Ở tầng trệt, có cửa ra vào kiểu gô-tích là trụ sở trong suốt hơn một thế kỷ của Phòng công chứng thời thuộc địa, cũng chính là nơi suốt cả đời đầy mơ ước hão huyền bố tôi đã làm việc, phát tài phát lộc và rồi phá sản. Các gia đình ngụ cư đầu tiên đã dần dần từ bỏ các tầng trên, nhường chỗ cho đội quân những cô gái làm tiền mạt hạng lên xuống suốt đêm cho đến tận sáng với các khách hàng chộp được ở các quán nhậu bên cảng sông gần đó với cái giá một đồng rưỡi peso. Một lần, khi chưa đầy mười hai tuổi, còn mặc quần đùi và giày học trò trường tiểu học, không nén được tò mò xem các tầng trên có gì trong khi bố đang vật lộn với một trong vô vàn cuộc họp bất tận, tôi đã đi lên trên và thấy một quang cảnh thần tiên. Những người đàn bà đã bán rẻ thân xác của mình cho đến tận sáng bạch, đang đi lại trong nhà từ mười giờ trưa dưới cái nóng hầm hập của vòm thủy tinh nên đành phải loã thể và luôn miệng hét kể lại những cuộc phiêu lưu đêm hôm trước. Tôi vô cùng sợ hãi. Chỉ còn cách trốn ngay theo lối vừa lên, nhưng ngay lập tức một người đàn bà trần như nhộng, thịt chắc nịch sắc mùi xà phòng rẻ tiền ôm choàng lấy tôi từ phía sau lưng, nhấc bổng lên đưa về buồng ngăn bằng bìa giữa tiếng reo hò và hoan hô cuồng nhiệt của những người đàn bà loã lồ khác đang thuê nhà ở đó. Bà ta đè ngửa tôi xuống

chiếc giường dành cho bốn người, cởi quần của tôi với tài khéo léo bậc thầy, rồi nằm lên người tôi, nhưng nỗi sợ hãi chạy lạnh buốt trong người khiến tôi không thể tiếp nhận bà ta trên cương vị người đàn ông. Đêm hôm đó, trên giường ở nhà mình, xấu hổ vì cuộc cưỡng bức buổi sáng, tôi chỉ ngủ được có hơn một tiếng đồng hồ còn thì trần trọc với niềm khát khao được gặp lại bà ta. Buổi sáng hôm sau, trong khi những kẻ thức khuya còn đang ngủ ròn thì tôi run run trèo lên buồng đánh thức bà ta dậy, vừa khóc to thành tiếng với tình yêu cuồng điên cho đến khi bà ta, không chút thương xót, đưa mình đến cửa vào đời thực, Bà ta tên là Castorina và là nữ hoàng của cái nhà đó.

Cuộc tình trong nhà trọ này giá một đồng đối với những mối tình chớp nhoáng vãng lai, nhưng rất ít người trong chúng tôi biết rằng với giá này cũng có thể kéo dài đến hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Từ đó, Castorina đã dẫn dắt tôi vào cái thế giới chết tiệt nơi bà ta mời các khách hàng nghèo cùng dùng bữa ăn điểm tâm kha khá, cho họ mượn xà phòng, chữa đau răng cho họ, và trong những trường hợp khẩn cấp hơn, còn cho họ một cuộc tình từ thiện.

Không còn ai nhớ đến Castorina bắt từ nữa, vốn đã chết không biết từ lúc nào, nhưng bà ta là một người đàn bà đi lên từ những góc phố khốn cùng ở cảng sông để chiếm giữ ngai vàng thiêng liêng của mẹ thánh lớn nhất, bà ta cũng thường mang miếng vải bịt kiểu cướp biển che một mắt bị mất trong cuộc đánh lộn ở quán nhậu. Tay vệ sĩ cuối cùng của bà ta, một người da đen hạnh phúc sinh ở tỉnh Camaguay, Cuba, được gọi là Jonas, vốn là một trong những nhạc công thổi kèn trompét có tiếng ở thủ đô La Habana cho đến khi bị tai nạn xe lửa mất sạch hàm răng luôn cười rạo rở.

Sau chuyến đi thăm cay đắng đó, tôi cảm thấy tim mình đau nhói mà trong suốt ba ngày không một loại thuốc của thầy lang vườn nào làm dịu bớt. Tôi vội đến khám ông bác sĩ, thành viên một dòng tộc nổi tiếng, cháu nội của người thầy thuốc đã khám cho tôi lúc bốn mươi hai tuổi. Tôi giật mình tưởng gặp lại chính ông thầy thuốc trước đây vì viên bác sĩ cũng già khom như ông nội ở tuổi bảy mươi với cái đầu sớm bị hói và đôi kính cận dày cộp và với vẻ buồn bã thảm hại. Viên bác sĩ khám tỉ mỉ toàn thân tôi chăm chú cứ y như một thợ kim hoàn. Ông nghe ngực, lưng, xem mạch, phản xạ của đầu gối, đáy mắt, màu của mi dưới. Khi ngời tay, trong khi tôi thay đổi vị trí nằm trên bàn khám thì ông ta đưa ra những câu hỏi nhanh và mơ hồ khiến tôi không kịp nghĩ câu trả lời. Sau một giờ đồng hồ, ông nhìn tôi và cười sung sướng. Tốt thôi, ông ta nói, tôi tin là mình chẳng có việc gì làm

với ông cả. Thế nghĩa là sao? Nghĩa là thể trạng quá tốt so với tuổi của ông. Kỳ lạ thật, tôi nói, ông nội của ông cũng nói câu y như thế này khi tôi bốn mươi hai tuổi, làm như thời gian chưa từng trôi không bằng. Ông gặp ai thì người ta cũng luôn nói như vậy, ông ta nói tiếp, bởi vì bao giờ ông cũng có một tuổi nào đó. Để khiêu khích buộc ông ta nói lời phán quyết đáng sợ, tôi nói: Tuổi vĩnh viễn duy nhất chính là cái chết. Đúng vậy, ông ta nói, nhưng không dễ đến được tuổi ấy với một thể trạng khoẻ mạnh như ông bây giờ. Tôi rất lấy làm tiếc là không thể làm hài lòng ông được.

Đó là những kỷ niệm rất cao đẹp, nhưng đêm trước ngày sinh, 29 tháng Tám, tôi cảm thấy sức nặng kinh hồn của một thế kỷ đang lặng lẽ chờ mình khi tôi khó nhọc leo lên cầu thang ở nhà. Lúc đó, một lần nữa tôi lại nhìn thấy mẹ, Florina de Dios, trên giường của tôi cũng chính là giường của bà đã dùng cho đến tận khi chết, mẹ lại cầu nguyện cho tôi y như lần cuối cùng tôi gặp bà, hai giờ trước khi bà mất. Tôi lo lắng hiểu việc này có thể là điềm báo hiệu cuối cùng là mình sẽ không qua khỏi tuổi chín mươi nên vội vàng gọi điện thoại yêu cầu Rosa Cabarcas phải đưa ngay cô bé của tôi đến trong đêm nay. Tôi lại gọi bà ta lần nữa vào lúc tám giờ tối và bà ta vẫn nhắc lại là không thể được. Phải làm bằng được, bằng bất cứ giá nào, tôi sợ hãi hét lên và đập máy điện thoại quên cả chào. Nhưng mười lăm phút sau bà ta gọi điện lại:

- Được rồi, con bé đã ở đây.

Tôi đến vào lúc mười giờ hai mươi phút, và lật hết những con bài cuối cùng cho Rosa Cabarcas, đó chính là những quyết định của tôi đối với bé gái sau cái kết cục đáng sợ của chính mình. Bà ta cứ nghĩ là tôi vẫn còn ấn tượng về vụ người đàn ông bị đâm chết nên nói đùa: Nếu ông chết thì dứt khoát không phải là ở đây, ông hãy hình dung như vậy. Nhưng tôi lại nói với bà ta: Bà cứ nói chuyện tàu hoả ở cảng Colombia sẽ đề lên người tôi đi, nhưng tôi thừa biết đồng sắt vụn đáng thương đó lại không đủ khả năng giết hại ai cả.

Chuẩn bị sẵn sàng cho đêm đó, tôi nằm ngửa chờ đợi kết cục đau buồn của những giây phút đầu tiên của tuổi chín mươi mốt. Tôi nghe tiếng chuông nhà thờ vọng lại từ nơi xa, cảm thấy hương thơm ngào ngạt của tâm hồn Delgadina ngủ say bên cạnh, nghe thấy tiếng la hét nơi chân trời xa, tiếng khóc thốn thức của ai đó có lẽ đã chết ngay trong phòng này một thế kỷ trước. Tôi liền tắt đèn và với lòng can đảm cuối cùng, tôi lồng các ngón tay mình với các ngón tay cô bé để dặt tay nhau cùng đi. Tôi đếm mười hai tiếng chuông với mười hai giọt lệ cuối cùng của mình cho đến khi gà bắt đầu gáy sáng, và sau

đó là những hồi chuông vinh quang, những tràng pháo hoa ngày lễ hội phần khởi chào mừng tôi đã khoẻ mạnh và an toàn vượt qua tuổi chín mươi.

Những lời nói đầu tiên của tôi dành cho Rosa Cabarcas: Tôi sẽ mua của bà toàn bộ khu nhà, gồm cửa hàng và vườn tược. Bà ta nói với tôi: Chúng ta hãy làm một cuộc thách đố kiểu người già: ai trong hai ta mà sống sót thì sẽ được hưởng toàn bộ tài sản của người kia, và điều này sẽ được ký kết tại phòng công chứng. Không được, bởi vì nếu tôi chết thì mọi tài sản của tôi phải thuộc về cô bé. Thì cũng như vậy thôi, Rosa Cabarcas nói, tôi sẽ chăm sóc cô bé và sau đó tôi sẽ để lại toàn bộ tài sản, của ông và của tôi, cho nó; tôi có ai khác ở trên đời này nữa đâu. Trong khi đó, chúng ta sẽ sửa lại căn phòng của ông cho thật thơm mát, nhà tắm thật tốt, có điều hoà nhiệt độ, có sách của ông, có âm nhạc của ông.

- Bà nghĩ rằng cô bé sẽ nhất trí chứ?

Ài chà, nhà thông thái buồn bã ời, đúng là ông đã già nhưng không ngu muội - Rosa Cabarcas cười ngặt nghẽo nói - Đứa bé đáng thương đó đang mê muội vì yêu thương ông đấy.

Tôi đi ra phố ngập tràn ánh nắng và lần đầu tiên tôi nhận ra chính mình ở chân trời xa của thế kỷ thứ nhất của cuộc đời. Căn nhà của tôi, im lặng và hoàn toàn gọn gàng nề nếp, bắt đầu hưởng sắc màu của bình minh hạnh phúc. Damiana hát to dưới bếp và con mèo sống lại cạ đuôi vào giày tôi rồi đi theo tôi đến tận bàn viết. Giấy tờ héo mòn, lọ mực, chiếc bút lông ngỗng của tôi đều đã được sắp xếp gọn gàng trở lại, khi ánh nắng mặt trời lấp lánh giữa hàng cây bàng ngoài công viên và chiếc tàu thủy chạy trên sông chở thư tín vốn bị chậm một tuần vì hạn hán, đã kéo còi ồn ã đi vào cảng. Cuối cùng thì đó chính là đời thực, với trái tim tôi mạnh khỏe nhưng đã bị tuyên án sẽ chết vì tình yêu đẹp đẽ trong cơn hấp hối hạnh phúc vào một ngày nào đó ở tuổi ngoài một trăm của tôi.

Tháng 5 năm 2004.

HẾT

Chú thích

[1] *Virgo: Xử nữ, người mang mệnh Xử nữ, cung thứ sáu của hoàng đạo, tương ứng từ ngày 22 tháng Tám đến 23 tháng Chín.*

[2] *Garibaldi: chiến sĩ yêu nước Italia (1807- 1882) đã từng chiến đấu chống nước Áo vì sự thống nhất của Italia.*

[3] *Ciceron: chính khách, nhà tư tưởng và diễn giả nổi tiếng thời La Mã cổ đại, sống từ năm 106 đến 43 trước công nguyên.*

- [4] Nguyên văn: xứ Arcadia - một vùng quê của Hi Lạp mà các nhà thơ cổ biến thành xứ sở của thơ ngây và hạnh phúc.
- [5] Pentecôte: lễ hạ trần - theo Gia tô giáo; lễ năm mươi ngày sau lễ Vượt qua - theo đạo Do Thái.
- [6] Nhân mã: Cung thứ chín trong hoàng đạo.
- [7] Pablo Neruda (1904 - 1973): Nhà thơ lớn của Chilê, giải Nobel văn học năm 1971.
- [8] Figlio mio poveretto: Tiếng Ý trong nguyên bản, có nghĩa “Đứa con trai nhỏ tội nghiệp của tôi”.
- [9] Lễ tro: Nghi thức xúc tro trên đầu biểu hiện sự ăn năn sám hối khởi đầu mùa chay của đạo Gia tô
-

Nguồn: Ebook. com

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 03/07/2006 10:27:39 CH

Gabriel Garcia Márquez

Một ngày bình thường

Một buổi sáng thứ hai trời không mưa, bình minh ấm áp, Aurelio Escovar - một nha sĩ không bằng cấp, như thường lệ, dậy rất sớm và mở cửa phòng khám của mình lúc 6 giờ. Ông nhặt một vài cái răng giả vẫn còn bám trên những chiếc khuôn nhựa ra khỏi cái tủ kính và rải lên mặt bàn một dãy những dụng cụ được sắp xếp một cách tuần tự như thể chúng sắp sửa ra sân khấu. Ông bận một cái áo sơ mi kẻ ca rô có đính chiếc khuy mạ vàng ở cổ và một chiếc quần treo.

Aurelio Escovar khẳng khiu và gầy nhom, có cái nhìn vô cảm trước sự thể, y như cái nhìn của một người điếc.

Sau khi đã soạn các thứ ra mặt bàn, ông trải một tấm vải thô lên chiếc ghế khám bệnh và bắt đầu ngồi xuống, đánh bóng những cái răng giả. Ông làm việc như một cái máy, miệt mài, vô thức, hai chân cạo vào tấm vải thô một cách lơ đãng.

Hơn 8 giờ, Aurelio dừng lại một lúc và ngắm nhìn bầu trời qua khung cửa sổ nhỏ, có hai con chim ó đang rửa ráy dưới ánh mặt trời trên nóc nhà hàng xóm bên cạnh, ông nghĩ có thể trời sẽ mưa lại trước giờ nghỉ trưa. Tiếng gọi lanh lảnh của đứa con trai 11 tuổi cắt ngang dòng suy nghĩ của ông.

- Bố ời.
- Gì thế?
- Ông thị trưởng muốn bố nhỏ rằng cho ông ấy.
- Bảo ông ấy là bố không có nhà.

Aurelio lại tiếp tục cầm cúi đánh bóng mấy cái răng giả bằng vàng. Ông đưa chúng ra xa, nheo mắt lại và bắt đầu ngắm. Tiếng đũa con trai lại vang lên.

- Ông ấy bảo là bố có nhà vì ông ấy nghe thấy tiếng bố rồi.
- Ông nha sĩ tiếp tục kiểm tra mấy cái răng giả đã được đánh bóng. Cho tới khi đặt chúng lên mặt bàn, ông mới lẩm bẫm:

- Tốt hơn rồi đây.

Ông sửa lại tám vải thô và nhặt ra vài thứ từ thùng các tông đựng những thứ cần làm của ông rồi tiếp tục đánh bóng những cái răng vàng.

- Bố?

- Gì thế? - Ông vẫn không đổi giọng

- Ông ấy bảo nếu bố không chịu nhỏ rằng, ông ấy sẽ bán vỡ đầu bố đấy.

Không vội vã, Aurelio nhẹ nhàng rút chân ra khỏi tám vải thô, tháo nó ra khỏi chiếc ghế, lôi cái ngăn kéo phía dưới của chiếc bàn ra, ở đó có một chiếc súng lục ổ quay. "Được rồi, bảo ông ta vào đây mà bắn bố".

Ông cuộn chiếc ghế lại và đặt đối diện với cái cửa ra vào. Tay ông đặt cạnh gờ của cái ngăn kéo. Ngài thị trưởng xuất hiện ở cửa.

Khuôn mặt phía bên phải của ông khá nhăn nhui nhưng má trái sưng vù lên, râu ria phải đến 5 ngày không cạo. Người nha sĩ đọc thấy sự tuyệt vọng trong ánh mắt mờ đục của ông. Ông nhón đầu ngón trỏ

đóng cái ngăn kéo lại và nhỏ nhẹ nói:

- Mời ngồi.

- Chào ông. - Ngài thị trưởng nói.

- Xin chào.

Trong khi chờ đợi nha sĩ đun nóng các dụng cụ, ông thị trưởng ngả đầu lên ghế và cảm thấy đã khá hơn. Hơi thở của ông ta lạnh giá. Đây là một phòng khám nghèo nàn: một chiếc ghế bằng gỗ cũ rích, một ngăn thủy tinh chứa những chai lọ bằng gốm, đối diện với chiếc ghế là một cửa sổ nhỏ với những tấm màn treo lơ lửng đến ngang vai. Khi cảm thấy nha sĩ đang bước đến gần, ngài thị trưởng giữ chặt bàn chân của mình và há rộng miệng.

Aurelio Escovar nghiêng đầu về phía ánh đèn. Sau khi kiểm tra chiếc răng bị nhiễm trùng của ngài thị trưởng, ông khẽ ra hiệu cho thị trưởng ngậm miệng lại và nói:

- Tôi phải xử lý cái răng này mà không gây tê.

- Tại sao?

- Vì ông đã bị áp xe.

Ngài thị trưởng nhìn thẳng vào mắt ông nha sĩ, cố gắng mỉm cười và nói: "Cũng được". Vị nha sĩ không cười đáp lại. Ông mang chiếc chậu đựng những dụng cụ khử trùng ra bàn làm việc, chậm rãi dùng kẹp vớt những vật dụng này ra khỏi chậu nước. Rồi ông đẩy cái ống nhỏ về phía ngài thị trưởng bằng đầu mũi giày và đi tới bồn nước rửa tay. Ông cứ thế làm, không hề nhìn ngài thị trưởng còn ngài thị trưởng thì dường như không rời mắt khỏi người nha sĩ.

Đây là một chiếc răng khôn hàm dưới. Nha sĩ đứng dạng hai chân, giữ chặt cái răng bằng một chiếc kẹp. Ngài thị trưởng nắm chặt tay vào thành ghế, lấy hết sức lực giữ chặt hai chân của mình nhưng

ông không hề kêu la. Người nha sĩ chỉ cử động mỗi cổ tay của mình. Ông nói với một chút chua xót:

- Bây giờ thì ông phải cảm ơn 20 bệnh nhân đã chết của tôi.

Ngài thị trưởng nghe rõ tiếng lạo xạo bên trong quai hàm của mình. Mắt mũi ông nhòe nhoẹt nước, nhưng ông cố gắng nín thở cho tới khi chiếc răng được lôi ra. Rồi ông nhìn thấy nó qua hàng nước mắt. Trông nó thật kỳ lạ so với nỗi đau kinh khủng đã hành hạ ông trong suốt năm ngày vừa qua.

Cúi gập xuống cái ống nhỏ, mò hôi vạt vĩa, thở hổn hển, ông cởi cái khuy áo chèn của mình và quờ quạng tìm chiếc khăn tay trong túi áo. Người nha sĩ đưa cho ông ta một miếng vải sạch.

- Lau nước mắt đi, ông nói

Ngài thị trưởng làm theo, run lẩy bẩy, trong lúc người nha sĩ đang rửa mặt, ông nhìn lên mảng trần nhà vỡ vụn chằng chịt mạng nhện, trứng nhện và những côn trùng đã chết. Người nha sĩ quay lại, lau khô tay và nói: "Nghỉ ngơi và súc miệng bằng nước muối". Ngài thị trưởng đứng dậy, chào nha sĩ bằng lời chào của quân đội và sải chân về phía cửa, quên cả cài lại khuy áo chèn của mình.

- Cứ gửi hóa đơn nhé...

- Cho ông hay cho thành phố?

Ngài thị trưởng không thèm nhìn người nha sĩ. Ông đóng cửa và nói qua khung kính:

- Như nhau cả thôi.

Gabriel Garcia Márquez

Người chết trôi đẹp nhất trần gian

Có một vật màu xám mang vẻ bí hiểm từ ngoài khơi đang rạt vào bờ. Những đứa trẻ nhìn thấy nó, lúc đầu tưởng là một chiếc tàu chiến dịch. Nhưng sau thấy nó chẳng treo cờ cũng chẳng có hệ thống cột buồm, chúng lại nghĩ rằng đó là con cá voi. Khi vật đó đã đậu lại ở bãi biển, bọn chúng liền ủa xuống nước, xúm lại thi nhau gỡ hết rong rêu, vẩy cá, cả xác những con sứa bám xung quanh, chỉ đến lúc này lũ trẻ mới nhận ra là người chết trôi.

Thế là cả buổi chiều hôm ấy, chúng nghịch cái xác chết, hết đào lên lại chôn xuống cát. Bỗng có người nhìn thấy, kêu toáng lên cho mọi người hay biết, lúc ấy chúng mới chịu thôi. Những người đàn ông khiêng cái tử thi này về một ngôi nhà gần nhất đều kêu rằng, họ chưa hề khiêng một người chết nào nặng như thế và họ bảo với nhau rằng vì ngâm lâu dưới biển nên nước đã ngấm tới xương. Khi cái xác đã được đặt xuống sàn nhà, người ta nhận thấy đó là một cái xác to đùng chưa từng có bởi nó choáng gần hết gian nhà. Nhưng mọi người lại nghĩ rằng theo đặc tính tự nhiên của những tử thi chết trôi bao giờ nó cũng trương phình ra. chỉ có hình thù của nó cho phép người ta nhận ra đó là một cái thân người bởi vì da của nó

được bao phủ bởi một lớp bùn mang màu xanh của biển.

Không cần phải rửa mặt cho anh ta cũng nhận ra anh là một người lạ mặt. Làng này chỉ có 20 nóc nhà lá, sân lũng cũng những sỏi cùng đá chẳng có bồn hoa cũng không có cây ăn quả. Những ngôi nhà này được dựng trên một doi đất đã heo hút lại rất hẹp đến nỗi mỗi bận đi vắng, các bà mẹ đều lo gió thổi con mình ra biển. Làng hẹp đến nỗi không có đất để mai táng người chết và buộc phải ném tử thi xuống vực biển. nhưng biển ở đây rất hào hiệp và hiền lành đối với con người; vả lại đàn ông trong cái làng này không lấy gì làm đông lắm, chỉ cần 7 chiếc thuyền cũng vừa đủ chở họ. Do đó, khi có cái xác chết trôi này những người đàn ông trong làng đưa mắt nhìn nhau đã biết ngay trong số họ không thiếu một ai.

Đêm đó, đàn ông không đi biển. Họ vội tản đi các làng lân cận hỏi xem ở đó có người mất tích không. Đàn bà ở lại trông nom người chết trôi. họ lấy bã cối cọ thật sạch bùn cho người chết trôi, rồi lấy chiếc lược làm bằng đồi mồi gỡ hết rong biển bám vào tóc của anh ta. Trong lúc tắm gội cho người chết, các bà các chị thấy rằng rong rêu này là thứ chỉ có ở biển Thái Bình Dương và áo quần của anh ta rách bươm như thể anh ta đã bơi qua rừng san hô. Họ còn nhận ra rằng người chết trôi này rất kiêu hãnh bởi anh không mang biểu hiện cô đơn thường thấy ở những người chết trôi ngoài biển, cũng chẳng có biểu hiện gì là cầu cứu của những người chết đuối trong sông. Khi tắm gội cho người chết trôi này, mọi người bỗng nín thở im lặng vì nhận ra anh thuộc lớp người hiếm có không chỉ anh là người cao nhất, khéo nhất, dũng cảm nhất mà còn ngay khi ngắm nhìn anh, họ vẫn không tin được trong cuộc đời lại có người đàn ông đẹp đến thế...

Khắp cái làng này không có lấy một chiếc giường đủ rộng để anh nằm vừa, cũng chẳng có chiếc bàn nào chắc chắn đủ sức chịu nổi sức nặng của anh. Anh không mặc vừa quần áo của đàn ông làng này dù đó là quần diện ngày lễ của những người đàn ông cao to nhất, dù đó là sơ mi diện hằng ngày của những người đàn ông vạm vỡ nhất. Cả những đôi giày ngoại cỡ đóng đẹp nhất cũng không vừa chân anh. Cái cơ thể ngoại cỡ và đẹp đẽ đó của anh khiến các chị các cô khoái chí và thế là họ lấy luôn vài buồm may cho anh chiếc quần và một chiếc áo sơ mi để anh đi sang thế giới bên kia với tất cả niềm kiêu hãnh của mình. Ngồi thành vòng tròn, các chị vừa khâu quần áo, vừa ngắm nhìn anh và thốt nhiên nhận ra chưa bao giờ cơn gió lại gào thét như lúc này và biển Caribe cũng chưa bao giờ sôi động như đêm ấy, các chị đoán rằng những thay đổi bất thường của thiên nhiên là những điềm báo ít nhiều có liên quan đến người chết trôi này. Họ nghĩ rằng, nếu con người quý hóa ấy mà sống ở trong cái làng này thì nhà của anh hẳn phải có cửa rộng, trần cao, sàn chắc chắn nhất, giường nằm của anh hẳn phải rộng rãi vững chắc nhất và người vợ của anh hẳn phải là người phụ nữ hạnh phúc nhất. Họ lại nghĩ rằng anh là người có mãnh lực đến mức có thể gọi tên cá, cá phải nhảy lên khỏi biển; khơi dòng nước ngọt, nước ngọt phải chảy ra ngay nơi chỉ có đá phèn, trồng hoa trên vách biển hoa phải nở... Họ thầm so sánh anh với chính các đức ông chồng của mình và cho rằng cái đám đàn ông ấy không có khả năng làm trong cả cái đời mình cái mà anh chỉ làm trong một đêm và tự đáy lòng mình các chị chán ngấy những con người đó, coi như họ là những sinh vật tởm lợm và vô vị trên mặt đất này. Bọn họ cứ mãi mê theo đuổi những ý nghĩ ma quái ấy cho tới khi có một cụ già nhất, mà vì là người già

nhất nên cụ đã có thể bình tâm quan sát người chết trôi, bỗng thở dài nói:

-Người này có khuôn mặt của Êxtêban.

Đúng vậy, phần lớn chị em khi nghe nói nhìn lại người chết thêm một lần nữa đã không thể không nhận đó là Êxtêban. Nhưng các cô gái trẻ, vốn bướng bỉnh hơn, vẫn khẳng khẳng cho rằng nếu mặc quần áo tử tế cho anh, nếu đi giày màu vecni cho anh và nếu quàng cho anh rất nhiều hoa thì anh sẽ có cái tên là Lautêrô. Nhưng đó chỉ là ý tưởng tượng trống rỗng thôi. Do thiếu vải nên quần áo cắt cho anh đều không vừa. Chiếc quần đã cắt tòi lại may vụng nên anh mặc chật căng. Chiếc áo sơ mi vừa cài khuy xong thì cả hàng cúc đứt tung, dường như cái sức sống tiềm ẩn trong trái tim anh đã đứt đứt những chiếc cúc ấy. Sau nửa đêm, tiếng gió hú ngày một yếu dần và biển Caribe cũng ngày một lặng hơn. Trái lại căn phòng này bỗng trở nên ồn ào hơn bởi vì không còn nghi ngờ gì nữa người chết trôi này chính là Êxtêban. Những chị đã mặc quần áo cho anh, những chị đã cắt móng tay cho anh, những chị đã chải đầu cho anh, không thể ghìm lòng mình được nữa khi buộc phải đặt anh xuống sàn nhà. Ngay lúc này, chị em mới hiểu rằng với tám thân ngoại cỡ ấy, anh đã phải chịu bao nỗi bất hạnh, bất hạnh ngay cho đến khi đã chết. Người ta buộc anh phải đi cửa bên khiến anh va phải bậc cửa đến bươu đầu, buộc anh phải đứng suốt buổi không biết làm gì với đôi bàn tay trắng hồng mềm mại khi bà chủ nhà tìm cái ghế đầu chắc chắn mời anh ngồi mà lòng thấp thỏm sợ ghế gãy: “Êtêban ơi! Hãy ngồi xuống đi! Làm ơn ngồi xuống nào” , còn anh, lưng tựa vào

tường, mặt mày hớn hờ: “ Bà ơi! Cứ để mặc cháu, cứ để cháu đứng thế này cũng được mà” , vẫn tựa lưng vào tường trên đôi chân đờ hỏn và cái lưng đã chai ra do phải lặp đi lặp lại một động tác duy nhất trong tất cả các buổi thăm viếng hàng xóm, “ bà ơi! Bà đừng ngại, cứ để mặc cháu đứng thế này cũng được” ; mà hình như anh làm thế cốt để khỏi mang tiếng to xác ngồi gầy ghế nhà người ta và hầu như chẳng bao giờ anh để ý tới điều mà có những người khi đứng trước mặt anh thì mời mọc tha thiết: “Đừng đi vội Êxtêban nhé! Hãy đợi một lúc cho tới khi nào cà phê nóng đã”, nhưng khi anh vừa đi khỏi thì lại lẩm bẩm: “ thế là đã cút đi rồi cái thằng ngớ ngẩn to xác, sao mà tốt thế, cái thằng to đầu dễ thương”. Các bà nghĩ tới điều đó trước lúc trời gần sáng... Sau đó ít lâu, khi lấy khăn che mặt cho anh, các bà các chị thấy anh đã vĩnh viễn chết rồi, nom anh yếu ớt y hệt các đức ông chồng của mình và họ đã khóc anh bằng những dòng nước mắt chảy từ trái tim mình. Chính cô gái trẻ nhất đã khóc oà lên trước tiên. Những người đàn bà khác, do ám ức mãi rồi, được thế cũng oà lên khóc theo, lúc đầu còn là những tiếng thở dài náo nuột sau đó là những tiếng than khóc, bởi cái người chết trôi ấy đối với họ ngày càng hiển nhiên là Êxtêban. Họ khóc anh mãi tới mức anh trở thành người cô đơn nhất thế gian, trở thành con người hiền lành nhất, con người tận tụy nhất, Êxtêban đáng thương! Họ cứ khóc rưng rức như vậy cho tới khi những người đàn ông trở về nói rằng: “ Người chết trôi này không phải là người của các làng lân cận. Thế là các bà, các chị, các cô cảm thấy một niềm vui lâng lâng giữa hai hàng nước mắt:

-Lạy chúa! - bọn họ nói – Đích thị là người của chúng ta rồi.

Những người đàn ông tin rằng đó chẳng qua chỉ là nỗi sợ thoáng qua

của bọn đàn bà mà thôi. Đêm qua, do phải chạy đi hỏi các làng dân cận có người mất tích không, nên giờ đây họ đều mệt bã người. Họ chỉ mong trút bỏ ngay lập tức cảnh ồn ào như ong vỡ tổ do cái xác chết gây ra trước lúc ông mặt trời lên cao tải nắng lửa xuống, nhất là trong cái ngày oi bức không một ngọn gió này. Bọn họ vội vàng lấy cột buồm buộc thành một cổ đòn chắc chắn đảm bảo khiêng cái xác chết trôi này ra tới vực biển nơi làng thường “an táng” người chết của mình. Bọn họ còn muốn buộc thêm cái mỏ neo to vào củ khoai chân của xác chết để nó chìm hẳn xuống đáy biển, nơi cá phải mù mắt và những người thợ lặn giỏi nhất cũng không bao giờ lặn tới. Bằng cách này, họ nghĩ thế, dòng nước ngược không thể đẩy lại xác chết trở lại bãi biển như đã có một vài trường hợp trước đây từng xảy ra.

Song trong lúc đàn ông càng khẩn trương làm việc thì đàn bà bày vẽ đủ chuyện để làm mất thời gian. Hót ha hót hoảng như gà mẹ mất con, bọn đàn bà chạy tới lục trong rương hòm để tìm những chiếc bùa hộ mạng cho những người đi biển. Ở chỗ này mấy cô tranh nhau đeo cho anh những chiếc bùa cầu gió thuận, chỗ kia mấy bà tranh nhau đeo cho anh những chiếc vòng tay phước. Và sau nhiều lần quát tháo ầm ĩ: hãy cắt khỏi nơi đây, hãy tránh ra đằng kia, này, nhìn đây này, suýt nữa làm người ta ngã vào xác chết..., bọn đàn ông giận tràn hông và bắt đầu chửi bới vì sao lại đeo nhiều vòng quý cho người chết vô chủ này thế: à mà các bà không biết hẳn đeo nhiều như thế kia thì cá mập lại không biết đuổi theo rửa hết à. Mặc cho các ông muốn nói gì thì nói, các bà cứ tiếp tục đeo những trang sức quý của mình cho anh, cứ băng nhắng đi qua lại va phải các ông. Lúc này các bà, các chị, các cô không khóc nữa mà chỉ đôi lúc bật ra

những tiếng thở dài não ruột. Chính điều này càng chọc tức bọn đàn ông hơn, khiến họ càng giận hơn, buộc họ phải nói: ở đây chưa từng có chuyện như thế chỉ vì một người chết trôi xa lạ, một cái xác vô chủ, một cửa thừa thiu thối. Ngay tức khắc, một bà không nén giận được, đã lật tung cái khăn che mặt của người chết và thế là cả đám đàn ông câm họng im bật.

Đó là Êxtêban. Bọn đàn ông không thể nghi ngờ được nữa. Nếu như có ai đó nói với họ rằng đó là ngài Oantor Ralix thì có lẽ chính họ hình dung ra ngài với thứ tiếng Anh nói giọng Mỹ của ngài, với khẩu súng săn và chú vẹt của ngài đậu trên vai, song đây lại là Êxtêban, một con người hiền lành trên thế gian này. Như con cá, anh nằm trên sàn nhà mặt chiếc quần chạt ních, cái áo sơ mi phanh cúc, chân không quần xà cạp, móng chân anh thô phải dùng dao mới cắt nổi. Chỉ cần nhìn mặt anh một lần là đã nhận ngay ra vẻ bên lén của anh, rằng anh không có tội gì ngoại trừ điều anh là người cao lớn quá, nặng quá, đẹp quá và nếu như anh biết trước sự thể sẽ diễn ra như thế này, anh đã tìm tới nơi thật bí mật để trầm mình, thật đấy, nói một cách nghiêm túc đấy. Sự hiện diện của anh là có thực, rất thực đến mức ngay cả những người đàn ông hay ngờ vực nhất, những người trong những đêm thanh vắng ở ngoài khơi đang héo ruột héo gan lo ở nhà vợ mình vì đợi họ no chán vẫn không thấy về, ao ước được chung chạ với những người chết trôi, chính những con người ấy và cả những người đàn ông sắt đá nhất cũng đã phải cúi lòng thật sự trước Êxtêban chân thành.

Rồi đám tang của Êxtêban được cử hành với nghi thức trọng thể nhất có thể có đối với một cái thân vô chủ. Những cô gái đi hái hoa ở các làng bên cạnh khi trở về đã mang theo một số bạn bè vốn không

tin chuyên các cô kể; đến lượt những cô này, sau khi đã tận mắt nhìn thấy người chết trôi đẹp nhất trần gian, đi kiếm thêm hoa cho anh khi trở về lại kéo thêm nhiều cô khác.... cứ như vậy cho tới khi làng này đầy hoa và đông nghịt người đến nỗi không len chân nổi. Phút cuối cùng của tang lễ đã đến và mọi người không đành tâm đưa anh côi cút đi về thế giới bên kia nên làng chọn cho anh một ông bố và một bà mẹ trong số những cụ già được kính trọng nhất, một số người nhận là anh em ruột của anh, số khác nhận là chú, bác, cô, dì, cháu, chất, là anh em họ với anh... Thế là nhờ đó có anh mà cả làng này bỗng chốc trở thành những người ruột thịt của nhau. Tít ngoài khơi xa, khi nghe thấy tiếng khóc đưa ma, có một số thủy thủ bỗng dừng mắt phương hướng và người ta còn biết rằng trong số họ có một người khi nhớ tới câu chuyện những nàng tiên cá thuở xưa đã lấy thừng nhờ đồng đội trói mình vào cột buồm chính. Trong lúc tranh nhau khiêng người chết trôi đẹp nhất trần gian này, trước vẻ đẹp rực rỡ của anh, những người đàn ông, những người đàn bà lần đầu tiên cảm thấy những con đường chạy trong làng mình sao mà trống trải, nhận thấy những ước mơ của họ sao mà chật hẹp thế. Người ta ném người chết trôi xuống biển không cần buộc thêm mỏ neo để đề phòng khi anh muốn, hay khi nào anh muốn thì anh trở về với dân làng. Chẳng cần phải nhìn nhau, dân làng cũng biết họ đã thiếu mất một người, rằng từ nay trở đi không bao giờ họ sẽ có anh bên cạnh. Nhưng họ lại nhận ra rằng, từ đây trở đi, tất thảy rồi sẽ khác đi, những ngôi nhà của họ rồi sẽ có cửa rộng, trần cao, sàn chắc để hồn Êxtêban dạo chơi khắp làng mà không va đầu vào bậu cửa, và trong tương lai sẽ không còn ai lăm bắm cái mồm, thế là đã chết rồi cái thằng ngổ to xác, thế là đã về châu tổ cái thằng ngổ xinh xinh, thật là

đáng thương bởi chính họ sẽ là những người sơn quét lại tường nhà bằng những màu sắc vui mắt để mãi mãi kỷ niệm Êxtêban, và rồi chính họ sẽ phá hoang, khai dòng nước ngọt và trồng hoa trên vách đá vực biển, để một buổi mai nào đó, ngay giữa khơi, hành khách đi trên những con tàu khổng lồ bỗng thức dậy trong mùi hương nhài ngào ngạt, và chính cái sự kiện đó khiến vị thuyền trưởng trang trọng trong bộ đồng phục đất tiền, ngực lấp lánh huân chương chiến công, một tay cầm ống nhòm, từ trên buồm chỉ huy bước xuống boong tàu, tay chỉ hòn cù lao nằm ở phía chân trời biển Caribê và nói bằng 14 thứ tiếng: hãy nhìn về phía đó, nơi mà lúc này cơn gió đang say ngủ dưới gập giường, ở đó, nơi mà giờ đây mặt trời đang chói chang toả rạng khiến hoa hướng dương phải lúng túng không biết hướng về ngả nào, chính nơi ấy là làng của Êxtêban.